



CẨM NANG DOANH NGHIỆP

# Tóm lược Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP)



TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP  
PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM




TÀI TRỢ BỞI





Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam  
Trung tâm WTO và Hội nhập

TS. Nguyễn Thị Thu Trang  
(chủ biên)



CẨM NANG DOANH NGHIỆP  
**Tóm lược**  
**Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương**  
**(TPP)**

**Chủ biên:** TS Nguyễn Thị Thu Trang

**Biên tập:** Phùng Thị Lan Phương

TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP  
PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM (VCCI)

---

Quan điểm trong cuốn sách này là của các tác giả và không thể hiện quan điểm của ADB, Chính phủ Úc hay VCCI

## LỜI MỞ ĐẦU

Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP) là Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới giữa 12 nền kinh tế hai bờ Thái Bình Dương, trong đó có Việt Nam. Sau hơn 05 năm đàm phán, Hiệp định này đã hoàn tất đàm phán cuối năm 2015, được ký chính thức đầu năm 2016 và dự kiến sẽ có hiệu lực vào khoảng năm 2018.

Với phạm vi cam kết rộng, mức độ tự do hóa sâu, TPP chắc chắn sẽ có tác động mạnh mẽ tới toàn bộ thể chế kinh tế cũng như hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam.

Văn kiện đàm phán đầy đủ của TPP bao gồm 30 Chương, với gần 6.000 trang văn bản (tiếng Anh), cho thấy đây là Hiệp định có khối lượng các cam kết lớn nhất, phức tạp nhất mà Việt Nam từng có cho tới thời điểm hiện tại. Việc tìm hiểu và tận dụng được các cam kết này là thách thức lớn đối với các doanh nghiệp Việt Nam.

Để hỗ trợ doanh nghiệp thực thi hiệu quả Hiệp định này, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (Trung tâm WTO và Hội nhập) đã tiến hành biên soạn cuốn Cẩm nang doanh nghiệp “Tóm lược Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương”.

Đây là tài liệu tóm tắt các nội dung cốt lõi của TPP, lựa chọn trong số các cam kết có tác động trực tiếp nhất và dự kiến có ảnh hưởng nhiều nhất tới lợi ích của doanh nghiệp. Cẩm nang diễn giải các cam kết theo cách thức ngắn gọn, dễ hiểu, với các đánh giá ban đầu về các tác động tới doanh nghiệp, cùng các lưu ý doanh nghiệp về những vấn đề cần quan tâm nhất, các công việc chuẩn bị cần tập trung nhất.

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam trân trọng cảm ơn Ông Trần Quốc Khánh, Thứ trưởng Bộ Công thương, Trưởng Đoàn đàm phán Chính phủ về hội nhập kinh tế thương mại quốc tế, và các Ông Bà Trưởng các Nhóm đàm phán TPP thuộc các Bộ ngành về những tư vấn quý báu, những góp ý chuyên sâu cho nội dung của Cẩm nang này. Chân thành cảm ơn chuyên gia kinh tế cao cấp Phạm Chi Lan cho những khích lệ, động viên và bình luận sâu sắc của Bà trong suốt quá trình soạn thảo.

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam trân trọng cảm ơn Sáng kiến Phát triển Khu vực Tự nhân vùng Mekong (MBI) do Chính phủ Úc tài trợ và Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) tại Việt Nam thực hiện, đã hỗ trợ thực hiện Cẩm nang này.

PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM (VCCI)



## MỤC LỤC

### PHẦN THỨ NHẤT

#### CÁC VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TPP

- |   |   |    |
|---|---|----|
| 1 | TPP là gì?  | 14 |
| 2 | TPP đã kết thúc đàm phán và được ký kết, vậy tiếp theo sẽ là gì?  | 15 |
| 3 | Khi nào TPP có hiệu lực?  | 16 |
| 4 | TPP có thể thay đổi trong tương lai không?  | 18 |
| 5 | TPP kiểm soát việc thực thi của các thành viên như thế nào?   | 20 |
| 6 | Việt Nam vừa có TPP vừa có Hiệp định thương mại tự do riêng với các đối tác trong TPP thì sẽ thực hiện như thế nào? | 22 |
| 7 | Trong những trường hợp nào Việt Nam có thể bỏ qua/không tuân thủ các cam kết trong TPP?                             | 23 |

### PHẦN THỨ HAI

#### CAM KẾT TPP VỀ THUẾ QUAN VÀ MỞ CỬA THỊ TRƯỜNG ĐỐI VỚI HÀNG HÓA

##### I. Thuế quan và quy tắc xuất xứ để hưởng ưu đãi thuế quan

- |    |  |    |
|----|--|----|
| 8  | Các nước TPP dành ưu đãi thuế quan cho hàng hóa của nhau như thế nào?  | 26 |
| 9  | Có phải TPP sẽ loại bỏ toàn bộ thuế quan cho hàng hóa Việt Nam khi xuất khẩu sang các nước TPP không?                      | 28 |
| 10 | Có phải với TPP, Việt Nam sẽ phải loại bỏ thuế quan hoàn toàn cho hàng hóa nhập khẩu từ các nước TPP không?                | 30 |
| 11 | Nhà nước có đánh thuế đối với các sản phẩm nhập khẩu theo diện đặc thù (tạm nhập, nhập sau khi xuất để sửa chữa...) không? | 32 |
| 12 | Có phải thuế đối với các sản phẩm công nghệ thông tin sẽ được xóa bỏ hoàn toàn không?                                      | 33 |
| 13 | Có phải thuế xuất khẩu đối với hàng hóa sẽ được loại bỏ hoàn toàn sau TPP không?   | 34 |

##### II. Quy tắc xuất xứ đối với hàng hóa

- |    |   |    |
|----|---|----|
| 14 | Tại sao cần quan tâm tới quy tắc xuất xứ hàng hóa trong TPP?  | 35 |
| 15 | Hàng hóa nào được coi là có xuất xứ TPP?  | 36 |
| 16 | TPP quy định những phương pháp xác định xuất xứ như thế nào cho hàng hóa có một phần xuất xứ ngoài TPP?             | 38 |
| 17 | Quy tắc xuất xứ của TPP quy định về Tỷ lệ không đáng kể (De minimis) như thế nào?                                   | 41 |
| 18 | Thủ tục chứng nhận xuất xứ trong TPP có gì đặc biệt?  | 42 |
| 19 | Các trường hợp đặc thù về giấy chứng nhận xuất xứ?  | 44 |
| 20 | Người nhập khẩu có thể nộp giấy chứng nhận xuất xứ để yêu cầu ưu đãi thuế quan sau khi đã nhập khẩu hàng hoá không? | 44 |

## MỤC LỤC

### III. Dệt may

- |    |   |    |
|----|---|----|
| 21 | Tại sao TPP có một Chương riêng về dệt may?   | 45 |
| 22 | Quy tắc xuất xứ về dệt may trong TPP?   | 46 |
| 23 | Liệu có sản phẩm dệt may nào không đáp ứng quy tắc xuất xứ “từ sợi trở đi” mà vẫn được coi là có xuất xứ TPP không? | 47 |
| 24 | Biện pháp tự vệ đặc biệt đối với dệt may?   | 49 |

### IV. Các biện pháp phi thuế (bao gồm cả phòng vệ thương mại, TBT, SPS)

- |    |  |    |
|----|--|----|
| 25 | TPP có cấm việc sử dụng các biện pháp phi thuế không?  | 50 |
| 26 | Sau khi TPP có hiệu lực, Việt Nam có được phép cấm hoặc hạn chế xuất khẩu, nhập khẩu khác không?                   | 51 |
| 27 | Sau khi TPP có hiệu lực, Việt Nam có bỏ cơ chế cấp phép nhập khẩu không?   | 53 |
| 28 | Việt Nam có thể ưu tiên hàng nội địa hơn so với hàng nhập khẩu từ các nước TPP không?                              | 54 |
| 29 | Việt Nam có thể hỗ trợ cho nông sản sau khi TPP có hiệu lực không?   | 55 |
| 30 | TPP có làm thay đổi cơ chế đối với các doanh nghiệp thương mại Nhà nước trong xuất khẩu nông sản ở Việt Nam không? | 56 |
| 31 | Sau TPP, các biện pháp tự vệ có gì thay đổi?   | 57 |
| 32 | Sau TPP, các vụ kiện chống bán phá giá, chống trợ cấp có thay đổi gì không?  | 59 |
| 33 | TPP có quy định gì về việc sử dụng các biện pháp TBT, SPS?   | 60 |
| 34 | Những cam kết mới về TBT trong TPP?  | 62 |
| 35 | Những cam kết mới về SPS trong TPP?  | 64 |

## PHẦN THỨ BA

### CAM KẾT VỀ DỊCH VỤ XUYÊN BIÊN GIỚI VÀ ĐẦU TƯ

#### I. Dịch vụ xuyên biên giới

- |    |   |    |
|----|---|----|
| 36 | Cam kết về dịch vụ trong TPP được quy định ở đâu?   | 68 |
| 37 | Những lĩnh vực dịch vụ qua biên giới nào sẽ bị điều chỉnh bởi TPP?  | 70 |
| 38 | TPP yêu cầu các nước thành viên phải đối xử với nhà cung cấp dịch vụ đến từ các nước TPP khác theo chuẩn nào? | 72 |
| 39 | Các Danh mục biện pháp không tương thích trong TPP là gì, có ý nghĩa như thế nào?                             | 74 |



## MỤC LỤC

### II. Đầu tư

- |    |  |    |
|----|--|----|
| 40 | TPP yêu cầu các nước thành viên phải đối xử với nhà đầu tư đến từ các nước TPP khác theo chuẩn nào?                          | 76 |
| 41 | Các bảo lưu và ngoại lệ được TPP thừa nhận trong đối xử với nhà đầu tư nước ngoài?   | 79 |
| 42 | TPP có bảo đảm quyền của nhà đầu tư trong nước tương tự với nhà đầu tư nước ngoài không?                                     | 81 |
| 43 | Nhà đầu tư từ các nước TPP có quyền kiện Nhà nước Việt Nam không?  | 83 |
| 44 | Theo TPP, nhà đầu tư nào có quyền kiện Nhà nước? Đơn vị nào của Nhà nước có thể bị kiện? Kiện vì cái gì? Trong thời hạn nào? | 84 |
| 45 | Thủ tục tố tụng xử lý tranh chấp giữa nhà đầu tư và Nhà nước sẽ phải tuân thủ các quy tắc gì?                                | 86 |

### PHẦN THỨ TƯ MUA SẮM CÔNG VÀ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

#### I. Mua sắm công

- |    |   |    |
|----|---|----|
| 46 | Có phải mọi gói thầu sử dụng ngân sách Nhà nước của Việt Nam đều phải mở cho nhà thầu từ các nước TPP tham gia không? | 90 |
| 47 | Các gói thầu thuộc diện điều chỉnh của Chương Mua sắm công TPP sẽ phải tuân thủ các nguyên tắc nào theo TPP?          | 95 |
| 48 | Ngoài các nguyên tắc chung, với mỗi hình thức đấu thầu, TPP có yêu cầu gì?  | 97 |

#### II. Doanh nghiệp Nhà nước (DNNN)

- |    |   |     |
|----|---|-----|
| 49 | Có phải tất cả các DNNN đều phải tuân thủ các quy định về DNNN trong TPP không?                   | 100 |
| 50 | DNNN thuộc diện điều chỉnh của TPP sẽ phải tuân thủ các nguyên tắc nào trong hoạt động của mình?  | 103 |
| 51 | Nhà nước phải tuân thủ các nguyên tắc nào khi quản lý, kiểm soát các DNNN thuộc diện áp dụng TPP? | 105 |
| 52 | Nghĩa vụ minh bạch hóa thông tin về DNNN?   | 108 |

### PHẦN THỨ NĂM SỞ HỮU TRÍ TUỆ

- |    |   |     |
|----|---|-----|
| 53 | TPP quy định những gì về sở hữu trí tuệ (SHTT)?   | 112 |
| 54 | Các tiêu chuẩn của TPP về bảo hộ nhãn hiệu thương mại (trade mark)?                                 | 113 |
| 55 | TPP có quy định gì về bảo hộ chỉ dẫn địa lý?  | 115 |
| 56 | TPP quy định như thế nào để phân định các quyền bảo hộ theo chỉ dẫn địa lý và quyền theo nhãn hiệu? | 116 |

## MỤC LỤC

57	TPP có quy định gì mới về các tiêu chí, đối tượng bảo hộ sáng chế?	117
58	Các ngoại lệ đối với quyền của chủ sáng chế được TPP thừa nhận?	119
59	Các yêu cầu của TPP về thủ tục đăng ký sáng chế?	120
60	TPP có bảo hộ đặc thù gì đối với Nông hóa phẩm?	121
61	TPP có bảo hộ đặc thù gì đối với Dược phẩm?	122
62	TPP có quy định gì về tiêu chuẩn bảo hộ quyền tác giả và các quyền liên quan?	124
63	TPP có quy định gì để quản lý các hành vi làm cơ sở để vi phạm quyền tác giả và các quyền liên quan (hành vi xâm phạm TPM và RMI)?	126
64	TPP có yêu cầu gì về bảo hộ kiểu dáng công nghiệp?	128
65	Các yêu cầu của TPP về thực thi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ?	129
66	Quy định của TPP về việc xử lý hình sự đối với vi phạm quyền SHTT?	132
67	Các biện pháp thực thi đối với một số quyền SHTT trong lĩnh vực phần mềm, chương trình vệ tinh, môi trường mạng?	135

### **PHẦN THỨ SÁU** **LAO ĐỘNG VÀ MÔI TRƯỜNG**

#### **I. Lao động**

68	TPP đặt ra các tiêu chuẩn lao động bắt buộc nào?	138
69	Việt Nam và Hoa Kỳ có cam kết riêng gì về lao động?	140
70	Các cam kết khác về lao động trong TPP?	141
71	Nếu không tuân thủ các cam kết về lao động trong TPP thì Việt Nam sẽ phải chịu hệ quả gì?	142

#### **II. Môi trường**

72	Các cam kết chung về môi trường trong TPP?	144
73	Các cam kết cụ thể về môi trường trong TPP?	146

### **PHẦN THỨ BẢY** **CHÍNH SÁCH CẠNH TRANH - THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

74	Cam kết trong TPP về chính sách cạnh tranh có gì đáng chú ý?	150
75	TPP quy định về những vấn đề gì trong thương mại điện tử?	152
76	TPP có quy định gì về quyền tự do của các chủ thể trong thương mại điện tử?	154
77	TPP có cam kết gì về SME?	156

## MỤC LỤC

### PHẦN THỨ TÁM

#### MINH BẠCH, CHỐNG THAM NHŨNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- |    |   |     |
|----|---|-----|
| 78 | Tham gia TPP, Việt Nam phải thực hiện nghĩa vụ nào về minh bạch hóa?  | 160 |
| 79 | Tham gia TPP, Việt Nam phải thực hiện nghĩa vụ nào về chống tham nhũng?                                       | 162 |
| 80 | Nếu một nước TPP không tuân thủ cam kết trong TPP thì các nước khác có thể khởi kiện không? Theo thủ tục nào? | 164 |







Các vấn đề chung về TPP

## 01

### TPP là gì?

---

Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP) là một Hiệp định Thương mại Tự do (FTA), mặc dù tên gọi của TPP không thể hiện rõ chữ FTA như một số FTA khác của Việt Nam (FTA Việt Nam – EU, FTA Việt Nam – Hàn Quốc...).

TPP được biết đến như là một FTA đặc biệt, một FTA thế hệ mới, tiêu chuẩn cao... Lý do chủ yếu là bởi đây là FTA có mức độ cam kết tự do hóa cao nhất, với phạm vi bao trùm nhiều lĩnh vực nhất không chỉ với Việt Nam mà với tất cả các thành viên TPP.

Văn kiện TPP gồm 30 Chương, bao trùm rất nhiều vấn đề, từ các vấn đề thương mại truyền thống (hàng hóa, dịch vụ, đầu tư...), đến các vấn đề thương mại chưa hoặc ít được đề cập trong các FTA (mua sắm công, thương mại điện tử, doanh nghiệp nhà nước...), và cả các vấn đề khác có liên quan đến thương mại (lao động, môi trường...).

Hiện tại TPP bao gồm 12 thành viên ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương là Hoa Kỳ, Canada, Mexico, Peru, Chile, New Zealand, Australia, Nhật Bản, Singapore, Brunei, Malaysia và Việt Nam. Tuy nhiên, TPP là một Hiệp định mở và vẫn có thể kết nạp thêm thành viên mới trong tương lai.



#### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

---

TPP không phải là FTA đầu tiên mà Việt Nam tham gia, TPP cũng không phải FTA thế hệ mới duy nhất mà Việt Nam đã hoàn tất đàm phán cho tới thời điểm này. Tuy nhiên, với việc có tới hai trong số ba nền kinh tế lớn nhất thế giới (Hoa Kỳ và Nhật Bản), tạo ra thị trường rộng lớn với 800 triệu dân, GDP cộng gộp của 12 nước chiếm 40% tổng GDP của thế giới và lưu lượng giao dịch hàng hóa chiếm 30% thương mại toàn cầu, TPP được dự báo sẽ là FTA có tác động lớn nhất tới hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp Việt Nam trong tương lai gần. Mọi tổ chức, cá nhân kinh doanh ở Việt Nam sẽ chịu các tác động trực tiếp hoặc gián tiếp từ các cam kết trong TPP.

Do đó, mỗi doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân kinh doanh ở Việt Nam cần chú ý tìm hiểu về TPP, ít nhất là các cam kết ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của mình, từ đó có sự chuẩn bị thích hợp, cụ thể để tận dụng các cơ hội về thị trường, thể chế cũng như vượt qua các thách thức cạnh tranh mà TPP tạo ra.

## TPP đã kết thúc đàm phán và được ký kết, vậy tiếp theo sẽ là gì?

02

Sau hơn 05 năm đàm phán, ngày 5/10/2015, 12 nước TPP đã tuyên bố chính thức **kết thúc đàm phán TPP**.

Sau khi hoàn tất việc rà soát hiệu chỉnh nội dung văn kiện và được cho phép theo quy trình nội bộ, ngày 4/2/2016 tại New Zealand, các nước TPP đã **chính thức ký** Hiệp định TPP.

Bước tiếp theo là các nước TPP sẽ phải hoàn tất thủ tục pháp lý nội bộ để **phê chuẩn thông qua các nội dung Hiệp định**. Trên thực tế, TPP là một Hiệp định lớn, động chạm tới hệ thống pháp luật của các nước TPP, do đó hầu như các nước đều yêu cầu phê chuẩn của Quốc hội/Nghị viện đối với các nội dung văn kiện mà Chính phủ các nước TPP đã đàm phán.

Cuối cùng sẽ là bước TPP **chính thức có hiệu lực** theo các cách thức và điều kiện cụ thể quy định tại văn bản Hiệp định.

### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Theo dự kiến thì thời gian để các nước TPP có thể hoàn tất các bước rà soát pháp lý, ký kết và đặc biệt là phê chuẩn theo các thủ tục nội bộ của từng nước sẽ là khoảng 2 năm. Tức là khoảng đầu năm 2018 TPP mới có thể có hiệu lực.

Trong thời gian này, TPP chưa có hiệu lực và các nước thành viên TPP cũng như doanh nghiệp đều chưa phải thực thi các cam kết trong TPP. Vì vậy, đây là khoảng thời gian quan trọng để doanh nghiệp có thể chuẩn bị các điều kiện cần thiết để có thể tận dụng cơ hội cũng như sẵn sàng cho cạnh tranh TPP ngay khi Hiệp định này có hiệu lực với Việt Nam.

Ví dụ, để được hưởng ưu đãi thuế quan trong TPP, hàng hóa sản xuất ra phải đáp ứng quy tắc về xuất xứ, và doanh nghiệp có thể phải điều chỉnh dây chuyền sản xuất, thiết lập nguồn cung nguyên liệu mới để đáp ứng quy tắc này cũng như tìm kiếm các khách hàng tại các thị trường TPP. Những công việc này đều cần thời gian, thậm chí là khá dài. Vì vậy, doanh nghiệp cần có hành động chuẩn bị từ bây giờ để tận dụng tốt nhất “khoảng chờ” quý giá này.

## 03

### Khi nào TPP có hiệu lực?

---

Theo quy định tại văn kiện Hiệp định thì TPP sẽ chính thức có hiệu lực theo một trong các cách sau:

- **Cách 1:** TPP sẽ có hiệu lực sau 60 ngày kể từ ngày mà tất cả các nước Thành viên TPP thông báo cho New Zealand (nước đóng vai trò Cơ quan Lưu chiểu của Hiệp định) về việc đã hoàn tất các thủ tục pháp lý (phê chuẩn) nội bộ của mình;
- **Cách 2:** Nếu trong vòng 02 năm kể từ ngày TPP được ký kết Hiệp định chưa thể có hiệu lực theo Cách 1 nhưng có ít nhất 06 nước Thành viên chiếm ít nhất 85% tổng GDP của khu vực (tính theo số liệu năm 2013, tức là ít nhất phải bao gồm Hoa Kỳ và Nhật Bản) thông báo đã hoàn tất các thủ tục pháp lý nội bộ, thì Hiệp định sẽ có hiệu lực sau 60 ngày kể từ khi kết thúc thời hạn 2 năm đó;
- **Cách 3:** Nếu cả hai trường hợp trên không xảy ra, thì Hiệp định sẽ có hiệu lực sau 60 ngày kể từ thời điểm có ít nhất 06 nước Thành viên chiếm ít nhất 85% tổng GDP của khu vực thông báo hoàn tất thủ tục pháp lý nội bộ.

Đáng chú ý là trong các trường hợp TPP có hiệu lực theo Cách 2 hoặc Cách 3, TPP chỉ có hiệu lực với các nước đã hoàn tất quá trình phê chuẩn và thông qua nội bộ tại thời điểm đó. Các nước Thành viên còn lại (nước phê chuẩn và thông qua Hiệp định sau thời điểm đó) nếu muốn Hiệp định có hiệu lực với mình sẽ phải thông báo với các nước đã thông qua về việc mình đã hoàn thành các thủ tục phê chuẩn nội bộ và ý định muốn là một thành viên của Hiệp định. Trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận được thông báo, Hội đồng Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (thành lập theo TPP, bao gồm đại diện các nước Thành viên đã phê chuẩn TPP) sẽ quyết định xem Hiệp định có hiệu lực với nước thông báo đó không. Nói cách khác, TPP sẽ tự động có hiệu lực với các nước phê chuẩn TPP “đợt đầu”, còn với các nước TPP còn lại, TPP sẽ chỉ có hiệu lực với họ khi được các nước phê chuẩn “đợt đầu” đồng ý.





## LƯU Ý DOANH NGHIỆP

---

Với 03 cách thức có hiệu lực như quy định, TPP có thể sẽ không đồng loạt có hiệu lực ở tất cả các nước thành viên. Và việc TPP có hiệu lực với Việt Nam vào thời điểm nào không hoàn toàn phụ thuộc vào Việt Nam mà còn liên quan tới nhiều các nước TPP khác, đặc biệt là Hoa Kỳ và Nhật Bản.

Tuy nhiên, Việt Nam hoàn toàn có thể chủ động được việc Hiệp định sẽ có hiệu lực với mình ngay trong đợt đầu hay sau đó. Nếu là đợt đầu, TPP sẽ có hiệu lực tự động với Việt Nam; nếu là đợt sau, Việt Nam có thể sẽ phải chờ ý kiến đồng ý của các nước TPP khác. Việc phải chờ ý kiến chấp thuận của các nước khác là rất rủi ro, bởi có thể các nước khác sẽ đòi hỏi thêm các nhượng bộ khác ngoài các cam kết đã đưa ra trong đàm phán trước khi chấp thuận.

Do đó, các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là các Hiệp hội doanh nghiệp cần cùng với các cơ quan có thẩm quyền rà soát, vận động và thực hiện các bước để Việt Nam sớm phê chuẩn TPP và nằm trong nhóm nước TPP có hiệu lực đợt đầu.

Nếu TPP có hiệu lực với Việt Nam thì khi tính toán các phương án kinh doanh với các thị trường TPP, doanh nghiệp cũng cần chú ý là các cam kết của Việt Nam sẽ chỉ dành cho các đối tác TPP đã phê chuẩn Hiệp định, và ngược lại chỉ các cam kết của các đối tác TPP đã phê chuẩn Hiệp định mới có hiệu lực với Việt Nam.

## 04

### TPP có thể thay đổi trong tương lai không?

---

TPP là một hiệp định mở, cho phép kết nạp thêm thành viên mới, cho phép thành viên hiện tại có thể rút khỏi Hiệp định, và cũng cho phép sửa đổi các nội dung của Hiệp định.

#### ■ Về việc kết nạp thêm thành viên mới

Hiệp định cho phép Hiệp định kết nạp thêm thành viên mới là thành viên APEC hoặc bất kỳ nước/khu vực thuế quan độc lập nào nếu được các nước TPP đồng ý; với điều kiện là thành viên tương lai này chấp nhận tuân thủ tất cả các cam kết đã có trong TPP (bao gồm cả cam kết về thủ tục và điều kiện gia nhập) và được tất cả các Thành viên TPP chấp thuận.

#### ■ Về việc rút khỏi Hiệp định

Nước Thành viên nào nếu muốn rút khỏi Hiệp định thì chỉ cần thông báo bằng văn bản cho Cơ quan lưu chiếu (New Zealand), đồng thời thông báo cho tất cả các thành viên khác của Hiệp định về việc rút khỏi này. Việc rút khỏi sẽ có hiệu lực sau 06 tháng kể từ ngày gửi thông báo đến New Zealand, trừ khi các bên có thỏa thuận khác. Hiệp định sẽ vẫn tiếp tục có hiệu lực với các thành viên còn lại.

#### ■ Về việc sửa đổi, bổ sung nội dung Hiệp định

Các nội dung, cam kết trong TPP có thể được sửa đổi nếu được sự đồng ý bằng văn bản của tất cả các nước Thành viên. Nội dung sửa đổi sẽ có hiệu lực sau 60 ngày kể từ ngày tất cả các thành viên thông báo đồng ý sửa đổi bằng văn bản cho New Zealand. Trong trường hợp một cam kết WTO mà TPP dẫn chiếu tới có sửa đổi thì, trừ khi có quy định khác trong Hiệp định, các thành viên sẽ tiến hành tham vấn xem có nên sửa đổi nội dung tương ứng trong Hiệp định hay không.

## LƯU Ý DOANH NGHIỆP

---

Việc TPP có những thành viên nào có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với các doanh nghiệp trong việc tận dụng các cơ hội của TPP, đặc biệt là liên quan tới thị trường và quy tắc xuất xứ.

Về thị trường, việc TPP thêm hoặc bớt thành viên đồng nghĩa với việc doanh nghiệp có cơ hội kinh doanh ưu tiên ở nhiều hơn hay ít hơn các thị trường. Số lượng các nước thành viên TPP cũng ảnh hưởng tới tình hình cạnh tranh của doanh nghiệp ở thị trường Việt Nam và các nước TPP.

Về quy tắc xuất xứ, do hàng hóa được sản xuất từ nguyên liệu từ một/các nước thành viên TPP sẽ được coi là đáp ứng quy tắc xuất xứ TPP nên việc TPP có nhiều hay ít thành viên sẽ ảnh hưởng tới phạm vi nguồn nguyên liệu có xuất xứ TPP của doanh nghiệp.

Do tính mở của mình, số lượng các thành viên TPP không cố định mà có thể thay đổi theo các thời điểm khác nhau. Vì vậy, doanh nghiệp cần chú ý theo dõi TPP có bao nhiêu thành viên và đó là những nước nào để có kế hoạch kinh doanh phù hợp tận dụng TPP.

## 05

## TPP kiểm soát việc thực thi của các thành viên như thế nào?

Để đảm bảo Hiệp định được thực hiện đúng và đầy đủ, Hiệp định đưa ra nhiều hình thức kiểm soát việc thực thi của các thành viên, trong đó có việc thành lập Hội đồng Đối tác Xuyên Thái Bình Dương nhằm xem xét tất cả các vấn đề liên quan đến việc thực thi và vận hành Hiệp định và Cơ chế giải quyết tranh chấp cấp Nhà nước.

Ngoài ra, ở một số Chương của Hiệp định (ví dụ SPS, TBT, Mua sắm công, Lao động...) cũng có các hình thức đảm bảo thực thi riêng bên cạnh các hình thức chung của cả TPP (các Ủy ban chuyên môn, cơ chế giải quyết tranh chấp đặc thù...).

### (i) Hội đồng Đối tác Xuyên Thái Bình Dương

Hội đồng Đối tác Xuyên Thái Bình Dương được thành lập từ các đại diện Chính phủ mỗi Bên ở cấp Bộ trưởng hoặc quan chức cấp cao do các Bên quyết định của tất cả các nước Thành viên Hiệp định. Các quyết định của Ủy ban được thông qua dựa trên nguyên tắc đồng thuận (tức là phải được sự đồng ý của tất cả các thành viên), trừ khi có quy định khác tại Hiệp định, hoặc khi các Bên có thỏa thuận khác.

Hội đồng này có chức năng chủ yếu là giám sát việc thực thi và vận hành của Hiệp định, bao gồm cả các chức năng mà Hội đồng bắt buộc thực hiện và các chức năng Hội đồng có thể thực hiện, ví dụ:

- Rà soát quan hệ kinh tế và đối tác giữa các thành viên sau 3 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực và ít nhất mỗi 5 năm một lần sau đó;
- Xem xét các đề xuất sửa đổi hoặc bổ sung Hiệp định;
- Giám sát hoạt động của tất cả các Ủy ban và nhóm công tác chuyên môn được thành lập theo Hiệp định...

### (ii) Cơ chế giải quyết tranh chấp trong TPP

Các Cơ chế này sẽ đóng vai trò cơ bản nhất để giám sát việc thực thi TPP của các nước Thành viên trong trường hợp có tranh chấp phát sinh liên quan tới TPP.

Trong TPP có 03 cơ chế giải quyết tranh chấp phổ biến, bao gồm:

- **Cơ chế giải quyết tranh chấp cấp Nhà nước giữa các nước Thành viên TPP:** Đây là cơ chế giải quyết tranh chấp cấp Nhà nước (tranh chấp phát sinh giữa các nước thành viên TPP) trong việc thực hiện các nghĩa vụ theo TPP, áp dụng cho hầu hết tất cả các Chương của TPP;
- **Cơ chế giải quyết tranh chấp giữa Nhà nước - nhà đầu tư nước ngoài:** Đây là cơ chế giải quyết tranh chấp phát sinh giữa Nhà nước nơi nhận đầu tư và nhà đầu tư nước ngoài đến từ các nước TPP khác, áp dụng riêng cho Chương Đầu tư của TPP;
- **Các cơ chế giải quyết tranh chấp song phương** (ví dụ Chương Lao động, trong Thư song phương giữa Việt Nam và Hoa Kỳ có quy định về cơ chế xử lý riêng trong trường hợp Việt Nam không tuân thủ nghĩa vụ về quyền tự do liên kết của người lao động).

## LƯU Ý DOANH NGHIỆP

So với các cơ chế đảm bảo thực thi của WTO thì các cơ chế đảm bảo thực thi trong TPP đa dạng hơn và chặt chẽ hơn. Điều này tạo cho các nước thành viên TPP khả năng giám sát tốt hơn việc thực thi TPP của các nước khác, đồng thời cũng đặt mỗi nước TPP dưới sức ép phải thực thi đúng TPP.

Đối với các doanh nghiệp, điều này mang đến cả thuận lợi và bất lợi.

- Điểm thuận lợi là nếu doanh nghiệp thấy một nước TPP nào không thực hiện đúng cam kết TPP của họ trong TPP thì có thể thông báo ngay cho các cơ quan liên quan của Chính phủ Việt Nam để các cơ quan này xem xét và lựa chọn công cụ can thiệp cần thiết nhằm đảm bảo lợi ích của Việt Nam theo Hiệp định;
- Điểm bất lợi là các doanh nghiệp sẽ không thể chờ mong Chính phủ bỏ qua hoặc không thực hiện một cam kết nào đó trong TPP để mang lại lợi ích của doanh nghiệp khi cần thiết.

## 06

## Việt Nam vừa có TPP vừa có Hiệp định thương mại tự do riêng với các đối tác trong TPP thì sẽ thực hiện như thế nào?

Ngoài các cam kết chung TPP, giữa hai (hoặc nhiều nước) trong TPP còn có những cam kết riêng theo nhiều FTA khác mà họ cùng là thành viên.

Đối với Việt Nam, Việt Nam hiện có đã FTA song phương với 02 đối tác TPP (là Nhật Bản và Chi lê) và có FTA đa phương với 05 đối tác TPP (là Brunei, Singapore, Malaysia, Úc, New Zealand, Nhật Bản). Thậm chí với các đối tác trong ASEAN (là Brunei, Singapore, Malaysia), Việt Nam có cùng lúc 02 FTA đa phương với các đối tác này (một trong khuôn khổ AFTA của ASEAN, một trong khuôn khổ FTA giữa ASEAN với các đối tác ngoài ASEAN).

Trong tương lai Việt Nam có thể có thêm FTA đa phương với 06 đối tác TPP (là Brunei, Singapore, Malaysia, Úc, New Zealand, Nhật Bản) trong khuôn khổ Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) hiện đang đàm phán.

Theo quy định của TPP, trong những trường hợp như thế này, TPP sẽ cùng tồn tại với các Hiệp định mà các thành viên TPP đã có với nhau. Mỗi Bên tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ theo các cam kết đã có và theo TPP. Trường hợp có mâu thuẫn giữa các cam kết TPP với cam kết đã có thì các Bên liên quan sẽ tham vấn lẫn nhau để tìm giải pháp thực thi thích hợp.



### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Các FTA mà Việt Nam đã ký và đang thực hiện phần lớn đều chỉ tập trung vào việc mở cửa thị trường hàng hóa, trong đó Việt Nam và các đối tác cam kết dành ưu đãi thuế quan cho hàng hóa của nhau nếu đáp ứng quy tắc xuất xứ tại FTA liên quan. Như vậy, với một thị trường mà Việt Nam cùng lúc có cam kết theo các FTA khác và TPP, liên quan tới xuất nhập khẩu hàng hóa doanh nghiệp có thể lựa chọn thực hiện theo FTA nào có lợi nhất cho mình.

Ví dụ nếu xuất đi Nhật Bản, hàng hóa của doanh nghiệp có thể được hưởng ưu đãi thuế quan theo FTA ASEAN-Nhật Bản; FTA Việt Nam – Nhật Bản và TPP (sau khi TPP có hiệu lực). Mỗi FTA này có mức ưu đãi thuế riêng, với quy tắc xuất xứ riêng. Doanh nghiệp nên tìm hiểu cả 03 FTA này để lựa chọn áp dụng FTA nào mà hàng của mình đáp ứng được quy tắc xuất xứ và có mức thuế quan thấp nhất.

## Trong những trường hợp nào Việt Nam có thể bỏ qua/không tuân thủ các cam kết trong TPP?

07

Các nước TPP được phép không tuân thủ các nghĩa vụ đã cam kết trong TPP trong một số trường hợp nhất định, gọi là ngoại lệ. Có những ngoại lệ áp dụng cho tất cả các nước thành viên TPP, và có những ngoại lệ riêng (hay còn gọi là bảo lưu) chỉ áp dụng cho các nước Thành viên nhất định, theo những điều kiện nhất định.

Các **ngoại lệ riêng** đối với từng nước (hay còn gọi là bảo lưu) được nêu cụ thể trong từng cam kết liên quan (với các quy định rõ về tên nước có bảo lưu cũng như các điều kiện, nội dung bảo lưu cụ thể).

Các **ngoại lệ chung** của TPP được chia thành 02 nhóm:

### (i) Nhóm các Ngoại lệ áp dụng chung cho toàn bộ Hiệp định

Các ngoại lệ chung cho toàn bộ TPP được nêu trong Chương về các ngoại lệ, với nội dung bao gồm:

- Các ngoại lệ chung (các biện pháp cần thiết để bảo vệ đạo đức công cộng; bảo vệ cuộc sống và sức khỏe của con người, động thực vật; bảo tồn các tài nguyên thiên nhiên đã cạn kiệt nếu các biện pháp này được áp dụng cùng với việc hạn chế sản xuất và tiêu dùng trong nước liên quan đến các tài nguyên này);
- Ngoại lệ an ninh;
- Các biện pháp phòng vệ tạm thời (liên quan tới kiểm soát lưu chuyển vốn, tiền tệ, cán cân thanh toán...) và
- Ngoại lệ về thuế (liên quan tới các biện pháp thuế nội địa...);
- Ngoại lệ liên quan tới các biện pháp kiểm soát thuốc lá.

### (ii) Nhóm các Ngoại lệ riêng của từng Chương Hiệp định:

Ngoài các ngoại lệ áp dụng chung cho toàn bộ Hiệp định, ở mỗi Chương của TPP còn có thể có các ngoại lệ của riêng Chương đó hoặc các điều khoản nhất định của Chương đó.



## LƯU Ý DOANH NGHIỆP

---

TPP ghi nhận các trường hợp ngoại lệ trong đó các nước thành viên có thể hành động trái hoặc không đúng với các cam kết đã nêu.

Vi vậy, trong những tình huống khẩn cấp, nếu nhận thấy có thể việ dẫn tới các trường hợp ngoại lệ mà TPP đã quy định, các ngành sản xuất có thể đề nghị Chính phủ xem xét để sử dụng các ngoại lệ dừng hoặc bỏ qua việc thực hiện các cam kết liên quan (ví dụ dừng cắt giảm một số dòng thuế nhập khẩu, từ chối không cho đối tác từ TPP gia nhập thị trường...).



# Cam kết TPP về thuế quan và mở cửa thị trường đối với hàng hóa

- 26 I. Thuế quan và quy tắc xuất xứ để hưởng ưu đãi thuế quan
- 35 II. Quy tắc xuất xứ đối với hàng hóa
- 45 III. Dệt may
- 50 IV. Các biện pháp phi thuế (bao gồm cả phòng vệ thương mại, TBT, SPS)

Cam kết TPP về thuế quan và mở cửa thị trường đối với hàng hóa

## I. Thuế quan và quy tắc xuất xứ để hưởng ưu đãi thuế quan

### 08

## Các nước TPP dành ưu đãi thuế quan cho hàng hóa của nhau như thế nào?

Các cam kết về thuế quan được quy định trong Chương II – “Đối xử quốc gia và Mở cửa thị trường đối với hàng hóa” của TPP, bao gồm 02 nhóm: cam kết về thuế nhập khẩu và cam kết về thuế xuất khẩu. Các đề cập về cam kết thuế quan trong Tóm tắt này được hiểu là cam kết đối với thuế nhập khẩu (trừ trường hợp nêu rõ là thuế xuất khẩu hoặc các loại khác).

Trong TPP, các cam kết về thuế quan được thể hiện chi tiết theo từng dòng thuế trong Biểu thuế và mỗi nước TPP sẽ có một Biểu cam kết thuế quan riêng áp dụng cho từng đối tác hoặc cho tất cả các đối tác TPP.

### CÁC BIỂU CAM KẾT THUẾ QUAN ƯU ĐÃI TRONG TPP

Có 07 nước TPP đưa ra Biểu thuế quan áp dụng chung cho tất cả các đối tác TPP khác, bao gồm: Australia, Brunei, Malaysia, New Zealand, Peru, Singapore, Việt Nam;

Có 05 nước TPP đưa ra Biểu thuế quan áp dụng riêng cho từng đối tác TPP khác, bao gồm: Hoa Kỳ, Canada, Chile, Nhật Bản, Mexico (trong đó chỉ có Biểu cam kết của Hoa Kỳ là áp dụng riêng phần lớn biểu cho từng nước; các nước còn lại dù Biểu thuế phân chia cột áp dụng riêng cho từng đối tác nhưng nội dung các dòng thuế cho các đối tác phần lớn giống nhau, chỉ khác nhau ở một số dòng, ví dụ, Canada 6 dòng, Chile 168 dòng, Mexico khoảng 98 dòng).

Các cam kết dành ưu đãi thuế quan trong TPP thường là theo 03 hình thức:

- **Cam kết loại bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định TPP chính thức có hiệu lực:** Đối với các trường hợp này, thuế quan sẽ là 0% vào thời điểm TPP có hiệu lực;
- **Cam kết loại bỏ thuế quan theo lộ trình:** Thuế quan sẽ được đưa về 0% nhưng không phải ngay khi Hiệp định TPP có hiệu lực mà là sau một khoảng thời gian nhất định (lộ trình). Trong TPP phần lớn là lộ trình 3-7 năm, tuy nhiên cũng nhiều trường hợp lộ trình là 10, 15 năm, cá biệt có những trường hợp lộ trình trên 20 năm;
- **Cam kết hạn ngạch thuế quan:** Đối với các trường hợp này thuế quan chỉ giảm hoặc loại bỏ với một số lượng, khối lượng hàng hóa...nhất định (gọi là mức hạn ngạch); còn vượt ra khỏi mức hạn ngạch thì thuế quan sẽ cao hơn (hoặc thuế quan không được ưu đãi).

## I. Thuế quan và quy tắc xuất xứ để hưởng ưu đãi thuế quan

### 08

Như vậy, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam vào mỗi nước TPP sẽ được hưởng ưu đãi thuế quan riêng cho từng loại hàng hóa và mức ưu đãi có thể khác nhau giữa các thị trường xuất khẩu dù là cùng là trong TPP.

Còn Việt Nam cam kết ưu đãi thuế quan riêng theo từng dòng thuế, nhưng với mỗi ưu đãi theo từng dòng thuế sẽ áp dụng chung cho hàng hóa nhập khẩu đến từ tất cả các nước TPP.

#### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Các cam kết về ưu đãi thuế quan trong TPP là cam kết riêng ở từng dòng thuế, với từng thị trường.

Do đó, doanh nghiệp quan tâm tới các ưu đãi thuế của các nước TPP dành cho Việt Nam và của Việt Nam dành cho các nước TPP cần tra cứu cam kết một cách chi tiết tại Biểu cam kết của từng thị trường liên quan.

Các cam kết về thuế quan trong TPP được nêu tại các Phụ lục 2D của Chương II Văn kiện TPP. Cam kết của mỗi nước sẽ bao gồm (i) Phụ lục về các vấn đề chung liên quan tới Biểu cam kết (trong đó có giải thích các ký hiệu sử dụng trong Biểu cam kết) và (ii) Biểu cam kết thuế quan. Một số nước sẽ có thêm các Phụ lục về thuế quan riêng đối với số loại hàng hóa đặc biệt.

Toàn bộ Văn kiện TPP và các Tóm tắt văn kiện được đăng tải tại:

<http://trungtamwto.vn/tpp/toan-van-hiep-dinh-tpp>

Cam kết TPP về thuế quan và mở cửa thị trường đối với hàng hóa

## I. Thuế quan và quy tắc xuất xứ để hưởng ưu đãi thuế quan

### 09

## Có phải TPP sẽ loại bỏ toàn bộ thuế quan cho hàng hóa Việt Nam khi xuất khẩu sang các nước TPP không?

Theo nguyên tắc trong cam kết về ưu đãi thuế quan của TPP như đề cập ở trên, có thể thấy các nước TPP sẽ xóa bỏ thuế quan cho hàng hóa Việt Nam nhưng không phải là xóa bỏ toàn bộ, một số nước vẫn giữ thuế hoặc áp dụng hạn ngạch thuế quan đối với một số sản phẩm mà họ cho là nhạy cảm với sản xuất nội địa của họ.

Trong tổng thể, đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, các nước TPP cam kết cho Việt Nam như sau:

- Xóa bỏ thuế quan ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực cho khoảng từ **78-95%** số dòng thuế trong Biểu thuế;
- Đến cuối lộ trình giảm thuế, sẽ xóa bỏ đến **97-100%** số dòng thuế trong Biểu thuế.

Lộ trình xóa bỏ thuế: đối với hàng hóa thông thường là khoảng từ 5-10 năm, đối với hàng hóa nhạy cảm là trên 10 năm hoặc áp dụng hạn ngạch thuế quan.

## Cam kết TPP về thuế quan và mở cửa thị trường đối với hàng hóa

### I. Thuế quan và quy tắc xuất xứ để hưởng ưu đãi thuế quan

## 09

Bảng Tóm tắt cam kết thuế quan của Hoa Kỳ cho một số sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam

SẢN PHẨM	CAM KẾT THUẾ QUAN CỦA HOA KỲ CHO VIỆT NAM
Nông nghiệp	<p>Xóa bỏ ngay 55,4% số dòng thuế nông nghiệp (tương đương khoảng 97,7% kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam) ngay khi Hiệp định có hiệu lực, trong đó có gạo, mật ong, cà phê, chè, hạt tiêu, điều, rau quả</p> <p>Vào năm thứ 10 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, tổng số dòng thuế đối với các sản phẩm nông nghiệp được xóa bỏ là 97,4%</p> <p>Áp dụng hạn ngạch thuế quan đối với 35 dòng thuế đường và sản phẩm chứa đường</p>
Công nghiệp (trừ dệt may)	<p>Xóa bỏ ngay 85,6% số dòng thuế công nghiệp (tương đương khoảng 74,2% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ)</p> <p>Vào năm thứ 10 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, tổng số dòng thuế đối với các sản phẩm công nghiệp xóa bỏ xấp xỉ 100%</p> <p>Thuế quan đối với một số mặt hàng xuất khẩu mũi nhọn của Việt Nam trong TPP:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li><b>Giày dép:</b> 85% số dòng thuế giày dép được xóa bỏ ngay</li> <li><b>Thủy sản:</b> Xóa bỏ ngay hoặc vào năm thứ 3 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực (riêng cá ngừ chế biến xóa bỏ vào năm thứ 10)</li> <li><b>Đồ gỗ, cao su, dây cáp điện:</b> Xóa bỏ ngay trừ lớp ô tô (xóa bỏ thuế vào năm thứ 10) và 2 dòng thuế dây cáp điện (xóa bỏ thuế vào năm thứ 5).</li> <li><b>Sản phẩm nhựa:</b> 50% số dòng thuế được xóa bỏ ngay khi Hiệp định có hiệu lực, còn lại xóa bỏ sau tối đa vào năm thứ 5 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực.</li> <li><b>Điện, điện tử:</b> khoảng 80% số dòng thuế sẽ được xóa bỏ ngay, một số mặt hàng còn lại được xóa bỏ vào năm thứ 3 đến năm thứ 5 và chỉ một số ít sản phẩm được xóa bỏ vào năm thứ 10.</li> </ul>

Nguồn: Bộ Tài chính

### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Để xác định chính xác ưu đãi thuế quan mà mỗi nước thành viên TPP dành cho hàng hóa của mình, doanh nghiệp cần chú ý tra cứu cụ thể Biểu cam kết ưu đãi thuế quan của nước đó, xác định theo (i) loại hàng hóa cụ thể (chính xác nhất là xác định theo miêu tả hàng hóa) và (ii) mức thuế quan cam kết dành cho Việt Nam (điều này áp dụng với trường hợp các nước có Biểu thuế quan áp thuế khác nhau cho từng nước trong TPP).

Ngoài ra, cần chú ý rằng mức cam kết ưu đãi thuế quan trong Biểu cam kết của TPP là mức mở cửa tối thiểu, trên thực tế, một số nước có thể mở cửa (giảm hoặc loại bỏ thuế quan) sớm hơn lộ trình cam kết.

Cam kết TPP về thuế quan và mở cửa thị trường đối với hàng hóa

## I. Thuế quan và quy tắc xuất xứ để hưởng ưu đãi thuế quan

### 10

## Có phải với TPP, Việt Nam sẽ phải loại bỏ thuế quan hoàn toàn cho hàng hóa nhập khẩu từ các nước TPP không?

Việt Nam đưa ra một Biểu thuế quan ưu đãi theo từng dòng thuế và áp dụng chung cho tất cả các đối tác TPP. Như vậy với mỗi loại hàng hóa (theo dòng thuế), Việt Nam cam kết mở cửa (ưu đãi thuế quan) theo mức khác nhau, các mức này sẽ áp dụng chung cho sản phẩm nhập khẩu vào Việt Nam từ bất kỳ nước nào trong TPP.

Trong tổng thể, Việt Nam cam kết ưu đãi thuế quan cho hàng hóa từ các nước TPP như sau:

- 65,8% số dòng thuế sẽ được loại bỏ (thuế suất 0%) ngay khi Hiệp định có hiệu lực;
- 86,5% số dòng thuế có thuế suất 0% vào năm thứ 4 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực;
- 97,8% số dòng thuế có thuế suất 0% vào năm thứ 11 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực;
- Các mặt hàng còn lại cam kết xóa bỏ thuế nhập khẩu với lộ trình xóa bỏ thuế tối đa vào năm thứ 16 hoặc theo hạn ngạch thuế quan.

Bảng Tóm tắt cam kết thuế quan của Việt Nam cho một số sản phẩm nhập khẩu từ các nước TPP

SẢN PHẨM	MỨC CAM KẾT CẮT GIẢM THUẾ NHẬP KHẨU CỦA VIỆT NAM CHO CÁC NƯỚC TPP
Công nghiệp	Sắt thép, xăng dầu: chủ yếu xóa bỏ thuế vào năm thứ 11 Nhựa và sản phẩm nhựa; Hóa chất và sản phẩm hóa chất; Giấy, đồ gỗ; Máy móc, thiết bị: phần lớn xóa bỏ thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực, một số loại xóa bỏ vào năm thứ 4 Dệt may, giày dép: xóa bỏ thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Rượu bia: xóa bỏ thuế nhập khẩu vào năm thứ 3 đối với rượu sake, các mặt hàng còn lại xóa bỏ thuế vào năm thứ 11, một số loại vào năm thứ 12 Ô tô: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Xóa bỏ thuế vào năm thứ 13 đối với các loại ô tô mới, riêng ô tô con có dung tích xi lanh từ 3000cc trở lên có lộ trình xóa bỏ vào năm thứ 10;</li> <li>• Áp dụng hạn ngạch thuế quan đối với ô tô cũ với lượng hạn ngạch ban đầu là 66 chiếc, lượng hạn ngạch sẽ tăng dần và đạt 150 chiếc kể từ năm thứ 16. Thuế trong hạn ngạch giảm về 0% vào năm thứ 16, thuế ngoài hạn ngạch thực hiện theo mức thuế suất MFN.</li> </ul>

Cam kết TPP về thuế quan và mở cửa thị trường đối với hàng hóa

## I. Thuế quan và quy tắc xuất xứ để hưởng ưu đãi thuế quan

10

SẢN PHẨM	MỨC CAM KẾT CẮT GIẢM THUẾ NHẬP KHẨU CỦA VIỆT NAM CHO CÁC NƯỚC TPP
Nông nghiệp	Thịt gà: xóa bỏ thuế nhập khẩu sau vào năm thứ 11/12
	Thịt lợn: xóa bỏ thuế nhập khẩu vào năm thứ 10 đối với thịt lợn tươi vào năm thứ 8 năm đối với thịt lợn đông lạnh
	Thực phẩm chế biến: Chế biến từ thịt xóa bỏ vào năm thứ 8-11, chế biến từ thủy sản xóa bỏ vào năm thứ 5
	Đường, trứng, muối: Thuế trong hạn ngạch của WTO với trứng xóa bỏ vào năm thứ 6, với đường, muối là vào năm 11; Thuế ngoài hạn ngạch giữ như MFN
	Sữa và sản phẩm sữa: xóa bỏ ngay khi Hiệp định có hiệu lực, một số loại xoá bỏ vào năm thứ 3
	Gạo: xóa bỏ thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực
	Ngô: Xóa bỏ sau vào năm thứ 5 một số loại bỏ vào năm thứ 6
	Phân bón: xóa bỏ thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực

Nguồn: Bộ Tài chính



### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Việt Nam cam kết loại bỏ phần lớn các dòng thuế quan cho hàng hóa các nước TPP nhập khẩu vào Việt Nam. Tuy nhiên, không phải tất cả các dòng thuế nhập khẩu sẽ về 0% ngay khi TPP có hiệu lực. Đối với nhiều hàng hóa nhạy cảm (phần lớn là nông sản, sản phẩm chăn nuôi...), Việt Nam vẫn giữ được thuế quan trong một khoảng thời gian nhất định (lộ trình dài) trước khi loại bỏ thuế hoàn toàn. Việt Nam cũng duy trì hạn ngạch thuế quan đối với một số loại hàng hóa đặc biệt nhạy cảm.

Do đó để biết được mức thuế nhập khẩu một loại hàng hóa từ các nước TPP vào Việt Nam trong thời gian tới sau khi TPP có hiệu lực, doanh nghiệp cần tra cứu Biểu cam kết thuế quan của Việt Nam trong TPP (Phụ lục 2-D của Chương 2 TPP) theo từng loại hàng hóa cụ thể.

Nếu là doanh nghiệp nhập khẩu, qua việc tra cứu này doanh nghiệp có thể biết nguồn cung nào sẽ được hưởng ưu đãi thuế quan tốt nhất khi nhập khẩu để tận dụng. Nếu là doanh nghiệp sản xuất hàng hóa để tiêu thụ nội địa, doanh nghiệp có thể tìm hiểu về mức độ cạnh tranh trong tương lai trên thị trường Việt Nam của hàng hóa mà mình sản xuất ra với hàng hóa tương tự nhập khẩu từ các nước TPP.

Cam kết TPP về thuế quan và mở cửa thị trường đối với hàng hóa

## I. Thuế quan và quy tắc xuất xứ để hưởng ưu đãi thuế quan

### 11

#### Nhà nước có đánh thuế đối với các sản phẩm nhập khẩu theo diện đặc thù (tạm nhập, nhập sau khi xuất để sửa chữa...) không?

TPP có các quy định riêng về thuế quan áp dụng đối với các sản phẩm nhập theo diện đặc thù và các sản phẩm công nghệ thông tin mà tất cả các nước thành viên đều phải tuân thủ.

Cụ thể, TPP yêu cầu các nước **không áp thuế nhập khẩu** đối với các sản phẩm được **nhập khẩu theo diện đặc thù** (dù xuất xứ từ đâu), bao gồm:

- Các sản phẩm được nhập khẩu trở lại sau khi tạm xuất sang một nước thành viên TPP khác để sửa chữa, thay đổi;
- Các sản phẩm tạm nhập để phục vụ hoạt động chuyên môn của cá nhân (trang thiết bị chuyên ngành, thiết bị phục vụ báo chí, truyền hình, phần mềm...);
- Các sản phẩm phục vụ trưng bày, triển lãm; sản phẩm mẫu thương mại hoặc quảng cáo cho phim ảnh...;
- Dụng cụ phục vụ hoạt động thể thao cụ thể;
- Chú ý là các **công-ten-nơ** và **pa-let dùng để vận chuyển hàng hóa quốc tế** (đang để không hoặc đang chứa hàng) sẽ được coi như hàng tạm nhập được miễn thuế.

Mặc dù cam kết không áp thuế nhập khẩu đối với các sản phẩm nhập khẩu diện này, các nước TPP vẫn có quyền quy định các điều kiện miễn thuế cụ thể cho các sản phẩm này (ví dụ điều kiện là sản phẩm không được bán hoặc đưa vào lưu thông trong nội địa, chỉ được sử dụng duy nhất bởi chủ thể nhập khẩu vào, có số lượng không vượt quá một mức nhất định...).



#### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Nếu xác định hàng hóa của mình thuộc một trong các diện nhập khẩu đặc thù như được đề cập trong Hiệp định, doanh nghiệp có thể yên tâm là hàng hóa của mình sẽ không bị đánh thuế khi nhập khẩu vào Việt Nam. Tuy nhiên doanh nghiệp phải tìm hiểu và đảm bảo rằng hàng hóa của mình đáp ứng các điều kiện miễn thuế mà pháp luật Việt Nam quy định cho hàng hóa nhập khẩu theo các diện đặc thù này.



## I. Thuế quan và quy tắc xuất xứ để hưởng ưu đãi thuế quan

### Có phải thuế đối với các sản phẩm công nghệ thông tin sẽ được xóa bỏ hoàn toàn không?

12

Đối với các **sản phẩm công nghệ thông tin**, các nước TPP cam kết sẽ trở thành thành viên và thực thi Hiệp định Công nghệ Thông tin của WTO (ITA). Việt Nam đã là thành viên của ITA và hiện cũng đang cùng với các nước TPP khác đàm phán trong khuôn khổ WTO để mở rộng ITA (còn gọi là ITA2).

Theo ITA các nước sẽ phải xóa bỏ thuế quan và các loại thuế khác áp dụng đối với phần lớn các sản phẩm công nghệ thông tin, bao gồm máy tính, thiết bị viễn thông, chất bán dẫn, các thiết bị khoa học dùng để sản xuất và thử nghiệm chất bán dẫn... và hầu hết các bộ phận của các sản phẩm này.



#### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Với TPP và ITA, đa số các sản phẩm công nghệ thông tin đã hoặc sẽ miễn thuế nhập khẩu ngay khi TPP có hiệu lực. Để tìm hiểu cụ thể thuế nhập khẩu đối với loại sản phẩm công nghệ thông tin của mình, doanh nghiệp cần tìm hiểu (i) Biểu cam kết trong TPP của nước nhập khẩu và (ii) Danh mục các sản phẩm được miễn thuế nhập khẩu của ITA.

Cam kết TPP về thuế quan và mở cửa thị trường đối với hàng hóa

## I. Thuế quan và quy tắc xuất xứ để hưởng ưu đãi thuế quan

### 13

## Có phải thuế xuất khẩu đối với hàng hóa sẽ được loại bỏ hoàn toàn sau TPP không?

Trong WTO, Việt Nam đã cam kết xóa bỏ thuế xuất khẩu ngoại trừ một số sản phẩm bảo lưu tiếp tục bị áp thuế.

Trong TPP, Việt Nam cam kết xóa bỏ thuế xuất khẩu đối với phần lớn các sản phẩm còn bảo lưu/giữ thuế xuất khẩu trong WTO (với lộ trình xóa bỏ thuế là từ 5-15 năm) và chỉ **giữ lại thuế xuất khẩu đối với 70 sản phẩm**, cụ thể là:

- **Nhóm khoáng sản:** cát (Chương 25), đá phiến (thuộc mã HS 2514), đá làm tượng đài hoặc xây dựng (2516), quặng dolomite (2518), quặng amiăng (2524), đá vôi (2521), quặng steatit (2526);
- **Nhóm quặng:** quặng đồng (2603), cô ban (2605), quặng nhôm (2606), quặng chì (2607), quặng kẽm (2608), quặng urani (2612), quặng thori (2612), quặng titan (2614), quặng zircon (2615), quặng vàng (2616) và quặng antimon (2617);
- **Nhóm than:** than đá (2701), than non (2702), than bùn (2703), và dầu thô (2709);
- **Nhóm vàng** (7108) và vàng trang sức (7113-7115).

### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Thuế xuất khẩu thường được Nhà nước sử dụng nhằm các mục tiêu như bảo vệ tài nguyên trong nước, giữ nguồn nguyên liệu cho sản xuất trong nước, khuyến khích xuất khẩu sản phẩm qua chế biến... Vì vậy tùy bối cảnh từng thời kỳ, chính sách thuế xuất khẩu đối với từng mặt hàng của Nhà nước có thay đổi, có thể áp dụng hoặc không áp dụng thuế xuất khẩu với mặt hàng nào đó. Điều này có thể khiến doanh nghiệp gặp khó khăn.

Tuy nhiên, với cam kết TPP, sau khi TPP có hiệu lực, việc áp thuế xuất khẩu sẽ phải loại bỏ dần theo lộ trình, đến khi hết lộ trình thì sẽ chỉ còn 70 loại sản phẩm được liệt kê (tất cả đều là nhóm tài nguyên thô) là có thể bị áp thuế (chú ý là ở đây Nhà nước có quyền áp thuế, còn Nhà nước có thể lựa chọn không áp thuế xuất khẩu).

## Tại sao cần quan tâm tới quy tắc xuất xứ hàng hóa trong TPP?

14

Trong thương mại quốc tế, quy tắc xuất xứ hàng hóa được sử dụng để xác định nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa. Trong các FTA, quy tắc xuất xứ của hàng hóa được sử dụng để xác định xuất xứ của hàng hóa để cho hưởng ưu đãi thuế quan theo FTA đó.

TPP cũng như vậy, quy tắc xuất xứ hàng hóa trong TPP được sử dụng để xác định xem một sản phẩm hàng hóa nhất định có được coi là xuất xứ của TPP hay không để được hưởng ưu đãi thuế quan theo TPP. Cụ thể, quy tắc xuất xứ TPP yêu cầu các hàng hóa nhập khẩu để được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định thì phải được hình thành hoàn toàn từ các nước TPP hoặc được sản xuất từ các nguyên liệu và theo quy trình nhất định trong khu vực TPP. Hàng hóa không đáp ứng quy tắc xuất xứ TPP sẽ không được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định này.

Trong văn kiện Hiệp định TPP, các nội dung về xuất xứ được quy định trong 02 Chương, bao gồm:

- **Chương 3:** Chương này bao gồm các quy định chung về quy tắc xuất xứ và thủ tục chứng nhận xuất xứ, cùng với các Phụ lục chi tiết, trong đó đáng chú ý có Phụ lục về Quy tắc xuất xứ cụ thể cho từng nhóm hàng hóa (trừ dệt may);
- **Chương 4:** Chương này có các quy định về các sản phẩm dệt may trong đó có quy tắc xuất xứ riêng đối với các sản phẩm nhóm này.

### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Quy tắc xuất xứ là điều kiện để hàng hóa có thể được hưởng ưu đãi thuế quan. Vì vậy doanh nghiệp muốn hưởng ưu đãi thuế quan trong TPP khi xuất hàng sang các thị trường TPP hay khi nhập khẩu hàng hóa về Việt Nam đều cần chú ý nghiên cứu và đáp ứng các quy tắc xuất xứ liên quan tới hàng hóa của mình.

Lưu ý là việc đáp ứng quy tắc xuất xứ phải thực hiện ngay từ đầu (ví dụ từ khâu tìm nguồn nguyên phụ liệu, thiết kế quy trình sản xuất...) nên doanh nghiệp phải quan tâm vấn đề này sớm để thu xếp đáp ứng, không nên để tới thời điểm xuất/nhập hàng hóa mới tìm hiểu.

Cam kết TPP về thuế quan và mở cửa thị trường đối với hàng hóa

## II. Quy tắc xuất xứ đối với hàng hóa

### 15

## Hàng hóa nào được coi là có xuất xứ TPP?

Mỗi FTA có quy định riêng về quy tắc xuất xứ, áp dụng cho hàng hóa muốn tận dụng ưu đãi thuế quan theo FTA đó.

Theo TPP thì một sản phẩm hàng hóa sẽ được coi là có xuất xứ TPP nếu thuộc một trong ba trường hợp sau đây:

#### ■ Trường hợp 1: Có xuất xứ thuần túy

Hàng hóa có xuất xứ thuần túy là hàng hóa được trồng, thu hoạch hoặc đánh bắt ở trong khu vực TPP. Ví dụ cây trồng, động vật sống, khoáng sản và các chất sản sinh tự nhiên ở các nước TPP.

#### ■ Trường hợp 2: Hàng hóa được sản xuất toàn bộ trong khu vực TPP và chỉ từ các nguyên liệu có xuất xứ từ TPP

Ví dụ, sản phẩm bánh ngọt được sản xuất tại Việt Nam từ các nguyên liệu sô-cô-la có xuất xứ Mỹ, đường Úc và sữa New Zealand (Việt Nam, Mỹ, Úc, New Zealand đều là thành viên TPP) thì được coi là có xuất xứ TPP dạng này.

#### ■ Trường hợp 3: Hàng hóa được sản xuất tại TPP, sử dụng nguyên liệu không có xuất xứ TPP nhưng đáp ứng được các Quy tắc xuất xứ cụ thể mặt hàng quy định trong Phụ lục 3-D của Chương 3

Đây là trường hợp phổ biến nhất (trong bối cảnh sản xuất thường là theo chuỗi, với các nguyên liệu từ và các công đoạn diễn ra ở nhiều nước trên thế giới). Tuy nhiên, đây cũng là nhóm quy tắc xuất xứ phức tạp nhất, và có khác biệt nhiều nhất giữa TPP và các FTA mà Việt Nam đã từng ký kết trước đây.

TPP quy định 03 phương pháp xác định xuất xứ cho trường hợp này, bao gồm:

- Quy tắc chuyển đổi mã hàng hóa (Tariff Shift);
- Quy tắc hàm lượng giá trị nội khối (Regional Value Content);
- Quy tắc công đoạn sản xuất (Production Process).

Với mỗi loại hàng hóa, quy tắc xuất xứ áp dụng cho từng trường hợp có thể là một, một số trong ba loại trên, và/hoặc kết hợp hai, ba loại trên.

Chú ý là mặc dù mỗi nước TPP đưa ra một Biểu cam kết thuế quan riêng, hệ thống quy tắc xuất xứ trong TPP là thống nhất, áp dụng chung cho toàn bộ TPP.

## Cam kết TPP về thuế quan và mở cửa thị trường đối với hàng hóa

### II. Quy tắc xuất xứ đối với hàng hóa

#### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

---

Mỗi nước TPP có thể có mức thuế ưu đãi khác nhau cho một sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam nhưng yêu cầu về quy tắc xuất xứ là giống nhau và áp dụng chung. Do đó, một sản phẩm xuất khẩu đáp ứng được quy tắc xuất xứ của TPP thì xuất khẩu sang bất kỳ một thị trường TPP nào cũng được hưởng ưu đãi thuế quan.

Để tận dụng ưu đãi thuế quan trong TPP, doanh nghiệp cần tìm hiểu chính xác quy tắc xuất xứ áp dụng cho nhóm hàng hóa của mình. Các quy tắc này quy định tại Phụ lục 3-D Product Specific Rules của Chương 3 TPP. Riêng đối với sản phẩm ô tô thì quy định tại Phụ lục 3-D Automotive của Chương 3 TPP.

Cam kết TPP về thuế quan và mở cửa thị trường đối với hàng hóa

## II. Quy tắc xuất xứ đối với hàng hóa

### 16

## TPP quy định những phương pháp xác định xuất xứ như thế nào cho hàng hóa có sử dụng nguyên liệu không có xuất xứ TPP?

TPP quy định 03 phương pháp xác định xuất xứ cho trường hợp hàng hóa có một phần nguyên liệu hoặc công đoạn không nằm trong TPP. Dưới đây là giải thích tóm tắt về nội dung các phương pháp này.

### (i) Chuyển đổi mã hàng hóa (Quy tắc chuyển đổi mã HS)

Quy tắc này đòi hỏi các nguyên liệu không có xuất xứ phải trải qua quá trình sản xuất trong nội khối TPP ở mức đủ làm chuyển đổi bản chất của chúng. Quá trình này phải đủ để làm thay đổi mã HS của nguyên liệu ban đầu, để tạo ra sản phẩm cuối cùng có mã HS khác.

Đây là quy tắc xuất xứ phổ biến trong nhiều FTA. Tuy nhiên, cần chú ý là trong TPP là việc chuyển đổi mã HS trong nhiều trường hợp phải đảm bảo yêu cầu của TPP về việc chuyển từ một/một số mã HS cụ thể sang một mã HS cụ thể.

Ví dụ:

HÀNG HÓA	QUY TẮC XUẤT XỨ CỦA TPP	GIẢI THÍCH
2005.20	A change to a good of subheading 2005.20 from any other chapter, except from heading 07.01, subheading 0710.10, 0711.90, 0712.90 or heading 11.05.  Chuyển đổi sang hàng hóa thuộc Phân nhóm 2005.20 từ bất kỳ Chương nào, ngoại trừ các phân nhóm 0710.10, 0711.90, 0712.90 hoặc nhóm 11.05	Tất cả các hàng hóa thuộc Phân nhóm 2005.20 muốn được hưởng ưu đãi thuế quan theo TPP thì tất cả các nguyên liệu không có xuất xứ phải có mã HS thuộc các Chương khác Chương 20 là Chương của hàng hóa đó, và cũng không thuộc Nhóm 07.01, Phân nhóm 0710.10, 0711.90, 0712.90 hoặc Nhóm 11.05

### (ii) Đáp ứng một tỷ lệ hàm lượng giá trị khu vực (RVC) nhất định (Quy tắc RVC)

Quy tắc này xác định một tỷ lệ giá trị nhất định của các nguyên liệu có xuất xứ tối thiểu để hàng hóa cuối cùng được xem là có xuất xứ TPP.

TPP quy định 03 phương pháp tính RVC chung và 01 phương pháp dành riêng cho ô tô, bao gồm:

- Phương pháp giá trị tập trung;
- Phương pháp gián tiếp (build-down);
- Phương pháp trực tiếp (build-up);
- Phương pháp tính theo chi phí tịnh (chỉ áp dụng đối với ô tô và phụ tùng ô tô).

## II. Quy tắc xuất xứ đối với hàng hóa

### 16

Chi tiết về thành phần và nội dung các công thức tính theo từng phương pháp được quy định trong Điều 3.5, Chương 3 của Hiệp định.

Cần chú ý là khi tính RVC, doanh nghiệp được phép cộng gộp tất cả các nguyên liệu có xuất xứ từ bất kỳ nước nào trong số 12 nước TPP (tất cả các nguyên liệu từ TPP đều được xem là nguyên liệu có xuất xứ). Đây là một trong những điểm ưu việt của TPP bởi số lượng thành viên của Hiệp định là rất lớn (12 nước) nên các doanh nghiệp có nhiều quyền lựa chọn trong việc nhập khẩu một phần nguyên liệu từ TPP ở mức đủ đáp ứng yêu cầu RVC khi sản xuất hàng hóa xuất khẩu để được hưởng ưu đãi thuế quan.

#### (iii) Trải qua công đoạn sản xuất nhất định

Quy tắc này yêu cầu hàng hóa có một phần xuất xứ ngoài TPP phải trải qua một công đoạn sản xuất nhất định làm thay đổi cơ bản bản chất của hàng hóa tại các nước TPP. Ví dụ, một hóa chất phải trải qua một phản ứng hóa học và biến đổi thành một hàng hóa tại TPP (dù rằng quá trình này không làm thay đổi mã HS của hóa chất đó).

#### (iv) Quy tắc kết hợp

Trong TPP, đối với một số sản phẩm, TPP yêu cầu cùng lúc hàng hóa phải đáp ứng được đồng thời các quy tắc xuất xứ khác nhau. Phổ biến là các trường hợp quy tắc kết hợp giữa phương pháp RVC và phương pháp chuyển đổi mã HS.

Ví dụ:

HÀNG HÓA (MÃ HS)	QUY TẮC XUẤT XỨ CỦA TPP	GIẢI THÍCH
89.04 - 89.05	Chuyển đổi sang các hàng hóa thuộc Nhóm từ 89.04 đến 89.05 từ bất kỳ Chương nào, hoặc Không yêu cầu phải chuyển đổi mã HS sang các hàng hóa thuộc Nhóm từ 89.04 đến 89.05, nhưng phải đáp ứng được hàm lượng RVC tối thiểu là: (a) 30% theo phương pháp trực tiếp, hoặc (b) 40% theo phương pháp gián tiếp, hoặc (c) 50% theo phương pháp giá trị tập trung chỉ tính đến các nguyên liệu không có xuất xứ của Chương 89	Với quy tắc xuất xứ này, các hàng hóa thuộc Nhóm từ 89.04-89.05 để được hưởng ưu đãi thuế quan theo TPP thì có hai cách: i. Tất cả các nguyên liệu không có xuất xứ phải có mã HS nằm ngoài Chương 89, hoặc ii. Đáp ứng được tỷ lệ RVC theo một trong ba phương pháp trực tiếp, gián tiếp hoặc giá trị tập trung

Cam kết TPP về thuế quan và mở cửa thị trường đối với hàng hóa

## II. Quy tắc xuất xứ đối với hàng hóa



### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

---

TPP quy định về các phương pháp xác định quy tắc xuất xứ với các tên gọi khá quen thuộc với các doanh nghiệp Việt Nam qua các FTA trước đây. Mặc dù vậy, nội dung của mỗi phương pháp tính quy tắc xuất xứ này trong TPP lại có nhiều khác biệt so với phương pháp cùng tên trong các FTA khác.

Vì vậy, doanh nghiệp cần tìm hiểu kỹ về quy định, công thức tính toán của từng quy tắc xuất xứ liên quan tới hàng hóa của mình trong TPP (được quy định trong Chương 3 của Hiệp định), tránh hiểu nhầm rằng với cùng tên gọi thì quy tắc xuất xứ trong TPP cũng giống như quy tắc xuất xứ mà mình biết và đã đang thực hiện trong các FTA hoặc GPS hiện nay.



## Quy tắc xuất xứ của TPP quy định về Tỷ lệ không đáng kể (De minimis) như thế nào?

17

TPP quy định đối với hàng hóa sản xuất từ các nguyên liệu không có xuất xứ không đáp ứng được yêu cầu về chuyển đổi mã HS như quy định trong phụ lục 3-D (Quy tắc cụ thể mặt hàng) thì vẫn được coi là có xuất xứ nếu giá trị của các nguyên liệu đó chỉ chiếm một tỷ lệ không đáng kể (De minimis), cụ thể là không vượt quá 10% giá trị của hàng hoá.

Quy định này chỉ được áp dụng cho trường hợp sử dụng nguyên liệu không có xuất xứ để sản xuất ra một sản phẩm khác.

Tuy nhiên, quy định này không áp dụng đối với các sản phẩm dệt may (các sản phẩm dệt may có quy định riêng về Tỷ lệ không đáng kể) và với một số mặt hàng được quy định cụ thể trong Phụ lục 3-C (Các ngoại trừ đối với Nguyên tắc De minimis) trong Chương 3 của Hiệp định.

### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Quy định về Tỷ lệ không đáng kể (thường là 10%) là quy định khá phổ biến trong các FTA mà Việt Nam đã ký. Đây là một trong những trường hợp linh hoạt cho phép hàng hóa không đáp ứng được quy tắc xuất xứ theo Hiệp định nhưng có tỷ lệ nguyên liệu không có xuất xứ không đáng kể vẫn được hưởng ưu đãi thuế quan theo TPP.

Ngoài ra, trong Chương 3 về quy tắc xuất xứ của Hiệp định còn nhiều quy định linh hoạt khác, ví dụ như cho phép các chi phí vận tải, bảo hiểm, đóng gói...được tính vào hay không tính vào giá trị của nguyên liệu. Do đó doanh nghiệp cần tìm hiểu thật kỹ tất cả các nội dung về quy tắc xuất xứ trong Chương 3 của TPP để tìm cách đáp ứng theo cách có lợi nhất để được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định.

Cam kết TPP về thuế quan và mở cửa thị trường đối với hàng hóa

## II. Quy tắc xuất xứ đối với hàng hóa

### 18

#### Thủ tục chứng nhận xuất xứ trong TPP có gì đặc biệt?

Về thủ tục chứng nhận xuất xứ, TPP yêu cầu áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ, trong đó đối tượng được tự chứng nhận xuất xứ bao gồm cả người nhập khẩu, **người xuất khẩu và người sản xuất**.

Đây là một cơ chế chứng nhận xuất xứ rất mới đối với Việt Nam bởi hiện tại các doanh nghiệp Việt Nam vẫn phải xin chứng nhận xuất xứ tại một cơ quan có thẩm quyền do Nhà nước chỉ định (Bộ Công Thương hoặc Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam). Và Việt Nam mới chỉ đang bắt đầu đưa vào thí điểm một số trường hợp tự chứng nhận xuất xứ trong ASEAN.

Cơ chế này cũng khác so với cơ chế tự chứng nhận xuất xứ phổ biến ở Hoa Kỳ là chỉ người nhập khẩu tự chứng nhận xuất xứ, hay cơ chế tự chứng nhận xuất xứ của EU là người xuất khẩu tự chứng nhận xuất xứ.

Cơ chế tự chứng nhận xuất xứ của TPP (cho phép cả ba đối tượng **người nhập khẩu, người xuất khẩu hoặc người sản xuất** được tự chứng nhận xuất xứ) được đánh giá là một cơ chế linh hoạt và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp trong quá trình xuất khẩu.

Tuy nhiên, TPP không bắt buộc Việt Nam phải áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực, cụ thể:

- **Đối với hàng nhập khẩu**, Việt Nam (và Brunei, Malaysia, Mexico, Peru) được phép bảo lưu chưa áp dụng hình thức nhà nhập khẩu tự chứng nhận xuất xứ trong vòng 5 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực;
- **Đối với hàng xuất khẩu**, các nước (trong đó có Việt Nam) có thể áp dụng song song hai hình thức cấp giấy chứng nhận xuất xứ dưới đây trong 5 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực (và có thể gia hạn thêm 5 năm nữa):
  - Một cơ quan có thẩm quyền cấp (tức là vẫn như quy trình cấp chứng nhận xuất xứ hiện tại của Việt Nam), hoặc
  - Một nhà xuất khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận xuất xứ.

TPP có quy định khá chi tiết về các thủ tục, điều kiện ràng buộc về thời hạn, về cách thức mà các nước phải tuân thủ khi quy định về thủ tục chứng nhận xuất xứ theo từng trường hợp cụ thể. Đáng chú ý là các quy định về việc điều tra xác minh thông tin xuất xứ, về việc lưu giữ chứng từ chứng minh, về bảo mật...từ góc độ của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

## II. Quy tắc xuất xứ đối với hàng hóa



### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

---

Thủ tục chứng nhận xuất xứ theo TPP không chỉ mới về **hình thức chứng nhận** (doanh nghiệp “tự chứng nhận” thay vì cơ quan Nhà nước cấp chứng nhận) mà còn mới về mới về **chủ thể chứng nhận** (cả nhà nhập khẩu, xuất khẩu, sản xuất đều có quyền tự chứng nhận). Do đó việc thực thi sẽ rất khác so với cơ chế duy nhất về chứng nhận xuất xứ bởi cơ quan có thẩm quyền mà các cơ quan Nhà nước và các doanh nghiệp Việt Nam trước nay từng biết. Vì vậy, doanh nghiệp ngoài việc cần tìm hiểu về cơ chế này để áp dụng, còn cần chủ động có ý kiến với các cơ quan Nhà nước liên quan để thiết lập, vận hành, điều chỉnh cơ chế mới theo hướng thuận lợi nhất cho doanh nghiệp.

Ngoài ra, mặc dù phía Việt Nam chưa phải thực hiện ngay thủ tục chứng nhận xuất xứ mới này, một số nước nhập khẩu có thể đã/sẽ áp dụng thủ tục này ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Do đó nếu đối tác nhập khẩu muốn tự chứng nhận xuất xứ, doanh nghiệp Việt Nam cần chú ý cẩn trọng khi cung cấp các thông tin về nguồn, giá cả, cách thức mua bán nguyên vật liệu... để có thể vừa giữ quan hệ làm ăn với đối tác vừa không đánh mất bí mật kinh doanh.

Cam kết TPP về thuế quan và mở cửa thị trường đối với hàng hóa

## II. Quy tắc xuất xứ đối với hàng hóa

### 19

#### Các trường hợp đặc thù về giấy chứng nhận xuất xứ?

- **Không cần giấy chứng nhận xuất xứ mà vẫn được hưởng ưu đãi thuế quan**

TPP quy định đối với các hàng hoá có xuất xứ TPP có giá trị hải quan không vượt quá 1.000 Đô la Mỹ thì sẽ không cần giấy chứng nhận xuất xứ mà vẫn được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định. Trong các FTA đã ký của Việt Nam cũng có quy định này nhưng thường đối với hàng hóa có giá trị hải quan thấp hơn, ví dụ như FTA Việt Nam-Hàn Quốc là 600 Đô la Mỹ, FTA Việt Nam-Liên minh Kinh tế Á Âu là 200 Đô la Mỹ.

- **Nhiều lô hàng chung một giấy chứng nhận xuất xứ**

Trường hợp này được chấp nhận nếu xuất khẩu nhiều lần (nhiều lô hàng) cùng một hàng hoá và trong giấy chứng nhận xuất xứ có nêu cụ thể về khoảng thời gian xuất khẩu nhiều lần đó - khoảng thời gian này không được vượt quá 12 tháng.

### 20

#### Người nhập khẩu có thể nộp giấy chứng nhận xuất xứ để yêu cầu ưu đãi thuế quan sau khi đã nhập khẩu hàng hoá không?

TPP cho phép các nhà nhập khẩu khi nhập khẩu một hàng hoá được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định nhưng tại thời điểm nhập khẩu chưa nộp giấy chứng nhận xuất xứ để hưởng ưu đãi thuế thì trong vòng **01 năm** kể từ ngày nhập khẩu (hoặc có thể dài hơn theo quy định của nước nhập khẩu) có thể nộp giấy chứng nhận xuất xứ của hàng hoá đó và yêu cầu hoàn trả lại số tiền thuế chênh lệch đã nộp.

## Tại sao TPP có một Chương riêng về dệt may?

21

Dệt may là một trong những sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, và thị trường lớn nhất là Hoa Kỳ. Trong khi đó, đối với Hoa Kỳ dệt may là một trong những ngành nhạy cảm (ngành may rất nhỏ, ngành dệt khá phát triển và có ưu thế chính trị lớn), Việt Nam lại là nước xuất khẩu lớn thứ hai vào nước này (sau Trung Quốc). Do đó, cũng như trong nhiều FTA khác của Hoa Kỳ, theo yêu cầu của một nhóm các nghị sỹ Hoa Kỳ cũng như các hiệp hội, doanh nghiệp dệt may trong nước, Hoa Kỳ đã yêu cầu đàm phán một Chương riêng về dệt may trong TPP, tách ra khỏi đàm phán Chương 3 về mở cửa thị trường đối với hàng hóa nói chung.

Trong đàm phán này, hai đối tác đàm phán chủ yếu là Hoa Kỳ (phía mở cửa thị trường) và Việt Nam (phía tiếp cận thị trường), ngoài ra còn có một số đối tác khác quan tâm như Mexico, Australia...

Chương Dệt may (Chương IV của Hiệp định) bao gồm các nội dung chính như sau:

- Bộ quy tắc xuất xứ riêng đối với các sản phẩm dệt may
- Các quy định về biện pháp tự vệ đối với dệt may,
- Các vấn đề về hợp tác hải quan, chương trình giám sát, xác minh xuất xứ.

Chú ý là các nội dung về cắt giảm thuế quan đối với các sản phẩm dệt may được đưa chung vào Biểu cam kết thuế quan của tất cả hàng hoá trong Phụ lục 2-D của Chương 2 Hiệp định TPP.

### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Do được đàm phán riêng nên các vấn đề của dệt may (trừ thuế quan được quy định chung trong Biểu thuế quan cho tất cả các hàng hóa) được quy định riêng, khác biệt so với các hàng hóa khác. Vì thế, doanh nghiệp dệt may cần xem Chương 4 TPP (dệt may) trước khi xem các nội dung khác của TPP.

Tuy nhiên, trừ các vấn đề đã được quy định trong Chương 4 (xuất xứ và thủ tục chứng nhận xuất xứ, tự vệ, quy trình hải quan), đối với tất cả các vấn đề còn lại liên quan tới thương mại đối với hàng dệt may, các Chương khác của TPP vẫn áp dụng như bình thường.

Cam kết TPP về thuế quan và mở cửa thị trường đối với hàng hóa

### III. Dệt may

## 22

### Quy tắc xuất xứ về dệt may trong TPP?

Quy tắc xuất xứ chủ đạo đối với hàng dệt may trong TPP là “yarn-forward” (“từ sợi trở đi”), hay còn gọi là quy tắc “ba công đoạn”. Quy tắc này được hiểu một cách chung nhất là tất cả các công đoạn sản xuất hàng dệt may từ sợi trở đi, bao gồm (i) kéo sợi, dệt và nhuộm vải; (ii) cắt và (iii) may quần áo phải được thực hiện trong nội khối TPP. Đây là quy tắc xuất xứ chặt chẽ nhất về dệt may mà Việt Nam từng cam kết trong một FTA (các FTA trước đây của Việt Nam, quy tắc xuất xứ đối với hàng dệt may chủ yếu là quy tắc đơn giản “cắt và may” trừ FTA ASEAN-Nhật Bản và Việt Nam – Nhật Bản là áp dụng quy tắc “từ vải trở đi”).

TPP chỉ chấp nhận 03 mặt hàng được áp dụng quy tắc “cắt và may” là vali, túi xách; áo ngực phụ nữ; và quần áo trẻ em bằng sợi tổng hợp.

Ngoài ra, Chương Dệt may của TPP cũng quy định một số ngoại lệ và linh hoạt đối với quy tắc xuất xứ “từ sợi trở đi” (ví dụ nguyên tắc tỷ lệ tối thiểu, các mã nguyên liệu thuộc danh mục nguồn cung thiếu hụt...).



#### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

“Từ sợi trở đi” là tên gọi ngắn gọn, dễ hiểu nhất để nói về quy tắc xuất xứ áp dụng cho hàng dệt may trong TPP. Tuy nhiên, trên thực tế, trong cam kết TPP không có một quy tắc “từ sợi trở đi” chung cho tất cả các sản phẩm dệt may, mà là các quy tắc xuất xứ “từ sợi trở đi” cụ thể hóa đối với từng nhóm sản phẩm dệt may (nhóm theo mã HS 4 số).

Do đó, với mỗi nhóm sản phẩm dệt may, doanh nghiệp cần tra cứu cụ thể quy tắc xuất xứ riêng cho nhóm sản phẩm của mình, chứ không hiểu vắn tắt đơn giản là “từ sợi trở đi” được. Quy tắc xuất xứ với các nhóm sản phẩm dệt may được quy định trong Phụ lục 4A- Textiles and Apparel Product – Specific Rules of Origin của Chương 4 TPP (Dệt may).

## Liệu có sản phẩm dệt may nào không đáp ứng quy tắc xuất xứ “từ sợi trở đi” mà vẫn được coi là có xuất xứ TPP không?

23

TPP ghi nhận một số trường hợp ngoại lệ, không phải tuân thủ quy tắc xuất xứ “từ sợi trở đi” mà vẫn được hưởng ưu đãi thuế quan theo TPP. Cụ thể:

### (i) Tỷ lệ tối thiểu (De minimis)

Theo quy định của TPP thì các trường hợp sau đây vẫn được coi là có xuất xứ TPP:

- Các sản phẩm dệt may ngoài các Chương từ 61 đến 63 không đáp ứng được các quy tắc xuất xứ về chuyển đổi mã HS quy định trong Phụ lục A-Chương 4 của Hiệp định, nhưng khối lượng các nguyên liệu không đáp ứng được quy tắc chuyển đổi mã HS đó không vượt quá 10% tổng khối lượng của sản phẩm;
- Các sản phẩm dệt may từ các Chương 61 đến 63 không đáp ứng được các quy tắc xuất xứ về chuyển đổi mã HS quy định trong Phụ lục A-Chương 4 của Hiệp định, nhưng khối lượng của các nguyên liệu sợi không đáp ứng quy tắc chuyển đổi mã số HS được dùng trong sản xuất ra thành phần quyết định mã HS của sản phẩm dệt may đó có không vượt quá 10% tổng khối lượng của thành phần thì sản phẩm dệt may đó.

Chú ý là trong cả hai trường hợp trên, nếu các sản phẩm dệt may chứa nguyên liệu là sợi đàn hồi (elastomeric yarn) mà nguyên liệu này quyết định phân loại của sản phẩm thì sẽ sản phẩm đó chỉ được coi là có xuất xứ nếu sợi đàn hồi đó được sản xuất toàn bộ trong khu vực TPP.

Cam kết TPP về thuế quan và mở cửa thị trường đối với hàng hóa

### III. Dệt may

## 23

#### (ii) Danh mục nguồn cung thiếu hụt

Danh mục này được quy định trong Phụ lục 1 của **Phụ lục 4-A** của Chương 4 Hiệp định TPP. Đây là danh mục các loại sợi và vải được phép nhập khẩu từ các nước bên ngoài TPP để sản xuất hàng dệt may mà vẫn được hưởng ưu đãi thuế quan theo TPP.

Danh mục này gồm 2 loại:

- **Danh mục nguồn cung thiếu hụt tạm thời:** Danh mục này bao gồm 08 loại nguyên liệu được phép nhập khẩu từ các nước ngoài TPP mà vẫn được coi là đáp ứng quy tắc xuất xứ để hưởng ưu đãi thuế quan, nhưng chỉ được trong vòng 5 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực;
- **Danh mục nguồn cung thiếu hụt vĩnh viễn:** bao gồm 186 loại nguyên liệu được phép nhập khẩu từ các nước ngoài TPP mà vẫn được coi là đáp ứng quy tắc xuất xứ TPP để hưởng ưu đãi thuế quan trong TPP, không hạn chế về thời gian.

#### (iii) Cơ chế 1 đổi 1 áp dụng với quần nam nữ bằng vải bông xuất khẩu sang Hoa Kỳ

Cơ chế này cho phép doanh nghiệp mua 01 đơn vị vải bông thích hợp làm quần có xuất xứ từ Hoa Kỳ sẽ được phép sử dụng 01 đơn vị vải bông nhập khẩu từ ngoài khu vực TPP để may quần xuất khẩu sang Hoa Kỳ và hưởng thuế 0%. Tỷ lệ quy đổi giữa vải bông xuất xứ Hoa Kỳ và vải bông được phép nhập khẩu ngoài khối TPP khác nhau giữa quần nam và quần nữ.



#### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Quy tắc xuất xứ “từ sợi trở đi” là quy tắc chung đối với sản phẩm dệt may trong TPP. Tuy nhiên, TPP cho phép nhiều trường hợp không phải áp dụng quy tắc này. Doanh nghiệp vì vậy trước hết cần xác định trường hợp cụ thể của mình có thuộc diện ngoại lệ không phải áp dụng quy tắc “từ sợi trở đi” chung của TPP hay không.

Ngoại lệ đáng chú ý nhất là các Danh mục nguồn cung thiếu hụt (thực chất là 02 danh sách nguyên liệu vải và sợi mà nếu không có xuất xứ TPP nhưng đáp ứng được các điều kiện cụ thể được liệt kê thì sẽ được coi là “có xuất xứ TPP”). Các Danh mục này, cùng với các điều kiện cụ thể kèm theo được nêu trong Phụ lục 4A – Short Supply List of Products của Chương 4 TPP.



## Biện pháp tự vệ đặc biệt đối với dệt may?

24

Trong trường hợp một sản phẩm dệt may của một nước TPP được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định và xuất khẩu sang một nước TPP khác với một khối lượng gia tăng và gây ra thiệt hại nghiêm trọng, hoặc là đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất nội địa của nước đó, thì nước nhập khẩu có quyền áp dụng biện pháp tự vệ đặc biệt đối với sản phẩm dệt may đó.

Cụ thể, nước nhập khẩu có thể không tiếp tục áp dụng ưu đãi thuế quan cho sản phẩm dệt may đó nữa và nâng mức thuế lên ngang bằng với mức thuế Tối huệ quốc (thuế MFN) theo WTO tại thời điểm đó. Biện pháp này chỉ được áp dụng trong một khoảng thời gian cần thiết đủ để ngăn ngừa hoặc bù đắp các thiệt hại do hàng nhập khẩu đó gây ra đối với ngành sản xuất nội địa của nước nhập khẩu.

Tuy nhiên, trước khi áp dụng các biện pháp tự vệ đặc biệt, nếu được yêu cầu bởi nước xuất khẩu, nước nhập khẩu phải tiến hành tham vấn với nước xuất khẩu về biện pháp tự vệ này trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu tham vấn của nước nhập khẩu. Nếu nước nhập khẩu vẫn quyết định áp dụng biện pháp tự vệ đặc biệt, nước nhập khẩu phải đền bù thiệt hại về kinh tế do biện pháp tự vệ này gây ra cho nước xuất khẩu, nếu không nước xuất khẩu có thể tiến hành biện pháp trả đũa về thuế tương đương.

Cam kết TPP về thuế quan và mở cửa thị trường đối với hàng hóa

## IV. Các biện pháp phi thuế (bao gồm cả phòng vệ thương mại, TBT, SPS)

### 25

#### TPP có cấm việc sử dụng các biện pháp phi thuế không?

Các biện pháp phi thuế là tất cả các biện pháp không phải thuế quan mà có tác dụng hạn chế việc nhập khẩu hàng hoá vào một nước. Các biện pháp phi thuế quan thường được áp dụng phổ biến bởi các nước nhập khẩu là: các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm (SPS), các rào cản kỹ thuật đối với thương mại (TBT), các biện pháp phòng vệ thương mại (TR – bao gồm các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ), và các biện pháp hạn chế định lượng xuất nhập khẩu (như cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, giấy phép nhập khẩu, hạn ngạch nhập khẩu...)

Đối với các biện pháp hạn chế định lượng xuất nhập khẩu, TPP có các cam kết tái khẳng định các cam kết của các bên trong WTO trong việc xoá bỏ phần lớn các biện pháp này, đồng thời đưa ra các hạn chế mang tính ràng buộc trong các trường hợp còn được phép áp dụng các biện pháp hạn chế này.

Tuy nhiên, đối với 03 loại biện pháp phi thuế quan mà các nước thành viên TPP đặc biệt là Hoa Kỳ đang sử dụng rất phổ biến là SPS, TBT và TR thì TPP lại có cam kết tương đối hạn chế. Cụ thể, TPP không yêu cầu các nước phải xoá bỏ hoặc hạn chế sử dụng các biện pháp này và vẫn ghi nhận quyền của các nước trong việc áp dụng các biện pháp này trong khuôn khổ các nguyên tắc của WTO. Tuy nhiên so với WTO, TPP đi xa hơn thông qua việc tăng cường một số yêu cầu về minh bạch hoá thông tin, sử dụng tiêu chuẩn quốc tế, áp dụng công bằng bình đẳng, có cơ chế hợp tác, giải quyết tranh chấp...



#### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Các biện pháp phi thuế trên thực tế có thể tạo ra những rào cản lớn hơn nhiều so với hàng rào thuế quan khi hàng hóa của doanh nghiệp tiếp cận các thị trường xuất khẩu. Vì vậy, WTO, nhiều FTA và cả TPP đều cố gắng để giảm bớt và minh bạch hóa các biện pháp phi thuế này, chống lại tình trạng lạm dụng hoặc áp dụng một cách tinh vi các biện pháp phi thuế để ngăn chặn hàng nhập khẩu.

Các doanh nghiệp cần chú ý tìm hiểu các hàng rào thuế quan mà nước nhập khẩu đang áp dụng với mình và quy định của TPP về loại hàng rào đó để phân biệt các rào cản phi thuế nào là được phép, rào cản nào bị cấm, qua đó tự bảo vệ lợi ích của mình (thông qua các thủ tục khiếu nại, khiếu kiện tại nước nhập khẩu) hoặc thông tin để Chính phủ Việt Nam thực hiện các hành động cần thiết bảo vệ doanh nghiệp (ví dụ yêu cầu tham vấn, khởi kiện theo cơ chế của TPP, WTO...).

## IV. Các biện pháp phi thuế (bao gồm cả phòng vệ thương mại, TBT, SPS)

### Sau khi TPP có hiệu lực, Việt Nam có được phép cấm hoặc hạn chế xuất khẩu, nhập khẩu khác không?

26

TPP nhắc lại các nghĩa vụ trong WTO theo đó các nước không được ban hành hoặc duy trì bất kỳ biện pháp cấm, hạn chế nhập khẩu hoặc xuất khẩu nào ngoại trừ các trường hợp đã có cam kết và các ngoại lệ trong WTO. Như vậy, trừ các trường hợp đã quy định trong cam kết, Việt Nam sẽ không thể cấm, hạn chế nhập khẩu hay xuất khẩu hàng hóa.

Bên cạnh các nghĩa vụ trong WTO, TPP còn yêu cầu các nước Thành viên **không được áp dụng các biện pháp có tính hạn chế xuất/nhập khẩu** sau đây:

- Các yêu cầu về giá xuất khẩu, nhập khẩu, ngoại trừ các trường hợp thực hiện các biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp;
- Các biện pháp cấp phép nhập khẩu dựa trên tiêu chí về hoạt động (performance requirement, ví dụ yêu cầu về tỷ lệ xuất khẩu tối thiểu, yêu cầu về mức độ nội địa hóa...);
- Chỉ cho phép tham gia nhập khẩu hoặc cho phép nhập khẩu một loại hàng hóa nếu có quan hệ hợp đồng hoặc quan hệ khác với một nhà phân phối nội địa;
- Các hạn chế xuất khẩu tự nguyện theo yêu cầu của một nước nhập khẩu nào đó không phù hợp với các quy định của WTO.

Đối với các trường hợp có bảo lưu tiếp tục giữ một số quy định cấm và/hoặc hạn chế xuất nhập khẩu đối với một số mặt hàng nhất định, các nước TPP cũng phải cam kết nếu có sửa đổi các quy định đó trong tương lai thì chỉ có thể theo hướng mở hơn, không được hạn chế hơn mức đã bảo lưu.

Về vấn đề này, Việt Nam bảo lưu các biện pháp cấm xuất hoặc cấm nhập khẩu tại Nghị định số 187/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ và Thông tư số 04/2014/TTBCT ngày 27/01/2014 của Bộ Công thương hướng dẫn Nghị định này đối với một số loại hàng hóa được liệt kê, ví dụ:

- Việt Nam vẫn được quyền giữ các quy định cấm nhập khẩu đối với phương tiện vận tải tay lái nghịch, phương tiện vận tải cũ trên 5 năm và một số sản phẩm đã qua sử dụng (bao gồm quần áo, giày dép, đồ gỗ, máy tính xách tay, thiết bị y tế, xe đạp, xe ba bánh...);
- Việt Nam vẫn được cấm xuất khẩu gỗ tròn, gỗ xẻ các loại từ gỗ rừng tự nhiên trong nước, các sản phẩm gỗ (trừ các sản phẩm thủ công mỹ nghệ và các sản phẩm được sản xuất từ gỗ rừng trồng, gỗ nhập khẩu, hoặc pallet nhân tạo).

Cam kết TPP về thuế quan và mở cửa thị trường đối với hàng hóa

## IV. Các biện pháp phi thuế (bao gồm cả phòng vệ thương mại, TBT, SPS)

### 26

Chú ý là các cam kết liên quan tới các biện pháp cấm hoặc hạn chế xuất khẩu, nhập khẩu trong TPP sẽ được áp dụng cho cả **hàng hóa tân trang** (hàng hóa có một phần hoặc toàn bộ các bộ phận đã được tân trang lại nhưng có tuổi thọ và chức năng giống như một sản phẩm mới). Việt Nam cũng cam kết thêm là sẽ không áp dụng các biện pháp về xuất nhập khẩu đối với hàng tân trang ở mức khắt khe hơn so với biện pháp áp dụng đối với hàng mới cùng loại, nếu có.

Tuy nhiên, TPP yêu cầu thêm rằng nếu một nước áp dụng các biện pháp hạn chế nhập khẩu đối với sản phẩm cũ thì biện pháp đó không áp dụng cho hàng hóa tân trang. Việt Nam bảo lưu toàn bộ nghĩa vụ này trong vòng 03 năm sau khi Hiệp định có hiệu lực và bảo lưu không áp dụng nghĩa vụ này vĩnh viễn đối với hàng tân trang thuộc 16 nhóm hàng hóa (được liệt kê trong Phụ lục 2-B Remanufactured Goods Chương 2 Hiệp định).



### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Cam kết TPP của Việt Nam về các biện pháp cấm hoặc hạn chế xuất nhập khẩu giống với pháp luật Việt Nam hiện hành về vấn đề này.

Tuy nhiên, cam kết TPP cao hơn pháp luật hiện hành liên quan tới hàng tân trang, theo đó Việt Nam sẽ phải đối xử với hàng tân trang như hàng mới. Ví dụ Việt Nam sẽ không thể coi các sản phẩm công nghệ thông tin (điện thoại, máy tính bảng...) được tân trang là sản phẩm cũ để cấm và/hoặc hạn chế nhập khẩu như trước đây nữa. Đây sẽ là thay đổi rất lớn về chính sách nhập khẩu mà các doanh nghiệp liên quan cần lưu ý để điều chỉnh sản xuất kinh doanh các sản phẩm liên quan cho phù hợp.

## IV. Các biện pháp phi thuế (bao gồm cả phòng vệ thương mại, TBT, SPS)

### Sau khi TPP có hiệu lực, Việt Nam có bỏ cơ chế cấp phép nhập khẩu không?

27

TPP không cấm các nước sử dụng giấy phép nhập khẩu, mà chỉ yêu cầu các nước phải tuân thủ các yêu cầu về giấy phép nhập khẩu trong Hiệp định về Thủ tục cấp phép nhập khẩu của WTO (chủ yếu là các yêu cầu để đảm bảo thủ tục cấp phép được rõ ràng, thuận lợi).

Ngoài ra, TPP có thêm các quy định khá chi tiết liên quan tới quy trình cấp phép nhập khẩu, nhấn mạnh các yêu cầu minh bạch hóa. Ví dụ, các nước TPP có nghĩa vụ:

- Thông báo cho các nước Thành viên khác về thủ tục cấp phép nhập khẩu hiện hành (danh sách hàng hóa phải cấp phép, đầu mối thông tin về điều kiện cấp phép, tên văn bản quy định về cấp phép nhập khẩu, cơ quan cấp phép, phân loại giấy phép – là giấy phép tự động hay không tự động, thời hạn cấp phép...);
- Khi ban hành một thủ tục cấp phép nhập khẩu mới hoặc sửa đổi một thủ tục cấp phép nhập khẩu đang có, phải thông báo cho các nước Thành viên khác không muộn hơn 60 ngày trước khi thủ tục đó có hiệu lực và không muộn hơn 60 ngày kể từ ngày công bố thủ tục đó;
- Phải đăng tải các quy định mới hoặc bổ sung về thủ tục cấp phép nhập khẩu (điều kiện cấp phép, cơ quan cấp phép, các loại hàng hóa phải được cấp phép nhập khẩu...) trên một trang web chính thức của Cơ quan Chính phủ có thẩm quyền.

Các nước Thành viên sẽ không được áp dụng bất kỳ thủ tục cấp phép nhập khẩu nào đối với các hàng hóa từ các thành viên TPP khác nếu không thông báo cho tất cả các Thành viên khác về các thủ tục cấp phép nhập khẩu đang tồn tại và đăng công khai các thủ tục cấp phép nhập khẩu mới hoặc sửa đổi.

#### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Với các cam kết trong TPP, sau khi Hiệp định này có hiệu lực Việt Nam sẽ vẫn được tiếp tục áp dụng giấy phép nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu từ các nước TPP. Tuy nhiên, Việt Nam cũng như các nước TPP sẽ phải tuân thủ các yêu cầu về minh bạch hóa thông tin trong thủ tục cấp phép nhập khẩu. Điều này chắc chắn sẽ giúp việc xin giấy phép nhập khẩu của doanh nghiệp thuận lợi và nhanh chóng hơn.

Cam kết TPP về thuế quan và mở cửa thị trường đối với hàng hóa

## IV. Các biện pháp phi thuế (bao gồm cả phòng vệ thương mại, TBT, SPS)

### 28

## Việt Nam có thể ưu tiên hàng nội địa hơn so với hàng nhập khẩu từ các nước TPP không?

TPP nhấn mạnh lại nguyên tắc Đối xử quốc gia (NT) quy định trong Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại (GATT 1994) của WTO, theo đó tất cả các thành viên TPP, mà cũng là các thành viên WTO, sẽ phải dành sự đối xử đối với hàng hóa nhập khẩu không kém thuận lợi hơn so với hàng hóa nội địa tương tự.

Do đó, về nguyên tắc, Việt Nam phải áp dụng các quy định các loại phí, thuế nội địa (ví dụ thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt...) hay các điều kiện bán hàng (ví dụ phải bán hàng ở kênh nào, theo cách thức như thế nào)... ít nhất là bình đẳng giữa hàng hóa nội địa và hàng hóa nhập khẩu.

Tuy nhiên, WTO và TPP đều chấp nhận những ngoại lệ chung và riêng cho một số nước liên quan đến nghĩa vụ này.

Việt Nam không có bảo lưu gì riêng cho nghĩa vụ NT này trong TPP. Do đó, Việt Nam sẽ tiếp tục thực hiện theo WTO, ít nhất là không được áp dụng các điều kiện bán hàng, các loại thuế phí hay bất kỳ các yêu cầu khác đối với hàng hóa từ các nước thành viên WTO (trong đó có các nước TPP) cao hơn so với hàng hóa nội địa tương tự trừ các trường hợp ngoại lệ chung theo WTO.



### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Việt Nam hiện đã không còn duy trì sự phân biệt đối xử về thuế, phí, điều kiện bán hàng... giữa hàng nội địa và hàng nhập khẩu. Vì vậy với TPP, sẽ không có gì thay đổi về vấn đề này trên thị trường Việt Nam.

Cũng như vậy, các doanh nghiệp nội địa sẽ không được đòi hỏi hay yêu cầu Chính phủ áp dụng các biện pháp về thuế, phí hay điều kiện bán hàng có lợi hơn cho hàng hóa trong nước sản xuất so với hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài.

## IV. Các biện pháp phi thuế (bao gồm cả phòng vệ thương mại, TBT, SPS)

### Việt Nam có thể hỗ trợ cho nông sản sau khi TPP có hiệu lực không?

29

TPP chỉ ràng buộc các nước Thành viên về các biện pháp đối với trợ cấp xuất khẩu cho nông sản. Cụ thể, TPP cấm các nước thành viên trợ cấp xuất khẩu cho nông sản sang các nước Thành viên TPP khác. Ngoài ra, các nước TPP cam kết sẽ cùng làm việc với nhau trong WTO để xây dựng các quy tắc đa phương về tín dụng xuất khẩu, các chương trình bảo hiểm và bảo lãnh tín dụng xuất khẩu.

TPP không có cam kết về trợ cấp nội địa đối với nông sản. Vì vậy, có thể hiểu là Việt Nam vẫn có thể tiếp tục sử dụng các biện pháp trợ cấp nội địa cho nông sản mà WTO cho phép (ví dụ các biện pháp trợ cấp cho nông nghiệp nông thôn không hoặc rất ít tác động bóp méo thương mại, trợ cấp trong chương trình “hỗ trợ phát triển sản xuất” như các trợ cấp đầu tư, “đầu vào” cho sản xuất nông nghiệp cho nông dân nghèo hoặc các vùng khó khăn, hoặc hỗ trợ các vùng chuyển đổi...).



#### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Ngay từ khi gia nhập WTO, Việt Nam đã cam kết không trợ cấp xuất khẩu dù là với nông sản hay sản phẩm công nghiệp. Vì vậy, cam kết trong TPP về vấn đề này sẽ không gây ra tác động nào cho việc trợ cấp nông sản hiện nay.

Theo đánh giá, Việt Nam hiện đang trợ cấp nội địa cho nông sản thấp hơn nhiều so với mức được phép theo cam kết WTO. Do đó, không gian chính sách cho việc trợ cấp cho nông sản Việt Nam còn khá rộng rãi. Trong khi đó nông nghiệp lại được dự báo là sẽ bị ảnh hưởng bất lợi từ TPP. Do đó, doanh nghiệp cần nghiên cứu đề xuất với Nhà nước các biện pháp hỗ trợ hiệu quả và phù hợp với WTO để đối phó tốt hơn với thách thức cạnh tranh từ TPP.

Cam kết TPP về thuế quan và mở cửa thị trường đối với hàng hóa

## IV. Các biện pháp phi thuế (bao gồm cả phòng vệ thương mại, TBT, SPS)

### 30

## TPP có làm thay đổi cơ chế đối với các doanh nghiệp thương mại Nhà nước trong xuất khẩu nông sản ở Việt Nam không?

TPP không có quy định cụ thể liên quan đến các doanh nghiệp thương mại Nhà nước xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp. Tuy nhiên, các nước TPP có cam kết sẽ cùng làm việc với nhau trong một Hiệp định của WTO về vấn đề này nhằm yêu cầu:

- Xóa bỏ các hạn chế gây bóp méo thương mại trong việc trao quyền xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp;
- Xóa bỏ bất kỳ hình thức cấp vốn đặc biệt nào mà một thành viên WTO, dù trực tiếp hay gián tiếp, dành cho các doanh nghiệp thương mại nhà nước xuất khẩu chiếm một tỷ lệ đáng kể trong tổng xuất khẩu một sản phẩm nông nghiệp của nước đó;
- Tăng cường minh bạch hóa sự vận hành và duy trì của các doanh nghiệp thương mại nhà nước xuất khẩu.



### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Do TPP không đưa ra quy định bắt buộc nào về cơ chế đối với các doanh nghiệp thương mại Nhà nước hiện đang được độc quyền xuất khẩu một số loại nông sản nhất định nên về nguyên tắc cơ chế đối với các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản (ví dụ gạo) ở Việt Nam có thể vẫn được tiếp tục duy trì như hiện nay.

Tuy nhiên các doanh nghiệp diện này cần chú ý rằng trong tương lai, cơ chế này có thể sẽ thay đổi theo hướng minh bạch, bình đẳng và thị trường hơn.



## IV. Các biện pháp phi thuế (bao gồm cả phòng vệ thương mại, TBT, SPS)

### Sau TPP, các biện pháp tự vệ có gì thay đổi?

31

TPP khẳng định lại các nguyên tắc của Hiệp định về biện pháp tự vệ của WTO. Tuy nhiên, TPP bổ sung thêm một quy trình tự vệ mới bên cạnh quy trình tự vệ theo WTO.

Cụ thể, sau TPP, các nước có thể duy trì 02 nhóm biện pháp tự vệ, bao gồm tự vệ toàn cầu (tự vệ theo WTO như trước nay vẫn áp dụng) và tự vệ trong thời gian chuyển đổi (tự vệ riêng của TPP).

#### (i) Tự vệ toàn cầu

Theo WTO, các nước được áp dụng các biện pháp tự vệ khi có một lượng nhập khẩu hàng hoá tăng đột biến gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất nội địa. Biện pháp tự vệ này thường được áp dụng dưới dạng một khoản thuế quan tăng thêm, hoặc hạn ngạch thuế quan hoặc hạn chế lượng nhập khẩu.

Biện pháp tự vệ phải được áp dụng đối với tất cả các nước thành viên WTO không loại trừ nước nào. Do đó biện pháp này còn gọi là Tự vệ toàn cầu.

Với cam kết TPP, một nước TPP khi áp dụng biện pháp tự vệ toàn cầu **có thể loại trừ** các sản phẩm **có xuất xứ** mà áp dụng hạn ngạch thuế quan hoặc nằm trong danh mục cắt giảm thuế (Phụ lục 2-D) của nước đó nếu việc nhập khẩu các hàng hoá này không phải là nguyên nhân gây ra thiệt hại hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đối với ngành sản xuất nội địa của nước đó. Nói cách khác, khi một nước TPP áp dụng một biện pháp tự vệ toàn cầu thì có thể loại trừ không áp dụng đối với các hàng hoá có xuất xứ từ một nước TPP khác.

#### (ii) Tự vệ trong thời gian chuyển đổi

TPP cho phép một nước thành viên tiến hành điều tra và áp dụng biện pháp tự vệ chỉ đối với hàng hoá của một hoặc nhiều nước thành viên TPP khác trong thời gian chuyển đổi (là khoảng thời gian 3 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực hoặc dài hơn tùy thuộc vào lộ trình cắt giảm thuế của hàng hoá bị áp dụng), nếu việc cắt giảm thuế quan đối với hàng hoá đó dẫn đến lượng nhập khẩu gia tăng đột biến và gây ra thiệt hại nghiêm trọng đối với ngành sản xuất nội địa của nước nhập khẩu.

**Các biện pháp tự vệ có áp dụng** trong trường hợp này là i) Ngừng cắt giảm thuế quan theo lộ trình cắt giảm thuế quan đối với sản phẩm bị áp dụng, hoặc ii) Tăng thuế quan của sản phẩm bị áp dụng lên mức thuế MFN.

**Thời gian áp dụng biện pháp tự vệ này** là không quá 02 năm, có thể được gia hạn thêm 01 năm trong trường hợp cần thiết.

Cam kết TPP về thuế quan và mở cửa thị trường đối với hàng hóa

## IV. Các biện pháp phi thuế (bao gồm cả phòng vệ thương mại, TBT, SPS)

### 31

**Thông báo và tham vấn:** Trong quá trình điều tra để áp dụng biện pháp tự vệ theo dạng này, nước điều tra phải thông báo bằng văn bản cho nước bị điều tra về việc khởi xướng điều tra, đưa ra quyết định về thiệt hại, quyết định áp dụng hoặc gia hạn biện pháp tự vệ, quyết định sửa đổi biện pháp tự vệ.

**Đền bù:** Nước áp dụng biện pháp tự vệ theo dạng này phải đền bù cho các Nước bị áp dụng những thiệt hại từ việc bị áp dụng biện pháp tự vệ đó. Hai Bên sẽ thống nhất với nhau về mức đền bù, nếu không thống nhất được thì bên bị áp dụng biện pháp tự vệ có thể đình chỉ một lợi ích tương đương dành cho bên áp dụng biện pháp tự vệ theo Hiệp định này.



### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Biện pháp tự vệ là một trong số ít các biện pháp hợp pháp cho phép bảo hộ có điều kiện và có thời hạn đối với ngành sản xuất nội địa trong thương mại quốc tế. Trong bối cảnh các FTA nói chung và TPP nói riêng, nguy cơ hàng hóa từ các nước đối tác tận dụng ưu đãi thuế quan nhập khẩu ồ ạt vào Việt Nam, các doanh nghiệp cần chú ý tìm hiểu để vận dụng hiệu quả công cụ hiếm hoi này, đặc biệt là các công cụ được thiết kế riêng để hạn chế phần nào các tác động tích cực của các FTA như công cụ tự vệ trong thời gian chuyển đổi của TPP.

Tuy nhiên, theo chiều ngược lại, hàng hóa của Việt Nam có thể sẽ phải đối mặt nhiều hơn với nguy cơ kiện tự vệ ở các nước thành viên TPP, nhất là khi TPP đưa ra cơ chế kiện tự vệ để áp dụng hơn trong WTO.

## IV. Các biện pháp phi thuế (bao gồm cả phòng vệ thương mại, TBT, SPS)

### Sau TPP, các vụ kiện chống bán phá giá, chống trợ cấp có thay đổi gì không?

32

Khác với biện pháp tự vệ, liên quan tới biện pháp chống bán phá giá và biện pháp chống trợ cấp (hay còn gọi là biện pháp đối kháng), TPP chỉ khẳng định lại các nguyên tắc của các Hiệp định về chống bán phá giá và Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng của WTO là chủ yếu, bên cạnh việc bổ sung một số cam kết mới về hợp tác, ghi nhận một số thông lệ tốt về minh bạch và quy trình điều tra, áp dụng các biện pháp này. Các thông lệ này mang tính khuyến nghị và nếu nước nào không tuân thủ thì các nước khác cũng không thể kiện theo Cơ chế giải quyết tranh chấp cấp Nhà nước của TPP được.

TPP không có cam kết nào đề cập hay ghi nhận quy chế kinh tế thị trường cho Việt Nam trong các vụ kiện chống bán phá giá, chống trợ cấp mà các nước TPP tiến hành với hàng hóa xuất khẩu Việt Nam.



#### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Với không nhiều các cam kết mới về vấn đề chống bán phá giá và chống trợ cấp, TPP sẽ không tạo ra ảnh hưởng gì quá lớn về vấn đề này ở các nước thành viên TPP. Các nước TPP sẽ vẫn tiếp tục thực hiện việc điều tra, áp dụng các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp theo WTO như trước đây. Hàng hóa xuất khẩu Việt Nam nếu bị vướng phải các vụ điều tra vẫn có thể bị coi là nền kinh tế phi thị trường trong các vụ việc này như cam kết trong WTO (riêng với các vụ kiện chống bán phá giá, quy chế kinh tế thị trường sẽ tự động được chấp thuận sau 31/12/2018).

Do đó, các doanh nghiệp Việt Nam khi xuất khẩu sang các nước TPP tiếp tục phải chú ý các nguy cơ kiện chống bán phá giá, chống trợ cấp ở các thị trường TPP và tham gia tích cực các vụ điều tra, nếu có, để bảo vệ lợi ích của mình.

Cam kết TPP về thuế quan và mở cửa thị trường đối với hàng hóa

## IV. Các biện pháp phi thuế (bao gồm cả phòng vệ thương mại, TBT, SPS)

### 33

## TPP có quy định gì về việc sử dụng các biện pháp tiêu chuẩn kỹ thuật (TBT) và biện pháp an toàn thực phẩm, kiểm dịch động thực vật (SPS)?

Các biện pháp hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (gọi tắt là TBT, hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật) và các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (còn gọi là biện pháp SPS) là vấn đề gắn liền với thương mại hàng hóa và có mặt trong hầu hết các FTA. Trong TPP, các vấn đề này được quy định trong 02 Chương tương ứng.

### ■ Chương TBT

Chương TBT của TPP không cản trở quyền của các nước trong việc ban hành các tiêu chuẩn kỹ thuật của mình nhưng yêu cầu các nước phải tuân thủ các nguyên tắc của WTO về vấn đề này (ví dụ các tiêu chuẩn kỹ thuật phải dựa trên các căn cứ khoa học xác đáng, khi soạn thảo phải lấy ý kiến bình luận, khi áp dụng phải công bằng không phân biệt đối xử ...) và phải phù hợp với một số các yêu cầu về minh bạch mới được bổ sung trong TPP (ví dụ về thời gian lấy ý kiến tối thiểu, về độ trễ hợp lý giữa thời điểm ban hành và thời điểm có hiệu lực thi hành của tiêu chuẩn TBT mới...).

Đáng chú ý, TPP có thêm một số các cam kết mới khá chi tiết về quy trình đánh giá sự phù hợp và Phụ lục về các nguyên tắc trong ban hành các quy định liên quan tới hàng rào kỹ thuật của một số sản phẩm cụ thể.

### ■ Chương SPS

Tương tự như Chương TBT, Chương SPS về biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS) trong TPP nhắc lại các nghĩa vụ trong Hiệp định SPS của WTO. Hiệp định SPS không hạn chế quyền của các nước trong việc áp dụng các biện pháp SPS để bảo vệ sức khỏe của con người, động và thực vật trên lãnh thổ nước mình, nhưng yêu cầu các nước phải đảm bảo các biện pháp đó dựa trên các căn cứ khoa học hoặc theo các tiêu chuẩn, hướng dẫn, khuyến nghị quốc tế và phải được áp dụng ở mức cần thiết, không gây cản trở thương mại và không phân biệt đối xử giữa các sản phẩm trong nước và nước ngoài.

Chương SPS của TPP cũng mở rộng hơn các nghĩa vụ trong Hiệp định SPS của WTO về hợp tác và tham vấn kỹ thuật trong các vấn đề SPS; tăng cường minh bạch trong công nhận hệ thống quản lý và các biện pháp SPS của nhau, công nhận điều kiện vùng và khu vực (về tình hình sâu hại và dịch bệnh và thương mại), chứng nhận và kiểm tra nhập khẩu đối với hàng hóa nông sản thực phẩm nhập khẩu.

So với Chương TBT, Chương SPS trong TPP chứa đựng nhiều cam kết hơn ràng buộc các nước thành viên liên quan tới việc sử dụng biện pháp SPS trong các khía cạnh cụ thể.

Cam kết TPP về thuế quan và mở cửa thị trường đối với hàng hóa

## IV. Các biện pháp phi thuế (bao gồm cả phòng vệ thương mại, TBT, SPS)



### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

---

Theo những gì đã cam kết, có thể thấy TPP sẽ không làm thay đổi lớn cơ chế áp dụng TBT và SPS hiện tại ở các nước thành viên TPP. Do đó, sẽ không có thay đổi lớn về hàng rào TBT hay SPS của các nước TPP đối với hàng hóa xuất khẩu Việt Nam dưới tác động của TPP.

Doanh nghiệp không thể mong các nước TPP sẽ hạ bớt các tiêu chuẩn TBT, SPS khi thực hiện TPP, cũng không nên lo ngại rằng các nước TPP sẽ gia tăng quá mức về mức độ tiêu chuẩn hay số lượng các tiêu chuẩn TBT, SPS sau TPP.

Cam kết TPP về thuế quan và mở cửa thị trường đối với hàng hóa

## IV. Các biện pháp phi thuế (bao gồm cả phòng vệ thương mại, TBT, SPS)

### 34

#### Những cam kết mới về TBT trong TPP?

Bên cạnh các cam kết mang tính nhắc lại các nguyên tắc về TBT của WTO, TPP có thêm một số các cam kết liên quan tới (i) quy trình đánh giá sự phù hợp và (ii) Yêu cầu về nội dung các tiêu chuẩn TBT đối với một số sản phẩm cụ thể.

- **VỀ quy trình đánh giá sự phù hợp**, cam kết đáng kể nhất là các nước không phân biệt đối xử giữa các tổ chức đánh giá sự phù hợp đặt trụ sở tại các nước TPP với các tổ chức đặt trụ sở tại lãnh thổ nước mình và không được yêu cầu các tổ chức đánh giá sự phù hợp phải đặt trụ sở hay đặt văn phòng đại diện trên lãnh thổ nước mình.
- **VỀ TBT đối với một số loại hàng hóa cụ thể**, TPP có Phụ lục về các nguyên tắc ràng buộc các nước Thành viên khi ban hành các quy định TBT đối với 06 nhóm hàng hóa là rượu vang và đồ uống chưng cất, các sản phẩm công nghệ thông tin, dược phẩm, thiết bị y tế, mỹ phẩm, thực phẩm đóng gói và phụ gia thực phẩm.

Đây thực chất là các nhóm hàng hóa mà một số nước trong TPP có thể mạnh xuất khẩu, và các quy định này trong TPP được thiết kế để hạn chế các nước nhập khẩu như Việt Nam ban hành các quy định TBT cản trở việc nhập khẩu các sản phẩm này của họ. Các Phụ lục của Chương này không quy định về các tiêu chuẩn cụ thể nhưng ràng buộc quyền ban hành các tiêu chuẩn TBT của các nước đối với các sản phẩm này.

Chú ý là đối với các sản phẩm này, các nước TPP sẽ phải tuân thủ các yêu cầu này của TBT khi ban hành các tiêu chuẩn liên quan. Tuy nhiên với các tiêu chuẩn TBT khác cũng cho các sản phẩm này nhưng không thuộc diện TPP ràng buộc thì các nước vẫn được áp dụng các tiêu chuẩn theo cách thức như hiện tại.

## IV. Các biện pháp phi thuế (bao gồm cả phòng vệ thương mại, TBT, SPS)

### 34

#### VÍ DỤ VỀ MỘT SỐ RÀNG BUỘC VỀ TBT ĐỐI VỚI RƯỢU VANG VÀ ĐỒ UỐNG CHƯNG CẮT

Khi áp dụng các tiêu chuẩn TBT đối với các sản phẩm này, các nước TPP phải:

- Cho phép sản phẩm nhập khẩu được lựa chọn ghi nhãn về độ cồn theo cả kiểu alc/vol hoặc theo kiểu độ cồn tối đa;
- Nếu yêu cầu rượu phải được dán nhãn với các thông tin về tên sản phẩm, nước xuất xứ, trọng lượng tịnh, độ cồn thì phải cho phép nhãn đó chỉ cần ghi trên thùng chứa rượu hoặc bao bì khác là đủ;
- Không được yêu cầu ghi trên nhãn chai, thùng chứa các thông tin về ngày sản xuất, ngày hết hạn, ngày bán, trừ một số trường hợp đặc biệt;
- Không được bắt buộc phải dịch nhãn hiệu thương mại của rượu trên chai, thùng chứa hoặc bao bì khác...

#### VÍ DỤ VỀ MỘT SỐ RÀNG BUỘC VỀ TBT ĐỐI VỚI MỸ PHẨM

Ví dụ liên quan tới mỹ phẩm, các nước TPP không được đòi hỏi phải cung cấp các thông tin liên quan tới giá và chi phí trong hồ sơ đăng ký lưu hành mỹ phẩm; không được yêu cầu ghi số đăng ký lưu hành trên nhãn sản phẩm...

Đối với dược phẩm, khi xem xét đơn xin đăng ký lưu hành, cơ quan có thẩm quyền có nghĩa vụ:

- Phải dựa trên các tiêu chí nhất định được liệt kê (bao gồm thông tin về mức độ an toàn và hiệu quả; về chất lượng sản xuất; thông tin ghi nhãn về mức độ an toàn, hiệu quả và cách sử dụng; các thông tin khác ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe và sự an toàn của người sử dụng);
- Không được yêu cầu các thông tin về tài chính;
- Hướng tới việc không cân nhắc các dữ liệu về giá dược phẩm khi quyết định cấp phép đăng ký lưu hành...

Cam kết TPP về thuế quan và mở cửa thị trường đối với hàng hóa

## IV. Các biện pháp phi thuế (bao gồm cả phòng vệ thương mại, TBT, SPS)

### 35

## Những cam kết mới về SPS trong TPP?

TPP có các cam kết sâu hơn Hiệp định SPS của WTO về một số nội dung liên quan tới 04 khía cạnh sau:

### (i) Về quy trình phân tích khoa học và rủi ro

Các nước TPP cam kết thực hiện các yêu cầu sau:

- Các biện pháp SPS phải dựa trên các nguyên tắc khoa học, tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị quốc tế (các tổ chức xây dựng tiêu chuẩn quốc tế được WTO công nhận là CODEX, OIE và IPPC) hoặc dựa trên việc đánh giá rủi ro khách quan theo đúng yêu cầu của WTO;
- Việc đánh giá rủi ro phải được thực hiện minh bạch, có ghi chép lại và cho phép các chủ thể liên quan và các nước TPP cơ hội để bình luận;
- Việc đánh giá rủi ro phải được tiến hành phù hợp với bối cảnh rủi ro liên quan, đồng thời tính đến các dữ liệu khoa học, thông tin định tính, định lượng có liên quan;
- Nếu sau khi đánh giá rủi ro, nước nhập khẩu thông qua biện pháp SPS cho phép nhập khẩu, thì nước này phải áp dụng biện pháp đó trong một khoảng thời gian hợp lý;
- Biện pháp quản lý rủi ro không gây cản trở thương mại vượt quá mức cần thiết và phải tính đến điều kiện kinh tế và kỹ thuật liên quan.

### (ii) Thanh tra về SPS

Đây là quy trình do nước nhập khẩu tiến hành, nhằm đảm bảo rằng hệ thống kiểm soát SPS của nước xuất khẩu đối với hàng xuất khẩu đáp ứng được các mục tiêu SPS của nước nhập khẩu (và do đó có thể kết quả kiểm soát SPS của nước xuất khẩu có thể được nước nhập khẩu chấp nhận/công nhận). Quy trình này bao gồm cả việc đánh giá cơ quan có thẩm quyền, hệ thống, chương trình giám sát và hạ tầng kỹ thuật của nước xuất khẩu.

TPP ghi nhận quyền thanh tra về SPS của các nước nhập khẩu và đòi hỏi các nước khi thực hiện việc thanh tra này phải đảm bảo một số yêu cầu nhất định, ví dụ:

- Việc thanh tra phải có hệ thống, và phải phục vụ việc đánh giá tính hiệu quả của việc kiểm soát SPS của cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu;
- Trước khi tiến hành thanh tra, nước nhập khẩu và nước xuất khẩu phải thảo luận và quyết định về mục tiêu, phạm vi, tiêu chí, thủ tục và các bước thanh tra;
- Nước nhập khẩu phải cho nước xuất khẩu cơ hội để bình luận về các kết luận sau thanh tra;



## IV. Các biện pháp phi thuế (bao gồm cả phòng vệ thương mại, TBT, SPS)

### 35

- Nước xuất khẩu phải được thông báo bằng văn bản về kết quả thanh tra và phải được tạo cơ hội để góp ý kết quả này;
- Kết luận thanh tra cuối cùng phải dựa trên bằng chứng khách quan và số liệu xác thực.

#### (iii) Về việc kiểm tra chuyên ngành SPS khi nhập khẩu

Theo cam kết trong TPP, các nước TPP phải:

- Bảo đảm rằng việc kiểm tra của mình là dựa trên các nguy cơ gắn với việc nhập khẩu, quy trình kiểm tra nhanh chóng;
- Cung cấp các thông tin về quy trình, căn cứ, tần suất kiểm tra chuyên ngành SPS cho nước TPP khác nếu được yêu cầu cho nước Thành viên TPP khác;
- Bảo đảm rằng việc kiểm tra được tiến hành đúng phương pháp, thiết bị và theo các tiêu chuẩn áp dụng đối với phòng thí nghiệm quốc tế;
- Trong và sau quá trình kiểm tra nhập khẩu, nếu phát hiện sai phạm thì bên nhập khẩu phải thông báo đầy đủ thông tin cho bên xuất khẩu và cho phép bên xuất khẩu cơ hội góp ý đối với kết quả kiểm tra nhập khẩu cũng như cung cấp các thông tin liên quan cho quyết định cuối cùng;
- Nếu sau khi kiểm tra, nước nhập khẩu quyết định cấm hoặc hạn chế việc nhập khẩu hàng hóa liên quan thì phải thông báo kết quả kiểm tra cho ít nhất là người nhập khẩu, người xuất khẩu, nhà sản xuất hoặc Cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu trong vòng 7 ngày. Thông báo này phải bao gồm nguyên nhân cấm/hạn chế nhập khẩu, căn cứ pháp lý; hiện trạng của hàng hóa liên quan và cách thức xử lý, nếu có. Và quyết định cấm/hạn chế này phải được rà soát lại sau đó theo yêu cầu của nước xuất khẩu.

#### (iv) Về biện pháp SPS khẩn cấp

TPP cho phép các nước Thành viên được áp dụng các biện pháp SPS khẩn cấp cần thiết để bảo vệ tính mạng, sức khỏe của người, động, thực vật. Tuy nhiên khi áp dụng biện pháp này, nước áp dụng phải thông báo nhanh chóng cho các nước Thành viên khác. Trong vòng 6 tháng sau đó nước này phải rà soát lại căn cứ khoa học của biện pháp khẩn cấp và nếu sau rà soát vẫn tiếp tục duy trì biện pháp này thì phải định kỳ rà soát lại.

Cam kết TPP về thuế quan và mở cửa thị trường đối với hàng hóa

## IV. Các biện pháp phi thuế (bao gồm cả phòng vệ thương mại, TBT, SPS)



### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

---

Với khá nhiều các cam kết mới trong cách thức và điều kiện áp dụng các biện pháp SPS, theo xu hướng nâng cao hàm lượng khoa học, chứng minh và điều kiện vật chất trong áp dụng các tiêu chuẩn SPS, có thể thấy trong tương lai các nước TPP khi muốn sử dụng các biện pháp SPS sẽ phải tốn kém nhiều hơn về chi phí. Với những nước có trình độ phát triển, khoa học kỹ thuật cũng như kinh nghiệm còn thấp như Việt Nam, rõ ràng các ràng buộc này khiến cho không gian chính sách sử dụng các biện pháp SPS trong tương lai đã bị thu hẹp rõ rệt.

Do đó, các doanh nghiệp, Hiệp hội muốn đề xuất các cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp SPS nhất định đối với hàng hóa nhập khẩu từ các nước thành viên TPP chắc chắn sẽ phải cùng các cơ quan liên quan nghiên cứu rất kỹ lưỡng để tránh vi phạm vào các yêu cầu bắt buộc về SPS trong TPP.



## Cam kết về Dịch vụ xuyên biên giới và Đầu tư

68 I. Dịch vụ xuyên biên giới

76 II. Đầu tư

## I. Dịch vụ xuyên biên giới

### 36

## Cam kết về dịch vụ trong TPP được quy định ở đâu?

Trong TPP, mở cửa thị trường dịch vụ và các biện pháp đối xử với các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài là vấn đề rất được nhấn mạnh.

Kết quả các cam kết về dịch vụ trong TPP được nêu trong Chương về Dịch vụ xuyên biên giới (Chương 10), một phần của Chương Đầu tư (Chương 9) và 02 Phụ lục I và II của Hiệp định về các Biện pháp không tương thích (gộp chung cả dịch vụ và đầu tư).

Cụ thể:

- **Chương 10 – Các Dịch vụ xuyên biên giới** của TPP quy định về các định nghĩa, phạm vi điều chỉnh, các cam kết chung về dịch vụ qua biên giới, và 03 Phụ lục (bao gồm Dịch vụ Chuyên môn (Phụ lục 10-A), Dịch vụ Chuyển phát nhanh (Phụ lục 10-B) và Ngoại lệ đối với nguyên tắc “Ratchet” (chỉ tiến không lùi) của Việt Nam (Ngoại lệ 10-C).

Chương này bao gồm các nguyên tắc, quy định chung về dịch vụ xuyên biên giới mà các nước TPP phải tuân thủ trừ các trường hợp bảo lưu/ngoại lệ.

- **Chương 9 – Đầu tư** của TPP quy định về các định nghĩa, phạm vi điều chỉnh, các cam kết chung về đầu tư, trong đó có đầu tư vào các lĩnh vực dịch vụ, và 11 Phụ lục.
- **Phụ lục I và II của Hiệp định** là 02 Danh mục bảo lưu các quy định/lĩnh vực không phải tuân thủ một số các nguyên tắc chung về dịch vụ cho mỗi nước Thành viên TPP (mỗi nước có 02 Danh mục). 02 Danh mục này có tên gọi là 02 Danh mục các Biện pháp không tương thích, gộp chung cả các bảo lưu của Chương Dịch vụ xuyên biên giới và Chương Đầu tư.

Các Phụ lục này thực chất là danh mục các lĩnh vực, vấn đề mà từng nước TPP còn giữ lại/bảo lưu, chưa mở cửa hoàn toàn cho các nhà cung cấp dịch vụ TPP. Đối với các lĩnh vực, vấn đề được liệt kê trong các danh mục của mình, các nước TPP được quyền áp dụng các biện pháp không tuân thủ các nguyên tắc chung trong Chương 9 và 10 nói trên nhưng phải theo các cách thức, điều kiện được nêu rõ trong Phụ lục.

## I. Dịch vụ xuyên biên giới



### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

---

Khác với đàm phán WTO, đàm phán Chương Dịch vụ xuyên biên giới trong TPP chỉ bao gồm đàm phán mở cửa thị trường dịch vụ cho các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài theo phương thức cung cấp dịch vụ xuyên biên giới (tương đương với cung cấp dịch vụ theo Mode 1, 2 và 4 của WTO). Còn việc mở cửa thị trường dịch vụ cho các nhà đầu tư nước ngoài theo phương thức hiện diện thương mại trong TPP (thành lập doanh nghiệp, mở chi nhánh, văn phòng đại diện dịch vụ trên lãnh thổ nước ngoài) (tương đương với Mode 3 trong WTO) lại thuộc về đàm phán về đầu tư – Chương 9 (Investment) (trong đó có đầu tư vào lĩnh vực sản xuất và đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ).

“Biểu cam kết” mở cửa thị trường dịch vụ trong TPP (bao gồm cả 04 Mode) được nêu trong 02 Phụ lục chung của mỗi nước cho toàn Hiệp định (chứ không nằm riêng ở Chương Đầu tư hay Chương Dịch vụ xuyên biên giới).

## I. Dịch vụ xuyên biên giới

### 37

## Những lĩnh vực dịch vụ qua biên giới nào sẽ bị điều chỉnh bởi TPP?

Trừ các trường hợp ngoại lệ hoặc bảo lưu, Chương Dịch vụ qua biên giới trong TPP áp dụng đối với tất cả các dịch vụ được cung cấp xuyên biên giới giữa các nước thành viên TPP, **bao gồm** các dịch vụ được cung cấp:

- Từ lãnh thổ của một thành viên qua lãnh thổ của thành viên khác
- Tại lãnh thổ của một thành viên cho một chủ thể của thành viên khác, hoặc
- Bởi một chủ thể mang quốc tịch của một thành viên trên lãnh thổ của một thành viên khác.

Như vậy, các cam kết trong Chương Dịch vụ sẽ **không áp dụng** cho các dịch vụ được **cung cấp trên lãnh thổ** của một thành viên bởi một khoản đầu tư của nhà đầu tư một nước thành viên khác (trừ các nguyên tắc về Tiếp cận thị trường, Pháp luật nội địa và Minh bạch vẫn được áp dụng cho các khoản đầu tư này). Các trường hợp này sẽ tuân thủ các quy định tại Chương Đầu tư và các nguyên tắc nói trên của Chương Dịch vụ.

Chương Dịch vụ xuyên biên giới **không áp dụng** cho các trường hợp sau đây:

- Các dịch vụ tài chính (các dịch vụ tài chính được quy định trong một chương riêng của TPP là Chương 11-Dịch vụ tài chính), (trừ trường hợp đặc biệt được nêu trong Hiệp định);
- Mua sắm công;
- Dịch vụ công;
- Các khoản tài trợ hay trợ cấp của một nước thành viên, bao gồm các khoản vay, bảo lãnh và bảo hiểm hỗ trợ bởi nhà nước;
- Bất kỳ biện pháp nào của một nước Thành viên liên quan đến việc tiếp cận thị lao động của người lao động nước Thành viên khác;
- Các dịch vụ hàng không, bao gồm các dịch vụ vận chuyển hàng không trong nước và quốc tế, và các dịch vụ hỗ trợ liên quan, trừ một số dịch vụ như vận hành, bán hàng và tiếp thị, sửa chữa và bảo trì...như quy định cụ thể trong Hiệp định;
- Các trường hợp nhà cung cấp dịch vụ có quốc tịch của một nước TPP khác nhưng thuộc quyền kiểm soát của chủ thể mang quốc tịch ngoài TPP; hoặc của chủ thể mang quốc tịch của chính nước TPP liên quan và không có bất kỳ hoạt động kinh doanh nào đáng kể ngoài lãnh thổ của nước này.

## I. Dịch vụ xuyên biên giới



### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

---

Phạm vi áp dụng của Chương dịch vụ xuyên biên giới bị hạn chế khá nhiều qua các trường hợp loại trừ chung, chưa kể đến các trường hợp bảo lưu/ngoại lệ. Vì vậy, TPP không “mở toang” thị trường Việt Nam cho các nhà cung cấp dịch vụ xuyên biên giới từ TPP. Để dự báo mức độ cạnh tranh trên một thị trường dịch vụ nhất định sau TPP, doanh nghiệp cần xác định cụ thể loại dịch vụ có thuộc diện áp dụng của Chương dịch vụ trong TPP hay không và nếu có thì mức độ mở cửa cụ thể đối với loại dịch vụ như thế nào.

## I. Dịch vụ xuyên biên giới

### 38

## TPP yêu cầu các nước thành viên phải đối xử với nhà cung cấp dịch vụ đến từ các nước TPP khác theo chuẩn nào?

TPP đặt ra 04 nguyên tắc chung về dịch vụ xuyên biên giới mà các nước TPP trong đó có Việt Nam phải dành cho các nhà cung cấp dịch vụ từ các nước TPP, bao gồm:

- **Nguyên tắc Đối xử quốc gia (NT):** Theo nguyên tắc này, các thành viên TPP cam kết sẽ dành cho các dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ của các nước thành viên khác sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho các dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ trong nước trong hoàn cảnh tương tự;
- **Nguyên tắc Đối xử tối huệ quốc (MFN):** Nguyên tắc này đòi hỏi các nước Thành viên TPP phải dành cho các dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ của một nước Thành viên TPP khác sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho các dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ của các nước TPP khác hoặc của các nước không phải là thành viên TPP trong hoàn cảnh tương tự;
- **Nguyên tắc về tiếp cận thị trường (Market Access):** Nguyên tắc này yêu cầu các nước thành viên TPP không áp đặt các hạn chế về số lượng dịch vụ (ví dụ như hạn chế về số lượng các nhà cung cấp dịch vụ hay số lượng các giao dịch được thực hiện) hoặc yêu cầu nhà cung cấp dịch vụ phải thành lập một hình thức pháp lý nhất định để cung cấp dịch vụ;
- **Nguyên tắc về hiện diện thương mại (Local presence):** Không thành viên TPP nào được yêu cầu nhà cung cấp dịch vụ của nước thành viên TPP khác phải thiết lập văn phòng đại diện hoặc bất kỳ hình thức doanh nghiệp nào trên lãnh thổ của mình, hoặc phải cư trú trên lãnh thổ mình để cung cấp dịch vụ xuyên biên giới.

TPP cũng quy định các trường hợp ngoại lệ mà các nước TPP không phải tuân thủ các nguyên tắc này, ví dụ:

- Các biện pháp được áp dụng ở cấp địa phương (ngoại lệ chung cho các nước TPP);
- Các biện pháp bảo lưu được liệt kê cụ thể trong 02 Danh mục biện pháp không tương thích (Phụ lục I và Phụ lục II của TPP) của mỗi nước (ngoại lệ riêng cho từng nước TPP).



Ngoài các nguyên tắc nói trên, TPP còn đặt ra một số yêu cầu đối với các nước Thành viên trong quản lý các dịch vụ cung cấp xuyên biên giới, ví dụ:

- **Về các quy định nội địa liên quan:** Các nước TPP phải đảm bảo các quy định áp dụng chung trong các vấn đề liên quan phải hợp lý, khách quan, công bằng; các quy định về điều kiện chuyên môn, tiêu chuẩn kỹ thuật, cấp phép... phải dựa trên các tiêu chí minh bạch và khách quan; nếu dịch vụ phải được cấp phép thì quy trình cấp phép phải khả thi, rõ ràng, không đòi hỏi bất hợp lý về hồ sơ cấp phép...;
- **Về việc chấp thuận bằng cấp của nước TPP khác:** Các nước TPP phải tạo điều kiện để thúc đẩy thảo luận tiến tới chấp nhận bằng cấp của nhau, và việc công nhận bằng cấp phải được thực hiện theo cách không phân biệt đối xử giữa các nước TPP hoặc với các nước ngoài TPP...;
- **Về thanh toán và chuyển tiền:** Các nước TPP cam kết sẽ cho phép việc chuyển tiền và thanh toán liên quan tới các dịch vụ xuyên biên giới ra hoặc vào lãnh thổ một cách tự do, không chậm trễ, không hạn chế loại tiền tệ, theo tỷ giá thị trường tại thời điểm chuyển. Tuy nhiên, các nước TPP vẫn có quyền chặn hoặc làm chậm việc chuyển tiền trong một số trường hợp (ví dụ để bảo vệ lợi ích của chủ nợ trong trường hợp doanh nghiệp phá sản, để giữ chứng từ sổ sách phục vụ cơ quan có thẩm quyền, khi liên quan tới các tội phạm hình sự, hoặc để thực thi các quyết định hành chính, phán quyết Tòa án...);
- **Về minh bạch:** TPP cũng yêu cầu các nước phải đáp ứng một số yêu cầu về minh bạch trong lĩnh vực này, ví dụ phải có cơ chế để cho các bên liên quan bình luận về các quy định, phải để một khoảng thời gian hợp lý trước khi văn bản có hiệu lực...

## LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Với các cam kết về nguyên tắc ứng xử với nhà cung cấp dịch vụ xuyên biên giới trong TPP, các nước sẽ phải đối xử với các đối tượng này bình đẳng, công bằng và minh bạch hơn.

Điều này sẽ mang lại lợi ích cho các nhà cung cấp dịch vụ xuyên biên giới trong TPP. Với Việt Nam, nhóm các doanh nghiệp đang thực hiện các dịch vụ gia công hàng hóa, phần mềm.. được suy đoán là sẽ được hưởng lợi từ các nguyên tắc này.

Với các nhà cung cấp dịch vụ nội địa, lợi thế cạnh tranh với các nhà cung cấp dịch vụ tương tự ở một nước TPP trong cung cấp dịch vụ khách hàng trong nước có thể sẽ bị ảnh hưởng bất lợi.

## I. Dịch vụ xuyên biên giới

### 39

## Các Danh mục biện pháp không tương thích trong TPP là gì, có ý nghĩa như thế nào?

Trong TPP mỗi nước Thành viên duy trì 02 Danh mục biện pháp không tương thích (Phụ lục I và Phụ lục II của TPP). Các Danh mục này thực chất là các ngoại lệ/bảo lưu cho phép các nước TPP không phải tuân thủ một số các nghĩa vụ trong Chương Dịch vụ xuyên biên giới và Chương Đầu tư trong TPP.

**Phụ lục I:** bao gồm các biện pháp không tương thích hiện hành mà mỗi nước TPP sẽ được tiếp tục áp dụng, hoặc sửa đổi nhưng việc sửa đổi phải đáp ứng được hai nguyên tắc sau:

- Sửa đổi theo hướng không kém thuận lợi hơn so với biện pháp đó tại thời điểm Hiệp định có hiệu lực (nguyên tắc giữ nguyên trạng - “standstill”)
- Một khi đã sửa đổi lên một mức mới thuận lợi hơn, thì những sửa đổi sau đó sẽ không được kém thuận lợi hơn mức mới này (nguyên tắc chỉ tiến không lùi - “ratchet”). Đối với nguyên tắc “ratchet” về dịch vụ, Việt Nam bảo lưu chỉ áp dụng nguyên tắc sau 3 năm kể từ khi TPP có hiệu lực.

**Phụ lục II:** bao gồm các biện pháp không tương thích sẽ được áp dụng, hiện tại hoặc trong tương lai, mà không có hạn chế gì.

**Cần chú ý** là điểm đặc biệt của TPP so với WTO trong mở cửa thị trường dịch vụ (cả dịch vụ qua biên giới và đầu tư tại nước sở tại) là trong khi WTO mở cửa theo kiểu “chọn-cho” (theo nghĩa chọn/liệt kê ra một Danh mục các lĩnh vực dịch vụ mà nước thành viên cam kết sẽ mở “cho” đối tác, và họ sẽ phải mở tối thiểu như mức đã cam kết; còn các lĩnh vực nằm ngoài Danh mục này thì nước liên quan tùy ý áp dụng các mức mở cửa, điều kiện mở cửa mà mình muốn), thì TPP mở cửa theo kiểu “chọn-bỏ” (theo nghĩa chọn/liệt kê ra một Danh mục các lĩnh vực dịch vụ mà nước thành viên chưa muốn mở cửa, hoặc mở cửa cho đối tác ở mức nhất định được nêu cụ thể, và họ sẽ có quyền chỉ phải mở tối thiểu như mức đã cam kết; còn các lĩnh vực nằm ngoài Danh mục này, nước đó sẽ buộc phải mở toàn bộ, không có bất kỳ hạn chế gì cho đối tác).

### VÍ DỤ MỘT SỐ LĨNH VỰC DỊCH VỤ MÀ VIỆT NAM BẢO LƯU

(Lưu ý với mỗi ngành dịch vụ được liệt kê dưới đây, không phải Việt Nam bảo lưu toàn bộ các biện pháp liên quan đến ngành đó, mà chỉ bảo lưu một số biện pháp liên quan đến một số phân ngành)

**Bảo lưu theo Phụ lục I:** Dịch vụ pháp lý, dịch vụ kiểm toán, dịch vụ viễn thông, giải trí, dịch vụ văn hóa và thể thao, dịch vụ phân phối năng lượng (services identical to energy distribution)

**Bảo lưu theo Phụ lục II:** Dịch vụ vận tải, dịch vụ phân phối, dịch vụ viễn thông, dịch vụ giáo dục, dịch vụ biểu diễn nghệ thuật và mỹ thuật, dịch vụ di sản văn hóa, dịch vụ nghe nhìn, dịch vụ kinh doanh, dịch vụ du lịch và các dịch vụ liên quan, dịch vụ sức khỏe và xã hội, dịch vụ giải trí, dịch vụ văn hóa và thể thao, dịch vụ vận tải, dịch vụ xổ số, cá cược và đánh bạc, dịch vụ chuyên môn (Professional services), dịch vụ công.



### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Khi đọc các Danh mục liên quan trong TPP, doanh nghiệp cần chú ý hiểu đúng cách đàm phán trong TPP, theo đó:

Với những lĩnh vực **không được liệt kê trong Danh mục:** Việt Nam sẽ phải mở cửa hoàn toàn cho nhà đầu tư, cung cấp dịch vụ TPP;

Với những lĩnh vực **được liệt kê trong Danh mục:** Việt Nam có thể hạn chế việc mở cửa thị trường dịch vụ cho nhà đầu tư, cung cấp dịch vụ TPP nhưng chỉ có thể bằng các biện pháp cụ thể như nêu trong Danh mục.

Với cách đàm phán này của TPP, mặc dù mức mở cửa thị trường dịch vụ của Việt Nam hầu như không khác nhiều so với pháp luật hiện hành của Việt Nam, trong tương lai, đối với các ngành dịch vụ không có cam kết bảo lưu cụ thể trong các Danh mục, đặc biệt với các ngành dịch vụ mới, Việt Nam sẽ phải mở cửa hoàn toàn cho nhà cung cấp dịch vụ, nhà đầu tư TPP theo các nguyên tắc chung trong Chương Dịch vụ xuyên biên giới/Đầu tư trừ các trường hợp ngoại lệ chung.

## II. Đầu tư

### 40

## TPP yêu cầu các nước thành viên phải đối xử với nhà đầu tư đến từ các nước TPP khác theo chuẩn nào?

Chương Đầu tư của TPP đặt ra các nguyên tắc chung trong đối xử với nhà đầu tư đến từ các nước TPP mà các nước Thành viên buộc phải tuân thủ. Các nguyên tắc (tiêu chuẩn ứng xử) này có thể được xếp thành 02 nhóm: một là các nguyên tắc nhằm bảo hộ đầu tư nói chung, hai là các nguyên tắc bảo vệ các lợi ích cụ thể của nhà đầu tư.

### (i) Nhóm các nguyên tắc mở cửa thị trường, xóa bỏ rào cản đầu tư

Nhóm này bao gồm 03 nguyên tắc cơ bản, được ghi nhận khá phổ biến trong nhiều FTA thời gian gần đây, bao gồm:

#### Các nguyên tắc không phân biệt đối xử

(National Treatment – NT và Most Favoured-Nation Treatment – MFN)

Các nguyên tắc NT và MFN đòi hỏi Nhà nước nơi nhận đầu tư phải đối xử với các nhà đầu tư tới từ các nước TPP ít nhất là bằng đối xử với nhà đầu tư nội địa của mình (gọi là “đối xử quốc gia” – NT) và không kém hơn đối xử với bất kỳ nước nào khác (gọi là “đối xử tối huệ quốc” – MFN).

Tuy nhiên, TPP cho phép các nước được đặt ra các thủ tục/quy định riêng cho nhà đầu tư nước ngoài, miễn là các thủ tục này không làm ảnh hưởng đáng kể tới mức độ bảo hộ nhà đầu tư theo các nguyên tắc TPP. Ví dụ, Việt Nam vẫn có thể duy trì các quy định trong Luật Đầu tư 2014 với các thủ tục đăng ký đầu tư riêng đối với nhà đầu tư nước ngoài khác với thủ tục áp dụng cho nhà đầu tư trong nước..

#### Nguyên tắc liên quan tới “Các yêu cầu về hoạt động” (Performance Requirements)

Nguyên tắc này cấm Nhà nước nơi nhận đầu tư đặt ra các yêu cầu bắt buộc liên quan tới:

- Việc thành lập, mua lại, mở rộng, quản lý, hoạt động/vận hành của khoản đầu tư (kiểu như phải xuất khẩu một tỷ lệ nhất định sản phẩm sản xuất ra; phải đạt được một tỷ lệ nội địa hóa nhất định; phải mua, sử dụng sản phẩm cho một chủ thể nào đó được chỉ định; phải đảm bảo tỷ lệ nhất định giữa kim ngạch/giá trị xuất khẩu với khoản ngoại tệ được chuyển; phải chuyển giao công nghệ, quy trình hoặc kiến thức cụ thể nào đó cho một chủ thể nội địa....);
- Mức giá hay trị giá bản quyền theo hợp đồng li-xăng hay thời hạn bắt buộc đối với hợp đồng này.

Nhà nước cũng bị cấm không được dùng các yêu cầu trên làm điều kiện để xem xét cấp hay không cấp các ưu đãi dành cho nhà đầu tư.

Tuy nhiên, các nước được đặt ra yêu cầu về việc sử dụng lao động nội địa trong các dự án đầu tư của các nhà đầu tư TPP.

### (ii) Nhóm các nguyên tắc nhằm đảm bảo quyền tự chủ của nhà đầu tư

Nhóm này bao gồm 04 nguyên tắc nhằm hạn chế sự can thiệp của Nhà nước vào hoạt động kinh doanh của nhà đầu tư, bao gồm:

#### Nguyên tắc “chuẩn đối xử tối thiểu” (Minimum Standard of Treatment – MST)

“Chuẩn đối xử tối thiểu” được hiểu là theo nghĩa thông dụng là đối xử công bằng, thỏa đáng, bảo hộ an toàn, đầy đủ theo tập quán quốc tế. Tuy nhiên, do có nội hàm khá chung chung, “chuẩn đối xử tối thiểu” đã trở thành nguyên tắc gây tranh cãi khá nhiều trong các vụ kiện tụng về đầu tư, theo đó nhà đầu tư dựa vào nguyên tắc này để phản đối bất kỳ quy định nào của nước nhận đầu tư mà bất lợi cho mình.

Trong TPP, đã có thêm một số nỗ lực để giới hạn phạm vi của nguyên tắc này. Cụ thể, TPP yêu cầu “chuẩn đối xử tối thiểu” phải là các nguyên tắc phù hợp với “tập quán pháp luật quốc tế”, được hiểu là các nguyên tắc quốc tế về bảo vệ đầu tư nước ngoài đã trở thành tập quán chung được các quốc gia áp dụng phổ biến và liên tục và coi đó như nghĩa vụ bắt buộc của mình.

Đặc biệt, TPP khẳng định việc Nhà nước có một biện pháp chính sách pháp luật hay thủ tục nào đó khác với dự kiến/mong đợi của nhà đầu tư TPP sẽ không bị coi là vi phạm “chuẩn đối xử tối thiểu”, kể cả khi việc làm đó của Nhà nước gây ra thiệt hại cho nhà đầu tư TPP. Quy định này nhằm hạn chế tình trạng nhà đầu tư kiện đòi Nhà nước bồi thường cho mình chỉ vì một chính sách mới nào đó của Nhà nước khiến lợi nhuận kinh doanh của nhà đầu tư không được như kỳ vọng trước đó của nhà đầu tư.

#### Nguyên tắc Bảo vệ tài sản của nhà đầu tư trước các biện pháp tịch thu, cưỡng chế, quốc hữu hóa

Với nguyên tắc này, Nhà nước chỉ được tịch thu, cưỡng chế hay quốc hữu hóa các khoản đầu tư của nhà đầu tư TPP vì mục đích công cộng và phải thực thi không phân biệt đối xử, tuân thủ các quy trình và đảm bảo việc bồi thường nhanh chóng, chính xác, hiệu quả, đúng giá thị trường tại thời điểm liền trước việc tịch thu/cưỡng chế.

Chú ý là các biện pháp được thực thi không phân biệt đối xử, với mục tiêu bảo vệ các lợi ích công cộng chính đáng (sức khỏe cộng đồng, an toàn và môi trường) sẽ không bị coi là các biện pháp tịch thu/cưỡng chế/quốc hữu hóa gián tiếp trừ trong các trường hợp rất hiếm hoi.

## II. Đầu tư

### 40

#### Nguyên tắc Bảo đảm việc chuyển vốn tự do

Nhà nước nơi nhận đầu tư phải cho phép các nhà đầu tư tự do chuyển vốn liên quan tới khoản đầu tư (ví dụ vốn góp ban đầu, lợi nhuận, cổ phần, các khoản lãi, phí bản quyền, trị giá hợp đồng, bồi thường tranh chấp...). Tuy nhiên, nguyên tắc này sẽ không áp dụng trong một số ngoại lệ (ví dụ nếu để bảo vệ các chủ nợ nội địa trong trường hợp nhà đầu tư TPP bị phá sản; nếu liên quan tới các tội hình sự hoặc các thủ tục tố tụng tại Tòa án...).

#### Nguyên tắc liên quan tới “Nhân sự quản lý cao cấp và Ban lãnh đạo”

Nguyên tắc này cấm Nhà nước nơi nhận đầu tư đặt ra các yêu cầu về quốc tịch bắt buộc của nhân sự cao cấp hay Ban lãnh đạo. Tuy nhiên, Nhà nước vẫn có quyền yêu cầu đa số các thành viên của Ban lãnh đạo doanh nghiệp đầu tư nước ngoài từ TPP phải có quốc tịch của một nước hoặc phải cư trú trên lãnh thổ nước mình.

Luật Đầu tư 2014, được soạn thảo và ban hành trong quá trình Việt Nam đàm phán TPP, đã hầu như nội luật hóa đa số các nguyên tắc này.



#### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Các nguyên tắc trong TPP về đầu tư hướng tới việc không phân biệt đối xử giữa các nhà đầu tư nước ngoài (từ các nước TPP khác) và nhà đầu tư nội địa nhằm bảo vệ tốt hơn lợi ích của nhà đầu tư TPP (trong bối cảnh nhà đầu tư nội địa thường được làm tất cả mọi việc còn nhà đầu tư nước ngoài thì bị hạn chế). Nói cách khác, các nguyên tắc này chủ yếu đưa mức đối xử đối với nhà đầu tư TPP lên cho bằng với mức đối xử với nhà đầu tư nội địa.

Tuy nhiên, trong số các nguyên tắc này cũng có những trường hợp mang lại ưu thế cao hơn cho nhà đầu tư TPP so với các nhà đầu tư nội địa: ví dụ “chuẩn đối xử tối thiểu” – theo đó nhà đầu tư nước ngoài có thể viện dẫn chuẩn đối xử này mà không phải căn cứ vào quy định pháp lý bằng văn bản cụ thể nào, điều mà nhà đầu tư trong nước không được hưởng.

## Các bảo lưu và ngoại lệ được TPP thừa nhận trong đối xử với nhà đầu tư nước ngoài?

41

Mặc dù đặt ra các nguyên tắc chung về đầu tư khá chặt chẽ, TPP lại bao gồm nhiều trường hợp ngoại lệ/bảo lưu, cho phép tất cả các nước hoặc một số nước không phải tuân thủ các nguyên tắc chung nói trên. Các ngoại lệ này bao gồm nhóm ngoại lệ chung (mà tất cả các nước được áp dụng) và ngoại lệ riêng (chỉ áp dụng riêng cho từng nước).

### (i) Nhóm các ngoại lệ chung

Các Ngoại lệ chung bao gồm ngoại lệ trong các trường hợp được liệt kê (mua sắm công, trợ cấp và hỗ trợ của Nhà nước, các ngoại lệ trong TRIPS của WTO...).

### (ii) Nhóm các ngoại lệ/bảo lưu riêng

#### Các Danh mục bảo lưu của từng nước TPP

Các Danh mục này còn được biết tới dưới tên Danh mục các Biện pháp không tương thích. Cụ thể, mỗi nước Thành viên TPP có 02 Danh mục các Biện pháp không tương thích, tập hợp các lĩnh vực đầu tư và các biện pháp đầu tư không phải tuân thủ một hoặc một số các nguyên tắc chung của TPP về đầu tư. Mỗi nước vẫn được phép áp dụng các biện pháp trong các lĩnh vực, theo cách thức đã nêu trong các Danh mục này dù không đúng với các nguyên tắc chung về đầu tư của TPP.

Đối với Việt Nam, với 02 Danh mục các biện pháp không tương thích mà Việt Nam bảo lưu, việc mở cửa về đầu tư trong TPP của Việt Nam về cơ bản được đánh giá là bằng với mức mở cửa thực tế của Việt Nam hiện nay (trừ một số ít trường hợp cao hơn mức mở cửa thực tế của Việt Nam theo WTO, ví dụ trong mức mở cửa về dịch vụ phân phối, viễn thông...) (Xem thêm về 02 Danh mục này tại Câu 39).

#### Các Bảo lưu riêng khác

Ngoài 02 Danh mục nói trên, mỗi nước có thể có bảo lưu riêng khác của mình.

Ví dụ đối với Danh mục các biện pháp không tương thích đang tồn tại, Việt Nam bảo lưu trong 03 năm quyền có thể tiến hành các điều chỉnh đối với các biện pháp này kể cả theo hướng hạn chế hơn miễn là không làm giảm mức tuân thủ TPP; và Việt Nam thậm chí vẫn có thể điều chỉnh theo hướng giảm mức tuân thủ miễn là không rút lại các quyền và lợi ích đã cho nhà đầu tư TPP hưởng trước đó và thông báo trước cho các nước TPP về các điều chỉnh này trước 90 ngày.

## II. Đầu tư



### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

---

Với việc phải đối xử với các nhà đầu tư nước ngoài theo chuẩn như cam kết trong TPP, có thể nói công cụ/không gian còn lại để Nhà nước có thể bảo vệ, ưu tiên cho các nhà đầu tư nội địa hoặc để bảo vệ các lợi ích quan trọng trong nước đã bị hạn chế đáng kể.

Tuy nhiên, với các ngoại lệ, bảo lưu này, Việt Nam vẫn có thể vận dụng để dành ưu tiên cho doanh nghiệp nội địa hoặc bảo vệ các lợi ích quan trọng và bỏ qua các nguyên tắc đối xử nói trên. Doanh nghiệp cần chú ý tới các ngoại lệ này để có thể bảo hộ, dành ưu tiên hợp pháp cho sản xuất-kinh tế-xã hội nội địa.



## TPP có bảo đảm quyền của nhà đầu tư trong nước tương tự với nhà đầu tư nước ngoài không?

42

Về nguyên tắc, các quy định về bảo hộ đầu tư và quyền của nhà đầu tư trong Chương Đầu tư của TPP chỉ liên quan tới đối xử của Nhà nước nơi nhận đầu tư đối với các nhà đầu tư nước ngoài đến từ các nước TPP và/hoặc các khoản đầu tư của các nhà đầu tư TPP này.

Cụ thể, đối với trường hợp của Việt Nam, các nguyên tắc về chi áp dụng cho nhà đầu tư TPP và Khoản đầu tư của nhà đầu tư TPP.

- **Nhà đầu tư TPP** được hiểu là nhà đầu tư (Nhà nước, doanh nghiệp hoặc công dân) của một nước TPP khác đang hoặc đã thực hiện đầu tư trên lãnh thổ Việt Nam. Tuy nhiên, trường hợp nhà đầu tư TPP nhưng được sở hữu hoặc kiểm soát bởi một Nhà nước, tổ chức hay cá nhân của một nước bên ngoài TPP hay của chính Việt Nam thì cũng sẽ không được hưởng các quyền theo TPP. Cũng như vậy, nhà đầu tư TPP nhưng không có hoạt động kinh doanh đáng kể ở bất kỳ nước TPP nào ngoại trừ Việt Nam cũng sẽ không được hưởng các quyền này.
- **Khoản đầu tư của nhà đầu tư TPP** được hiểu là bất kỳ khối tài sản nào mà nhà đầu tư TPP sở hữu hoặc kiểm soát một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, có tính chất đầu tư (bao gồm các đặc tính như cam kết dành một khoản vốn, với mục đích thu lợi nhuận và suy đoán là có rủi ro). Khoản đầu tư này bắt buộc phải tồn tại tại hoặc sau thời điểm TPP có hiệu lực với Việt Nam. Như vậy với các khoản đầu tư của các nhà đầu tư TPP đã thực hiện nhưng đã kết thúc hoặc chấm dứt trước khi TPP có hiệu lực với Việt Nam sẽ không được hưởng các quyền theo quy định của TPP.

Riêng nguyên tắc liên quan tới “**Các yêu cầu về hoạt động**” (Performance Requirements) sẽ áp dụng cho tất cả các nhà đầu tư và khoản đầu tư trên lãnh thổ Việt Nam.

## II. Đầu tư



### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

---

Về nguyên tắc các chuẩn đối xử với nhà đầu tư trong TPP chỉ phải áp dụng cho nhà đầu tư từ các nước TPP khác chứ không phải từ các nước nằm ngoài TPP, trừ các trường hợp nêu rõ là áp dụng chung.

Tuy nhiên, trên thực tế, với nhu cầu nội tại trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, khá nhiều trong số này là các quyền của nhà đầu tư trong TPP được Việt Nam quy định chung, áp dụng đồng thời cho tất cả các nhà đầu tư nước ngoài, hoặc cả cho nhà đầu tư trong nước và nước ngoài.

Vì vậy, ngay trong Chương Bảo đảm đầu tư của Luật Đầu tư 2014 phần lớn các nguyên tắc này của TPP đã được đưa vào thành nguyên tắc áp dụng chung cho mọi nhà đầu tư và khoản đầu tư trên lãnh thổ Việt Nam (trừ các trường hợp ngoại lệ theo cam kết).

## Nhà đầu tư từ các nước TPP có quyền kiện Nhà nước Việt Nam không?

43

Bên cạnh phần chung về các nguyên tắc đầu tư, Chương Đầu tư của TPP còn có một phần riêng quy định về Cơ chế giải quyết tranh chấp giữa Nhà nước và nhà đầu tư nước ngoài (Investor-State Disputes Settlement – Cơ chế ISDS).

Cơ chế này cho phép Nhà đầu tư TPP được kiện Nhà nước nơi nhận đầu tư ra Trọng tài quốc tế độc lập với Tòa án hay Cơ quan giải quyết tranh chấp của Nhà nước đó. Đối với Việt Nam, Cơ chế ISDS được hiểu là Cơ chế giải quyết tranh chấp giữa Nhà đầu tư TPP với Nhà nước Việt Nam thực hiện bởi Trọng tài độc lập (thay vì Tòa án nhân dân các cấp).

Đây là vấn đề gây tranh cãi lớn trong quá trình đàm phán TPP. Do trong các vụ việc kiểu này, Nhà nước không bao giờ có lợi, thậm chí luôn đứng trước nguy cơ thiệt hại lớn (bởi kể cả khi thắng kiện thì cũng chỉ là giữ như cũ; còn nếu thua kiện có thể sẽ phải đền bù cho nhà đầu tư nước ngoài những khoản rất lớn từ ngân sách Nhà nước, và có thể phải duy trì biện pháp mà mình không mong muốn), một số nước đang phát triển như Việt Nam lo ngại là mình sẽ bị thiệt thòi trước các nhà đầu tư TPP sành sỏi (trong khi nhà đầu tư của mình thì ít đầu tư ra các nước TPP, có đầu tư chẳng nữa cũng không đủ kinh nghiệm và nguồn lực để đi kiện khi cần thiết). Tuy nhiên, cũng có những ý kiến cho rằng cơ chế này, với các nguy cơ kèm theo, sẽ là một sức ép để buộc các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về đầu tư phải hành xử đúng nguyên tắc và pháp luật, tránh để bị kiện.

### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Cơ chế ISDS trong TPP chỉ áp dụng cho các nhà đầu tư các nước TPP ở Việt Nam và các nhà đầu tư Việt Nam ở các nước TPP. Các nhà đầu tư trong nước không được phép sử dụng cơ chế kiện trực tiếp Nhà nước ra trọng tài quốc tế này mà vẫn phải tuân thủ các cơ chế khiếu nại, khiếu kiện hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Trên thực tế, pháp luật Việt Nam cũng đã cho phép các nhà đầu tư trong nước được sử dụng cơ chế trọng tài để giải quyết tranh chấp với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhưng phải theo các điều kiện ràng buộc chặt chẽ (ví dụ cần có sự đồng ý, chấp thuận của Nhà nước qua điều khoản trọng tài).

## II. Đầu tư

### 44

## Theo TPP, nhà đầu tư nào có quyền kiện Nhà nước? Đơn vị nào của Nhà nước có thể bị kiện? Kiện vì cái gì? Trong thời hạn nào?

Mặc dù đây không phải là lần đầu tiên Việt Nam chấp thuận cơ chế cho phép nhà đầu tư nước ngoài kiện Nhà nước ra trọng tài nước ngoài (cơ chế ISDS), cơ chế ISDS trong TPP vẫn là rất mới với Việt Nam. Bởi khác với nhiều cam kết rất chung về ISDS trong các thỏa thuận thương mại – đầu tư song phương trước đây giữa Việt Nam với các nước (trừ Hiệp định thương mại song phương Việt – Mỹ), cơ chế ISDS trong TPP rất chi tiết, với các quy định đồ sộ về các chủ thể liên quan cũng như phạm vi tranh chấp.

Cụ thể:

- **Chủ thể được quyền khởi kiện** (Nguyên đơn) theo Cơ chế ISDS của TPP là Nhà đầu tư TPP. Nhà đầu tư TPP có quyền khởi kiện nhân danh mình hoặc nhân danh doanh nghiệp Việt Nam mà nhà đầu tư TPP sở hữu hoặc kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp. Tuy nhiên, nếu nhà đầu tư TPP là cá nhân có quốc tịch Việt Nam và cư trú thường xuyên tại một nước TPP thì không được quyền kiện Nhà nước Việt Nam theo Cơ chế này. Các nhà đầu tư Việt Nam không được sử dụng Cơ chế này;
- **Chủ thể bị kiện** (Bị đơn) theo Cơ chế ISDS của TPP đáng chú ý là không chỉ bao gồm các Cơ quan Nhà nước Việt Nam cấp trung ương, địa phương mà còn bao gồm bất kỳ chủ thể nào (các doanh nghiệp Nhà nước hoặc chủ thể nào khác), khi thực thi chức năng của Chính phủ do các Cơ quan Nhà nước Việt Nam cấp trung ương hoặc địa phương ủy quyền;
- **Căn cứ để khởi kiện** theo Cơ chế ISDS trong TPP là cáo buộc (i) Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ của mình theo quy định tại Chương Đầu tư của TPP, vi phạm giấy phép đầu tư hoặc vi phạm một thỏa thuận/hợp đồng đầu tư và (ii) Nguyên đơn phải chịu tổn thất hoặc thiệt hại vì lý do hoặc xuất phát từ vi phạm này của Bị đơn;
- **Bằng cam kết trong TPP**, các nước TPP được coi là đã chấp thuận việc có thể bị khởi kiện bởi các nhà đầu tư TPP ra Trọng tài theo Cơ chế ISDS của TPP một cách tự động. Và vì vậy một vụ việc có thể được khởi xướng chỉ bằng yêu cầu kiện ra Trọng tài đơn phương của nhà đầu tư mà không cần có văn bản chấp thuận cụ thể nào của Nhà nước bị kiện.

Tuy nhiên, đối với trường hợp kiện theo Cơ chế ISDS với cáo buộc Bị đơn vi phạm thỏa thuận/hợp đồng đầu tư thì Nhà đầu tư TPP nhà đầu tư có thể không được khởi kiện theo cơ chế giải quyết tranh chấp của Hiệp định này nếu trong hợp đồng đầu tư đó đã có thỏa thuận về cơ chế thay thế để giải quyết tranh chấp phát sinh đáp ứng các yêu cầu về loại cơ chế trọng tài và địa điểm trọng tài như nêu tại Hiệp định.

- **Thời hiệu khởi kiện** theo Cơ chế ISDS này là 3 năm 6 tháng kể từ ngày Nguyên đơn biết hoặc buộc phải biết về vi phạm của Bị đơn và biết về thiệt hại, tổn thất liên quan. Tuy nhiên, song song với kiện theo Cơ chế ISDS, Nguyên đơn vẫn có quyền thực hiện các khiếu nại, khiếu kiện để nghị áp dụng biện pháp tạm thời (nhưng không phải là kiện đòi bồi thường thiệt hại) ra Tòa án hay cơ quan hành chính của Nước nơi nhận đầu tư;
- Việt Nam có bảo lưu riêng về vấn đề này, theo đó nhà đầu tư TPP sẽ mất quyền khởi kiện theo Cơ chế ISDS nếu đã khiếu nại vụ việc theo thủ tục khiếu nại hành chính hoặc khởi kiện ra Tòa án của Việt Nam.



## LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Cơ chế ISDS trong TPP áp dụng cho nhà đầu tư một nước TPP đầu tư trên lãnh thổ một nước TPP khác, vì vậy nếu doanh nghiệp Việt Nam đầu tư tại các nước TPP, có thể đây sẽ là cơ chế hữu ích để bảo vệ quyền lợi và lợi ích đầu tư của doanh nghiệp nếu cơ quan có thẩm quyền nước sở tại không tuân thủ các nguyên tắc đầu tư cam kết trong TPP.

Từ góc độ của các nhà đầu tư và doanh nghiệp Việt Nam, pháp luật Việt Nam nội địa hiện chưa ghi nhận quyền khởi kiện theo cơ chế ISDS của các nhà đầu tư nội. Vì vậy, nếu có tranh chấp với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong quá trình đầu tư kinh doanh, doanh nghiệp vẫn sử dụng các cơ chế giải quyết tranh chấp hiện hành, bao gồm: khiếu nại hành chính (theo pháp luật về khiếu nại), khởi kiện ra trọng tài (theo tố tụng trọng tài nội địa) và/hoặc Tòa án (theo pháp luật tố tụng hành chính) với phạm vi, điều kiện, thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật nội địa liên quan.

## II. Đầu tư

### 45

## Thủ tục tố tụng xử lý tranh chấp giữa nhà đầu tư và Nhà nước sẽ phải tuân thủ các quy tắc gì?

TPP quy định khá chi tiết về nhiều vấn đề liên quan tới thẩm quyền, thủ tục tố tụng giải quyết tranh chấp theo cơ chế ISDS. So với các cơ chế ISDS từng được đưa vào các FTA trước đây trên thế giới, TPP được cho là đã bổ sung các quy định theo hướng tăng tính minh bạch của quá trình tố tụng, mở rộng diện tham gia ý kiến bình luận và hạn chế tình trạng lạm dụng việc đi kiện. Cụ thể:

- **Cơ quan giải quyết tranh chấp** theo Cơ chế ISDS của TPP là Trọng tài ICSID (bao gồm cả cơ chế Trọng tài chính thức và Cơ chế Trọng tài phụ trợ của ICSID) nếu một trong hai Bên hoặc cả hai là thành viên Công ước ICSID về giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế năm 1965; Trọng tài theo nguyên tắc tố tụng UNCITRAL; hoặc bất kỳ thiết chế hoặc quy tắc trọng tài nào mà Nguyên đơn và Bị đơn thống nhất được với nhau.
- **Thủ tục khởi kiện** theo Cơ chế ISDS được quy định khá chi tiết trong TPP. Theo đó để khởi kiện, trước hết Nguyên đơn và Bị đơn phải tìm giải pháp giải quyết tranh chấp thông qua tham vấn, đàm phán trực tiếp hoặc thông qua các chủ thể trung gian hòa giải trên cơ sở yêu cầu tham vấn chính thức bằng văn bản của Nguyên đơn gửi Bị đơn. Và chỉ khi sau 06 tháng kể từ ngày Bị đơn nhận được yêu cầu tham vấn mà tranh chấp không thể được giải quyết thì lúc này Nguyên đơn mới có thể khởi kiện theo ISDS.
- **Thủ tục tố tụng** theo Cơ chế ISDS được quy định trong Chương Đầu tư của TPP và sẽ áp dụng bắt buộc cho tất cả các tranh chấp giải quyết theo Cơ chế được cho là đã bổ sung một số điểm nhằm tăng cường tính minh bạch của quy trình, tính khách quan của trọng tài và hạn chế các khiếu kiện vô lý (chi khiếu kiện để “đọa”/gây sức ép đối với Nhà nước nơi nhận đầu tư).

## MỘT SỐ VÍ DỤ VỀ CÁC QUY TẮC TỔ TỤNG BẮT BUỘC TRONG CƠ CHẾ ISDS CỦA TPP

### Nguyên tắc về lựa chọn trọng tài

- Để đảm bảo tính khách quan của trọng tài, TPP quy định rõ mỗi bên tranh chấp chọn một trọng tài viên của mình, và trọng tài viên thứ ba phải do cả hai bên thống nhất lựa chọn.
- TPP cũng quy định các nước TPP sẽ thống nhất hướng dẫn về lựa chọn trọng tài viên cũng như về các điều kiện đảm bảo tính khách quan, độc lập của trọng tài viên trước khi TPP có hiệu lực.

### Rà soát nhanh để ngăn chặn các khiếu kiện vô lý

- TPP quy định thủ tục để Hội đồng trọng tài xem xét nhanh các phản đối của Bị đơn về việc trọng tài không có thẩm quyền hoặc về việc đơn kiện của Nguyên đơn là hoàn toàn không có căn cứ pháp lý. Nếu Hội đồng trọng tài đi tới kết luận ủng hộ Bị đơn thì có thể phán quyết dừng vụ việc và yêu cầu Nguyên đơn phải trả các chi phí tố tụng và tư vấn của cả hai bên.
- Cũng như vậy, liên quan tới phán quyết cuối cùng của Hội đồng trọng tài, TPP cũng quy định nếu Nguyên đơn mới chỉ đang ở giai đoạn “chuẩn bị đầu tư” thì ngay cả khi Nguyên đơn được phán quyết thắng kiện, thì khoản bồi thường mà Bị đơn phải trả cũng chỉ giới hạn ở các thiệt hại gắn với “chuẩn bị đầu tư” đó mà thôi, và Nguyên đơn phải chứng minh được vi phạm của Bị đơn là nguyên nhân dẫn tới thiệt hại đó.

### Nguyên tắc minh bạch trong thủ tục tố tụng

- TPP quy định nghĩa vụ của Bị đơn trong việc công khai các tài liệu như thông báo ý định khởi kiện, thông báo trọng tài, các tài liệu, biên luận, phản biện được trình ra Hội đồng trọng tài, các biên bản hoặc bản ghi phiên điều trần, các lệnh, quyết định, phán quyết của Hội đồng trọng tài trừ các thông tin mà các bên khi trình Hội đồng trọng tài yêu cầu để ở chế độ mật.
- TPP cũng yêu cầu các phiên điều trần phải được tiến hành công khai (công chúng có thể tiếp cận) và quy định quyền đệ trình ý kiến của các bên liên quan (trong đó có công đoàn, các tổ chức xã hội...).

Cam kết về Dịch vụ xuyên biên giới và Đầu tư

## II. Đầu tư

### 45

Trên thực tế, đây là nguyên tắc đi ngược lại bản chất “bí mật/kín” của thủ tục trọng tài. Việc minh bạch vụ tranh chấp có thể có lợi (ví dụ nếu có thể tranh thủ được sự ủng hộ của nhóm nào đó) nhưng cũng có thể bất lợi cho Nhà nước Việt Nam, nếu là Bị đơn trong các vụ tranh chấp theo cơ chế ISDS (ví dụ nếu các nhà đầu tư TPP khác cũng sử dụng các lập luận tương tự để đi kiện, hoặc các nhóm bảo vệ lợi ích của các nhà đầu tư TPP tham gia vào quá trình tố tụng tạo lợi thế cho nhà đầu tư...).





# Mua sắm công và Doanh nghiệp Nhà nước

90 I. Mua sắm công

100 II. Doanh nghiệp Nhà nước (DNNN)

## I. Mua sắm công

### 46

## Có phải mọi gói thầu sử dụng ngân sách Nhà nước của Việt Nam đều phải mở cho nhà thầu từ các nước TPP tham gia không?

Chương Mua sắm công trong TPP bao gồm các quy định về nghĩa vụ bắt buộc của Nhà nước và các chủ đầu tư/bên mời thầu liên quan tới thủ tục, quy trình và điều kiện bắt buộc phải tuân thủ trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ của Nhà nước.

Tuy nhiên, không phải mọi gói thầu sử dụng ngân sách Nhà nước đều sẽ phải tuân thủ các yêu cầu của TPP. Hơn nữa, khác với pháp luật đấu thầu Việt Nam, TPP xác định các gói thầu thuộc diện điều chỉnh của TPP **không theo nguồn gốc vốn sử dụng trong gói thầu** (vốn có phải từ Ngân sách Nhà nước hay không) mà theo **chủ thể mua sắm** (đơn vị mua sắm hàng hóa, dịch vụ), **tính chất** của việc mua sắm và **loại hàng hóa, dịch vụ** được mua sắm.

Cụ thể, các quy định trong Chương Mua sắm công **chỉ áp dụng đối với các gói thầu hội tụ đủ các điều kiện:**

#### (i) Không thuộc một trong các trường hợp Ngoại lệ sau

- Biện pháp cần thiết để bảo vệ đạo đức, trật tự, an toàn xã hội;
- Biện pháp cần thiết để bảo vệ tính mạng, sức khỏe con người, động thực vật (bao gồm cả các biện pháp môi trường nhằm mục đích này); hoặc
- Liên quan tới hàng hóa, dịch vụ của người khuyết tật, của các tổ chức phi lợi nhuận hoặc nhân đạo, hoặc của lao động tù nhân.

#### (ii) Không phải là một trong các hoạt động sau:

- Hoạt động liên quan tới mua bán, cho thuê đất, công trình đang tồn tại, bất động sản khác, và các quyền liên quan;
- Thỏa thuận phi hợp đồng (ví dụ các thỏa thuận hợp tác, cho vay, mua cổ phần, bảo đảm, trợ cấp, ưu đãi tài chính, tài trợ);
- Một số hoạt động liên quan tới chức năng tài chính của Nhà nước (mua dịch vụ lưu ký hoặc uỷ thác tài chính; thanh toán nợ và quản lý đối với các tổ chức tín dụng; bán, mua lại và phân bổ nợ công...);
- Hợp đồng tuyển dụng công chức, viên chức;
- Hoạt động mua sắm trong khuôn khổ hỗ trợ quốc tế (bao gồm cả viện trợ phát triển); hoạt động mua sắm mà nhà tài trợ hoặc đơn vị cấp vốn nước ngoài đã quy định về quy trình, điều kiện mua sắm; hoặc thực hiện theo các thỏa thuận quốc tế riêng; hoặc

- Mua sắm hàng hóa, dịch vụ bên ngoài lãnh thổ, để tiêu dùng bên ngoài lãnh thổ (ví dụ mua sắm của các Cơ quan đại diện ở nước ngoài, để phục vụ hoạt động của chính Cơ quan đó).

(Chú ý phạm vi chính xác các trường hợp loại trừ cần được xem trong văn bản Hiệp định).

**(iii) Thuộc Danh mục các gói thầu (mua sắm) mà nước Thành viên TPP cam kết sẽ tuân thủ TPP**

Mỗi nước TPP đưa ra một Phụ lục riêng về các Phạm vi mở cửa mua sắm công trong TPP của mình, trong đó liệt kê cụ thể:

- Các Cơ quan mua sắm (chủ đầu tư, bên mời thầu) thuộc diện điều chỉnh của TPP (trung ương, địa phương);
- Các loại hàng hóa, dịch vụ (bao gồm cả dịch vụ xây dựng) thuộc diện điều chỉnh; và
- Trị giá mua sắm tối thiểu của gói thầu (còn gọi là “ngưỡng giá gói thầu”).

Chú ý là một gói thầu chỉ thuộc phạm vi điều chỉnh của TPP nếu đáp ứng đồng thời cả 3 điều kiện về chủ thể, loại hàng hóa/dịch vụ mua sắm và ngưỡng giá gói thầu nêu trong Phụ lục liên quan.

## I. Mua sắm công

# 46

### DANH MỤC CÁC TRƯỜNG HỢP MUA SẮM CÔNG PHẢI TUÂN THỦ TPP CỦA VIỆT NAM

(Phụ lục 15A - Việt Nam, kèm theo Chương Mua sắm công TPP)

#### 1. Các Cơ quan mua sắm cấp Trung ương

Theo Phụ lục thì chỉ có 21 Cơ quan Nhà nước ở Trung ương phải tuân thủ TPP về mua sắm công (trong đó tất cả đều là Cơ quan Chính phủ, không có cơ quan nào của Quốc hội, Tòa án, Viện Kiểm sát).

Ngay cả với 21 Cơ quan này, không phải mọi đơn vị đều phải tuân thủ TPP về mua sắm công mà chỉ các Vụ/Cục/Đơn vị trực thuộc được liệt kê mới phải tuân thủ.

Với một số Bộ (Bộ Giao thông vận tải, Lao động, Công an, Quốc phòng...), việc áp dụng TPP chỉ giới hạn ở một số loại hàng hóa, dịch vụ nhất định riêng cho Bộ đó hoặc được loại trừ một số loại hàng hóa, dịch vụ.

#### 2. Các Cơ quan mua sắm cấp địa phương

Không có Cơ quan Nhà nước ở địa phương nào của Việt Nam phải tuân thủ TPP về Mua sắm công cả.

#### 3. Các cơ quan khác

Theo Danh mục liệt kê thì có 38 Đơn vị sự nghiệp thuộc diện điều chỉnh của TPP khi đấu thầu (trong đó chủ yếu là các Bệnh viện trung ương, một số Viện nghiên cứu, Thông tấn xã Việt Nam...).

#### 4. Về ngưỡng trị giá mua sắm công phải tuân thủ TPP

Phụ lục chia ra 02 nhóm ngưỡng trị giá mua sắm riêng, nhóm Xây dựng và nhóm Hàng hóa/Dịch vụ khác. Với mỗi nhóm lại chia ngưỡng trị giá mua sắm theo nhóm Chủ thể mua sắm (Cơ quan mua sắm cấp Trung ương; Cơ quan khác). Và mỗi nhóm này, lại có các ngưỡng trị giá riêng theo lộ trình.

Ví dụ, đối với các Hàng hóa và Dịch vụ trừ Xây dựng, áp dụng đối với nhóm Cơ quan khác (tức là không phải các Bộ ngành trung ương):

- Trong 06 năm đầu kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực: Ngưỡng là 3.000.000 SDR (tương đương khoảng 93 tỷ đồng);
- Từ năm thứ 6 kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực trở đi: Ngưỡng là 2.000.000 SDR (tương đương khoảng 62 tỷ đồng).

Ngưỡng áp dụng đối với Xây dựng cao hơn nhiều lần, bắt đầu là 65.200.000 SDR (tương đương khoảng 2000 tỷ đồng) và giảm dần theo lộ trình, đến năm thứ 21 trở đi thì ngưỡng này là 15.000.000 SDR (khoảng 465 tỷ đồng). Ngưỡng cụ thể tính theo VND được rà soát và xác định lại mỗi hai năm một lần.

Chú ý là TPP cũng có quy định chung về việc không được phép chia nhỏ các gói thầu để lẩn tránh “ngưỡng trị giá” phải tuân thủ TPP.

## 5. Về loại hàng hóa, dịch vụ

### • Về hàng hóa:

Việt Nam cam kết mở cửa đấu thầu mua sắm tất cả các loại hàng hóa trừ 07 nhóm hàng hóa mã HS 4 số và 05 nhóm hàng hóa mã HS 6 số được liệt kê trong Phụ lục của Việt Nam.

Trong số đó, trừ dược phẩm, các nhóm hàng hóa này đều mở ngay 100% khi TPP có hiệu lực. Đối với dược phẩm, Việt Nam lại có lộ trình mở dần dần (theo tỷ lệ phần trăm trị giá gói thầu dược phẩm) theo thời gian.

### • Về dịch vụ:

Việt Nam chỉ cam kết đưa 06 nhóm dịch vụ mã CPC 2 số, 07 nhóm dịch vụ mã CPC 3 số và 13 nhóm dịch vụ mã CPC 5 số vào diện thuộc điều chỉnh của TPP. Dịch vụ xây dựng có cam kết riêng.

## 6. Các ngoại lệ riêng của Việt Nam

Việt Nam bảo lưu các trường hợp nhất định không tuân thủ TPP về Mua sắm công, ví dụ:

- Các hợp đồng BOT, xây dựng cơ sở hạ tầng;
- Các gói thầu nhằm mục đích phát triển, bảo vệ hoặc bảo tồn các giá trị nghệ thuật, lịch sử, khảo cổ hay di sản văn hoá của quốc gia;
- Mua sắm có ưu đãi dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs);
- Mua sắm nhằm bảo đảm phúc lợi cho dân tộc thiểu số...

## 7. Các “biện pháp trong thời kỳ chuyển đổi” dành riêng cho nước đang phát triển

Chương Mua sắm công của TPP cho một Điều riêng dành cho các nước đang phát triển được phép áp dụng các ngoại lệ, gọi là “biện pháp quá độ” riêng. Và trong Phụ lục của mình, Việt Nam đã cụ thể hóa các biện pháp này cho riêng trường hợp của Việt Nam liên quan tới một số nghĩa vụ cụ thể của TPP, ví dụ:

- Ngoại lệ với nghĩa vụ Thông báo ý định mở thầu;
- Ngoại lệ với nghĩa vụ về các khoảng thời gian tối thiểu dành cho nhà thầu tham gia đấu thầu;
- Quyền đòi bù đắp (với một số trường hợp cụ thể)...

## I. Mua sắm công



### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

---

Với các điều kiện và bảo lưu liên quan, các gói thầu mua sắm thuộc phạm vi điều chỉnh của TPP (tức là phải tuân thủ các nguyên tắc đấu thầu trong TPP cũng như phải mở cho các nhà thầu từ các nước TPP tham gia cạnh tranh) của Việt Nam được đánh giá là chiếm tỷ lệ không quá lớn trong tổng số các gói thầu công hiện nay. Vì vậy, mức độ cạnh tranh trong đa số các gói thầu công có thể sẽ không thay đổi lớn sau TPP. Hơn nữa, các doanh nghiệp có thể sẽ được hưởng lợi từ việc sửa đổi pháp luật đấu thầu theo hướng minh bạch hơn dưới áp lực của TPP.

Chú ý, các gói thầu công sử dụng nguồn vốn ODA/vốn vay khác không thuộc diện điều chỉnh của TPP. Như vậy, sẽ vẫn tiếp tục có những gói thầu công vốn ODA mở cả cho, thậm chí là chỉ dành cho các nhà thầu có quốc tịch nhất định tham gia, theo yêu cầu của Nhà tài trợ cung cấp vốn ODA/vốn vay đó.

## Các gói thầu thuộc diện điều chỉnh của Chương Mua sắm công TPP sẽ phải tuân thủ các nguyên tắc chung nào theo TPP?

47

Về cơ bản, các nguyên tắc đấu thầu trong TPP gần như nhắc lại các nguyên tắc được nêu trong Hiệp định về mua sắm công của WTO (GPA).

Cụ thể, Nhà nước và bên mời thầu của các nước TPP khi thực hiện các gói thầu mua sắm thuộc diện điều chỉnh của TPP đã cam kết thì phải tuân thủ 05 nguyên tắc chung sau đây:

### ■ Minh bạch

Theo nguyên tắc này, Nhà nước phải ban hành và thực thi các quy tắc minh bạch trong các bước của quy trình đấu thầu (ví dụ công bố các quy trình đấu thầu, các yêu cầu về thông tin, thông báo ở từng bước của thủ tục đấu thầu...).

### ■ Không phân biệt đối xử và đối xử quốc gia

Các nhà thầu đến từ các nước TPP hoặc nhà thầu trong nước có vốn đầu tư nước ngoài từ các nước TPP phải được đối xử công bằng với nhau và với các nhà thầu trong nước (ví dụ không được đặt điều kiện về kinh nghiệm kiểu đã từng trúng thầu của chủ đầu tư, hay đã từng làm việc ở Việt Nam...). Thậm chí, cùng đối với các nhà thầu nội địa, các trường hợp nhà thầu Việt Nam sử dụng nguồn cung hàng hóa dịch vụ từ các nước TPP cũng phải được đối xử công bằng với các nhà thầu Việt Nam sử dụng hàng hóa, dịch vụ trong nước.

■ **Bắt buộc sử dụng hình thức đấu thầu rộng rãi** đối với tất cả các gói thầu thuộc diện điều chỉnh trừ các trường hợp đáp ứng điều kiện để được áp dụng thủ tục đấu thầu hạn chế hoặc đấu thầu lựa chọn;

■ **Yêu cầu áp dụng các biện pháp lâm chính và giải quyết khiếu nại khiếu kiện** để xử lý tình trạng tham nhũng, gian lận trong đấu thầu công...

■ **Khuyến khích sử dụng phương thức điện tử trong đấu thầu** và các yêu cầu về tính thân thiện và khả năng tiếp cận trong trường hợp sử dụng phương thức điện tử.

Trong tổng thể, các nguyên tắc đấu thầu công trong TPP đòi hỏi các thủ tục, điều kiện, tiêu chí lựa chọn thầu không được tạo ra những rào cản hoặc làm khó các nhà thầu từ các nước TPP trong cạnh tranh với các nhà thầu Việt Nam ở các gói thầu thuộc diện điều chỉnh của TPP.

## I. Mua sắm công



### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

---

Về nguyên tắc, các yêu cầu mà TPP yêu cầu các nước thành viên phải tuân thủ là nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu TPP ở Việt Nam và nhà thầu Việt Nam tham gia các gói thầu ở các nước TPP.

Tuy nhiên, đối với Việt Nam việc thực thi các yêu cầu trong đấu thầu nếu được áp dụng chung cho cả các gói thầu không thuộc diện điều chỉnh sẽ giúp thủ tục đấu thầu nói chung ở Việt Nam minh bạch, công bằng hơn. Qua đó tạo điều kiện tốt hơn cho các doanh nghiệp Việt Nam trong tiếp cận công bằng hơn các gói thầu mua sắm công của các cơ quan Nhà nước hiện nay.



## Ngoài các nguyên tắc chung, với mỗi hình thức đấu thầu, TPP có yêu cầu gì?

48

Ngoài các nguyên tắc chung áp dụng cho tất cả các gói thầu thuộc diện điều chỉnh, TPP còn nêu các nguyên tắc riêng áp dụng cho từng hình thức đấu thầu thuộc diện điều chỉnh. Các nguyên tắc này cơ bản cũng tương tự như các nguyên tắc nêu trong Hiệp định về mua sắm công của WTO. Cụ thể

### (i) Đối với các gói thầu theo thủ tục đấu thầu rộng rãi

Nhóm này bao gồm các nguyên tắc áp dụng đối với các gói thầu theo thủ tục đấu thầu rộng rãi, bao gồm:

- Công khai thông tin về việc đấu thầu (bao gồm cả Thông báo mời thầu và Hồ sơ thầu) trên mạng/trên báo và miễn phí;
- Công bố sớm kế hoạch mời thầu hàng năm;
- Phải quy định thời hạn nộp hồ sơ thầu tối thiểu 40 ngày trong các trường hợp thông thường, tối thiểu là 25 ngày chỉ trong trường hợp thủ tục đấu thầu thực hiện hoàn toàn qua mạng và 10 ngày đối với một số rất hạn hữu các trường hợp.

### (ii) Đối với các gói thầu theo thủ tục đấu thầu lựa chọn

Định nghĩa của TPP về “đấu thầu lựa chọn” (selective tendering) cho thấy khái niệm này gần giống với “đấu thầu rộng rãi có lựa chọn theo danh sách ngắn” trong pháp luật Việt Nam – theo nghĩa đấu thầu có sự tham gia của các nhà thầu đã đáp ứng một số điều kiện nhất định và được lựa chọn vào danh sách ngắn.

Để đảm bảo cách hiểu như Hiệp định, thuật ngữ “đấu thầu lựa chọn” sẽ được sử dụng chỉ các gói thầu này.

TPP cho phép các nước Thành viên được tự xác định các trường hợp được phép đấu thầu lựa chọn trong pháp luật của mình.

Tuy nhiên, đối với các gói thầu này, các nước TPP phải đảm bảo các yêu cầu cụ thể, ví dụ:

- Thủ tục thầu không tạo ra rào cản bất hợp lý cho sự tham gia của các nhà thầu đáp ứng điều kiện;
- Thông báo mời thầu phải được đưa ra đủ sớm để nhà thầu có thể chuẩn bị hợp lý;
- Chỉ có thể sử dụng Danh sách nhà thầu đã đăng ký (cho các gói thầu nói chung) nếu đã tạo cơ hội hợp lý để nhà thầu tham gia Danh sách này và đã thông báo rõ ràng về các nội dung cơ bản của gói thầu...

## I. Mua sắm công

### 48

#### (iii) Nhóm các Nguyên tắc đối với các gói thầu theo thủ tục chỉ định thầu

Định nghĩa trong TPP về “đấu thầu hạn chế” (limited tendering) gần giống (nhưng không hoàn toàn giống) với khái niệm “chỉ định thầu” trong pháp luật đấu thầu của Việt Nam – theo đó chỉ có nhà thầu được chủ đầu tư chỉ định mới được tham gia thầu. Tuy nhiên, theo pháp luật Việt Nam thì chỉ định thầu chỉ có 01 nhà thầu được chỉ định, trong khi theo TPP (và GPA của WTO) thì chỉ định thầu phải có nhiều hơn 01 nhà thầu được chỉ định.

Không giống như đấu thầu hạn chế, liên quan tới chỉ định thầu, TPP chỉ cho phép các nước Thành viên được áp dụng thủ tục đấu thầu hạn chế trong 08 trường hợp sau đây, bao gồm:

- Trường hợp đã mời thầu nhưng không nhận được hồ sơ thầu nào, không hồ sơ nào đáp ứng được các yêu cầu cơ bản hoặc không nhà thầu nào đáp ứng được các điều kiện tham gia...
- Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua sắm chỉ có thể được cung cấp bởi một số các nhà cung cấp nhất định (ví dụ liên quan tới nghệ thuật, bản quyền sở hữu trí tuệ...);
- Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua sắm là loại bổ sung cho hàng hóa, dịch vụ đã được cung cấp trước đó bởi một số nhà thầu nhất định và vì các lý do khách quan không thể thay đổi nhà thầu hoặc việc thay đổi các nhà thầu gây ra bất tiện đáng kể hoặc làm tăng chi phí gấp đôi;
- Trường hợp hàng hóa mua sắm là loại mua trên thị trường tương lai;
- Các trường hợp mà vì lý do nào đó sản phẩm hàng hóa, dịch vụ là đặc thù và không thể được cung cấp bởi các nhà thầu khác (ví dụ kết quả thử nghiệm, nghiên cứu...);
- Trường hợp cung cấp dịch vụ xây dựng thì dịch vụ này mặc dù không nêu trong hợp đồng ban đầu nhưng phải nằm trong mục tiêu đấu thầu ban đầu và chỉ trở thành cần thiết do xuất hiện bối cảnh không thể lường trước được, với điều kiện là trị giá hợp đồng cho dịch vụ xây dựng này không vượt quá 50% tổng trị giá hợp đồng ban đầu;
- Trường hợp hợp đồng mua được thực hiện trong điều kiện ưu đãi đặc biệt mà chỉ phát sinh trong ngắn hạn (ví dụ mua thanh lý do giải thể, phá sản...);
- Trường hợp hợp đồng thầu được trao cho nhà thầu là người thắng cuộc trong cuộc thi trước đó cho việc mua sắm này.

(Chú ý là mỗi trường hợp nói trên đều đi kèm các điều kiện rất chi tiết quy định trong văn bản Hiệp định).

---

Ngoài các trường hợp này, đối với các gói thầu thuộc diện điều chỉnh, các nước thành viên không được phép sử dụng hình thức chỉ định thầu.

Quan trọng hơn, mỗi khi sử dụng đấu thầu hạn chế, chủ thầu phải chứng minh mình có căn cứ để sử dụng thủ tục này và rằng việc sử dụng thủ tục này không nhằm phân biệt đối xử hoặc hạn chế cạnh tranh giữa các nhà thầu.

### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

---

TPP có quy định khá chặt về chỉ định thầu (theo hướng hạn chế các trường hợp sử dụng chỉ định thầu) bởi chỉ định thầu vốn được xem là hình thức thầu dẫn tới hệ quả triệt tiêu cạnh tranh trong đấu thầu mua sắm công.

Vì vậy, các doanh nghiệp cần lưu ý tìm hiểu các gói thầu sử dụng hình thức chỉ định thầu, xác định đó có phải trường hợp được phép chỉ định thầu không, từ đó có hành động cụ thể bảo vệ quyền dự thầu của mình, nếu có.

## II. Doanh nghiệp Nhà nước (DNNN)

### 49

## Có phải tất cả các DNNN đều phải tuân thủ các quy định về DNNN trong TPP không?

TPP có một Chương riêng về Doanh nghiệp Nhà nước và về doanh nghiệp độc quyền chỉ định (dưới đây gọi chung là DNNN). Đây là cam kết về DNNN rộng nhất của Việt Nam cho đến nay về vấn đề này (trước đây Việt Nam mới chỉ có một số cam kết hạn chế về Doanh nghiệp thương mại Nhà nước trong khuôn khổ cam kết gia nhập WTO, cùng một số vấn đề về DNNN trong Hiệp định thương mại song phương Việt Nam – Hoa Kỳ và cũng ở mức tương đối hạn chế).

Tuy nhiên, ngay cả với TPP, không phải mọi DNNN của Việt Nam đều sẽ phải tuân thủ các cam kết trong Chương DNNN của Hiệp định này, bởi TPP có những giới hạn chung về diện DNNN áp dụng chung cho tất cả các nước TPP và những giới hạn riêng của từng nước TPP.

Cụ thể, với Việt Nam, cam kết TPP về DNNN chỉ áp dụng đối với các doanh nghiệp Việt Nam hội tụ đủ các đặc điểm trong Bảng sau đây:

Bảng – DNNN thuộc diện điều chỉnh của Chương DNNN

KHÓA CẠNH	ĐẶC ĐIỂM
Về nguồn gốc vốn / quyền kiểm soát	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có vốn nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ; hoặc</li> <li>Nhà nước nắm, thông qua quyền sở hữu vốn, trên 50% quyền bỏ phiếu biểu quyết; hoặc</li> <li>Nhà nước nắm quyền chỉ định đa số thành viên Ban lãnh đạo</li> </ul>
Lĩnh vực hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có hoạt động chủ yếu là kinh doanh</li> </ul>
Quy mô doanh thu	<ul style="list-style-type: none"> <li>Trong 05 năm đầu kể từ khi Hiệp định có hiệu lực: Có doanh thu từ hoạt động kinh doanh từ 500 triệu SDR/năm (tương đương khoảng 15.700 tỷ đồng) trở lên trong ba năm liên trước. Đây là mức áp dụng riêng cho Việt Nam, Brunei và Malaysia, còn mức chung của Hiệp định là 200 triệu SDR/năm;</li> <li>Trong các năm tiếp theo: Có doanh thu từ hoạt động kinh doanh vượt ngưỡng chung trong ba năm liên trước (ngưỡng này sẽ được các nước xác định theo công thức tính trong Hiệp định mỗi ba năm tính từ ngày Hiệp định có hiệu lực).</li> </ul>

Các DNNN có đủ các đặc điểm trên nhưng thuộc một trong các trường hợp ngoại lệ trong Bảng dưới đây cũng được loại trừ toàn bộ hoặc một phần (theo hoạt động) khỏi phạm vi điều chỉnh của Chương DNNN của TPP.

Mua sắm công và Doanh nghiệp Nhà nước  
**II. Doanh nghiệp Nhà nước (DNNN)**

**49**

Bảng – Các trường hợp được loại trừ khỏi phạm vi điều chỉnh của Chương DNNN trong TPP

KHÓA CẠNH	TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC LOẠI TRỪ
<b>Hoạt động</b>	<p>Các hoạt động của DNNN thuộc một trong các trường hợp dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Không tác động tới thương mại và đầu tư giữa các nước Thành viên; hoặc không gây ra ảnh hưởng tiêu cực tới thương mại đầu tư của nước ngoài TPP;</li> <li>• Thực hiện các biện pháp quốc phòng, an ninh quốc gia, ứng phó với tình trạng khẩn cấp tạm thời về kinh tế hoặc thuần túy cung cấp hàng hóa và dịch vụ cho Nhà nước để thực hiện chức năng của Nhà nước;</li> <li>• Hoạt động của ngân hàng trung ương, các cơ quan giám sát và quản lý tài chính, tiền tệ; Hoạt động nhằm thực thi chức năng được ủy quyền trong điều hành, giám sát đối với các nhà cung cấp dịch vụ tài chính;</li> <li>• Nhằm giải quyết/giải thể một thiết chế tài chính hoặc một doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tài chính đã hoặc đang trong tình trạng khó khăn;</li> <li>• Mua sắm công;</li> <li>• Cung cấp dịch vụ công theo ủy quyền của Nhà nước; hoặc;</li> <li>• Cung cấp dịch vụ tài chính theo ủy quyền của Nhà nước để hỗ trợ xuất khẩu, nhập khẩu, đầu tư tư nhân ra nước ngoài (với điều kiện các dịch vụ này được cung cấp theo các tiêu chí thị trường)</li> </ul>
<b>Lĩnh vực</b>	<p>Các lĩnh vực/khía cạnh hoạt động kinh doanh của DNNN mà đã được loại trừ chung theo các Phụ lục tại các Chương:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đầu tư;</li> <li>• Thương mại Dịch vụ xuyên biên giới; hoặc</li> <li>• Dịch vụ tài chính</li> </ul>
<b>Loại DNNN</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Quỹ đầu tư vốn của Nhà nước; hoặc</li> <li>• DNNN trực thuộc hoặc được kiểm soát bởi chính quyền địa phương; hoặc Doanh nghiệp được chỉ định độc quyền bởi chính quyền địa phương</li> </ul>

## II. Doanh nghiệp Nhà nước (DNNN)



### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

---

Với phạm vi áp dụng tương đối hạn chế cùng rất nhiều ngoại lệ, TPP dự kiến sẽ chỉ áp dụng với một số ít các DNNN Việt Nam hiện đang hoạt động. Tuy nhiên, tiến trình cải cách DNNN mà Việt Nam đang thực hiện cũng đang đi theo hướng này của TPP, vì vậy, dù không chịu sự ràng buộc của các cam kết TPP, các DNNN Việt Nam nằm bên ngoài phạm vi điều chỉnh của TPP cũng vẫn buộc phải có những điều chỉnh trong phương thức hoạt động thời gian tới.

## DNNN thuộc diện điều chỉnh của TPP sẽ phải tuân thủ các nguyên tắc nào trong hoạt động của mình?

50

Kể từ khi TPP có hiệu lực với Việt Nam, DNNN thuộc diện áp dụng của Chương DNNN phải tuân thủ 03 nguyên tắc sau đây:

### **Nguyên tắc 1: Phải hoạt động dựa trên tính toán thương mại thuần túy**

Theo nguyên tắc này, trừ trường hợp DNNN thực hiện nhiệm vụ công ích hoặc được Nhà nước chỉ định độc quyền trên một thị trường nhất định, DNNN phải ra các quyết định kinh doanh dựa trên “tính toán thương mại”. Nói cách khác, các DNNN phải dựa trên các tiêu chí mang tính thương mại như giá cả, chất lượng, khả năng cung ứng, tiếp thị, vận tải v.v... hoặc những yếu tố khác tương tự như doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác khi ra các quyết định kinh doanh.

### **Nguyên tắc 2: Không được phân biệt đối xử khi mua bán hàng hóa, dịch vụ**

Theo nguyên tắc này, DNNN không được phân biệt đối xử khi mua bán hàng hóa, dịch vụ với doanh nghiệp từ một thành viên TPP khác hoặc doanh nghiệp đầu tư nước ngoài của nước thành viên TPP khác.

Đối với các doanh nghiệp được chỉ định độc quyền thì ngoài nghĩa vụ nêu trên còn phải đảm bảo nghĩa vụ không được lợi dụng vị thế độc quyền của mình để thực hiện các hoạt động phản cạnh tranh trên thị trường không độc quyền.

### **Nguyên tắc 3: Phải tuân thủ các nghĩa vụ của Hiệp định khi được Nhà nước ủy quyền**

Nguyên tắc này đòi hỏi DNNN hoặc doanh nghiệp được chỉ định độc quyền khi được Chính phủ giao hoặc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Chính phủ (ví dụ trưng thu, cấp hoặc thu hồi giấy phép, phê duyệt giao dịch thương mại, ấn định hạn ngạch, phí và lệ phí,...) thì các doanh nghiệp này phải tuân thủ toàn bộ các nghĩa vụ đối với Nhà nước trong Hiệp định TPP.

Việt Nam bảo lưu (không phải tuân thủ) một hoặc một số các nghĩa vụ nói trên trong một số trường hợp, ví dụ:

- Vì mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô mà Nhà nước hỗ trợ để DNNN sản xuất hoặc bán hàng hóa cho công chúng hoặc bán, mua hàng hóa theo mức giá, số lượng, khối lượng hoặc theo các điều kiện bán hàng do Nhà nước quy định;
- Vì mục tiêu phát triển vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, các vùng đặc biệt khó khăn, các khu vực có vị trí quan trọng về an ninh – quốc phòng..., Nhà nước có thể yêu cầu DNNN tính đến các yếu tố khác ngoài các tính toán thương mại thông thường;

## II. Doanh nghiệp Nhà nước (DNNN)

### 50

- Vì mục tiêu tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME), Nhà nước có thể chỉ đạo các DNNN tính tới các yếu tố khác ngoài tính toán thương mại thông thường hoặc có biện pháp đối xử ưu tiên cho các khoản đầu tư của SME Việt Nam trên lãnh thổ Việt Nam;
- Đối với các DNNN hoạt động trong lĩnh vực truyền thông đại chúng, in và xuất bản, Nhà nước có thể yêu cầu các doanh nghiệp này tính đến các yếu tố khác ngoài các tính toán thương mại thông thường, phải mua/bán theo mức giá, điều kiện do Nhà nước quy định hoặc phải cung cấp các dịch vụ theo cách có phân biệt đối xử;
- Bảo lưu riêng với một số trường hợp DNNN cụ thể (ví dụ PetroVietnam, EVN, Vinacomin, SCIC, DATC, VDB, Agribank, các DNNN thuộc Bộ Quốc phòng, Vietnam Airlines, Vinalines...) trong các lĩnh vực và kèm theo các điều kiện cụ thể.



### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Các nguyên tắc về cách thức hành xử và hoạt động kinh doanh của các DNNN mà TPP đặt ra chỉ áp dụng cho các DNNN thuộc diện điều chỉnh của TPP. Điều này có nghĩa là các DNNN khác không thuộc diện điều chỉnh của TPP sẽ không phải tuân thủ các nguyên tắc này.

Mặc dù vậy, phần lớn các nguyên tắc này của TPP tương tự như các nguyên tắc hoạt động và quản trị mà DNNN Việt Nam phải tuân thủ theo pháp luật hiện hành (Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật về DNNN, các văn bản hướng dẫn thi hành khác). Do đó, dù bị ràng buộc theo cam kết hay pháp luật nội địa, các DNNN phần lớn sẽ phải tuân thủ tất cả các nguyên tắc áp dụng cho DNNN như thể hiện trong cam kết TPP.



## Nhà nước phải tuân thủ các nguyên tắc nào khi quản lý, kiểm soát các DNNN thuộc diện áp dụng TPP?

51

TPP yêu cầu các nước Thành viên phải tuân thủ 03 nghĩa vụ cơ bản liên quan tới các DNNN thuộc diện điều chỉnh sau đây:

### **Nghĩa vụ 1: Không hỗ trợ phi thương mại riêng/chủ yếu cho DNNN đến mức có thể gây ra tác động tiêu cực tới lợi ích của Thành viên TPP khác**

Theo cam kết này, Nhà nước không được trực tiếp hoặc gián tiếp hỗ trợ phi thương mại dành riêng cho hoặc chủ yếu dành cho DNNN tới mức có thể gây ra tác động tiêu cực tới lợi ích của Thành viên TPP khác.

Tuy nhiên, với tất cả các nước TPP, nghĩa vụ này **không áp dụng đối với trường hợp DNNN cung cấp dịch vụ trên thị trường nội địa**. Nghĩa vụ này cũng không áp dụng đối với các hỗ trợ phi thương mại cung cấp trước thời điểm ký kết Hiệp định TPP hoặc trong vòng 03 năm kể từ khi ký kết Hiệp định TPP theo văn bản luật hoặc hợp đồng có trước thời điểm ký Hiệp định này.

Về phần mình, Việt Nam bảo lưu không phải thực hiện nghĩa vụ liên quan tới hỗ trợ phi thương mại trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách lớn của nhà nước về:

- Chương trình cổ phần hóa và tái cơ cấu khu vực DNNN với mục đích làm cho DNNN hoạt động tốt hơn theo các tín hiệu thị trường;
- Ổn định kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế;
- Phát triển vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, các vùng đặc biệt khó khăn, các khu vực có vị trí quan trọng về an ninh – quốc phòng,...
- Các chương trình an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, đảm bảo cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục, văn hóa,...
- Hỗ trợ cho hoạt động của một số DNNN cụ thể (ví dụ PetroVietnam, EVN, Vinacomin, SCIC, DATC, Banknet VDB, Agribank, các DNNN thuộc Bộ Quốc phòng, Vietnam Airlines, Vinalines...) trong các lĩnh vực và kèm theo các điều kiện cụ thể.

## II. Doanh nghiệp Nhà nước (DNNN)

### 51

#### HỖ TRỢ PHI THƯƠNG MẠI

Trong khuôn khổ Hiệp định TPP, hỗ trợ phi thương mại từ Nhà nước cho DNNN được hiểu là:

- Các khoản hỗ trợ chỉ dành riêng cho một DNNN cụ thể;
- Các khoản hỗ trợ mà đơn vị hưởng thụ thực tế chủ yếu là các DNNN;
- Các khoản hỗ trợ mà phần lớn là dành cho DNNN;
- Các khoản hỗ trợ mà đơn vị có quyền cấp hỗ trợ sử dụng quyền quyết định của mình để dành chúng cho các DNNN;

Chú ý là các khoản hỗ trợ phi thương mại mà các DNNN dành cho các DNNN khác hoặc các công ty con của DNNN ở các nước TPP cũng phải thuộc phạm vi điều chỉnh của các cam kết trong TPP trong những trường hợp nhất định.

Các hỗ trợ này có thể được thực hiện dưới các hình thức:

- Chuyển vốn trực tiếp hoặc hứa chuyển (xóa nợ, cho vay với điều kiện ưu đãi, mua cổ phần theo chi phí thị trường...)
- Cung cấp hàng hóa dịch vụ (ngoại trừ việc cung cấp cơ sở hạ tầng chung) theo các điều kiện ưu đãi hơn thông thường.

Các hỗ trợ này dùng vào các hoạt động sau đây:

- Hoạt động sản xuất hoặc mua bán hàng hóa của DNNN;
- Hoạt động cung cấp dịch vụ của DNNN từ lãnh thổ nước mình sang lãnh thổ một nước TPP khác;
- Hoạt động cung cấp dịch vụ trên lãnh thổ của một nước TPP khác bởi một công ty con của DNNN.

### **Nghĩa vụ 2: Cơ quan hành chính nhà nước phải hành xử khách quan trong quản lý, điều hành DNNN**

Theo cam kết này, các cơ quan hành chính Việt Nam quản lý các DNNN phải đảm bảo thực thi nhiệm vụ của mình một cách khách quan, công bằng với các doanh nghiệp, bao gồm cả các doanh nghiệp không phải DNNN.

### **Nghĩa vụ 3: Tòa án nội địa phải xử lý các khiếu kiện đối với DNNN nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ mình**

Tòa án nội địa phải xử lý các khiếu kiện đối với các công ty thuộc sở hữu hoặc kiểm soát của Nhà nước nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ mình. Điều này đồng nghĩa với việc các DNNN của Việt Nam nếu có công ty con ở nước ngoài thì các công ty con này có thể bị kiện ra Tòa án nước sở tại (tránh trường hợp viện dẫn quyền miễn tố để không tuân thủ pháp luật khi hoạt động thương mại trên lãnh thổ các nước thành viên TPP).

### **Nghĩa vụ 4: Minh bạch hóa các thông tin cơ bản về DNNN**

Nghĩa vụ này bao gồm 02 nhóm: một là nghĩa vụ công khai thông tin, cung cấp thông tin chung, hai là nghĩa vụ cung cấp thông tin theo yêu cầu của nước Thành viên TPP khác.

## LƯU Ý DOANH NGHIỆP

TPP không chỉ đặt ra các nguyên tắc trực tiếp mà các DNNN cần tuân thủ, TPP còn có các yêu cầu ràng buộc các Cơ quan Nhà nước liên quan tới các chính sách, biện pháp áp dụng cho DNNN mà họ ban hành hoặc thực thi. Bởi với các chính sách, biện pháp riêng cho DNNN, tuy không trực tiếp can thiệp vào việc kinh doanh của DNNN, Nhà nước vẫn có thể tạo ra tác động tới bối cảnh kinh doanh và ảnh hưởng ưu thế cạnh tranh của DNNN trong quan hệ với các doanh nghiệp khác.

Do đó, các doanh nghiệp dân doanh cần quan tâm không chỉ là các nguyên tắc TPP mà các DNNN buộc phải tuân thủ (để bảo vệ lợi ích của mình trong quan hệ kinh doanh với các DNNN này) mà còn cần chú ý các nguyên tắc TPP đặt ra với các cơ quan Nhà nước trong lĩnh vực này (qua đó vận động và bảo vệ quyền lợi của mình trong các chính sách đối với DNNN ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của mình).

## II. Doanh nghiệp Nhà nước (DNNN)

### 52

### Nghĩa vụ minh bạch hóa thông tin về DNNN?

Một trong những nghĩa vụ đáng chú ý của Nhà nước liên quan đến các DNNN mà TPP đặt ra là nghĩa vụ minh bạch hóa thông tin về DNNN. Trong khi các nghĩa vụ khác là khá chung, và cơ bản là pháp luật Việt Nam hiện hành không có gì mâu thuẫn, nghĩa vụ minh bạch hóa đặt ra những yêu cầu cụ thể, mới hoàn toàn.

Cụ thể, nghĩa vụ này bao gồm 02 yêu cầu cụ thể về việc công khai thông tin nói chung và công khai thông tin theo yêu cầu.

#### (i) Về nghĩa vụ công khai thông tin, cung cấp thông tin chung

TPP yêu cầu các nước Thành viên phải cung cấp cho các nước Thành viên khác hoặc công bố công khai trên một website chính thức và phải cập nhật hàng năm các thông tin sau:

- Danh sách các DNNN;
- Việc chỉ định doanh nghiệp độc quyền trên một thị trường nhất định hoặc việc chỉ định mở rộng phạm vi của doanh nghiệp độc quyền với các nội dung chỉ định cụ thể.

Việt Nam có **bảo lưu** riêng đối với nghĩa vụ này về thời điểm thực hiện cũng như nội dung thực hiện như sau:

- Liên quan tới Danh sách các DNNN có doanh thu từ hoạt động kinh doanh từ 200 triệu SDR (tương đương 6.400 tỷ đồng)/năm trong ba năm liền trước (ngưỡng chung cho tất cả các nước: Việt Nam chỉ phải thực hiện nghĩa vụ này sau 5 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực với Việt Nam;
- Liên quan tới Danh sách các DNNN có doanh thu từ hoạt động kinh doanh từ 500 triệu SDR (tương đương khoảng 15.700 tỷ đồng)/năm trở lên trong ba năm liền trước: Việt Nam phải thực hiện nghĩa vụ này trong vòng 6 tháng kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực với Việt Nam; và phải cập nhật hàng năm cho đến khi Việt Nam thực hiện nghĩa vụ công khai Danh sách các DNNN nói chung ở trên.

### (ii) Nghĩa vụ cung cấp thông tin theo yêu cầu

Nghĩa vụ này yêu cầu bất kỳ nước Thành viên TPP nào, trên cơ sở yêu cầu bằng văn bản của một nước Thành viên TPP khác, phải cung cấp cho nước Thành viên đó bằng văn bản:

- Các thông tin cơ bản về DNNN được yêu cầu (tỷ lệ sở hữu nhà nước, tổng doanh thu, tổng tài sản, các báo cáo tài chính đã được công bố, các miễn trừ áp dụng...), với điều kiện văn bản yêu cầu của Bên kia có giải thích về ảnh hưởng từ hoạt động của DNNN liên quan tới thương mại và đầu tư giữa hai Bên;
- Các thông tin về bất kỳ chính sách hay chương trình cung cấp hỗ trợ phi thương mại nào mà mình áp dụng hoặc duy trì, với điều kiện văn bản yêu cầu của Bên kia có giải thích về ảnh hưởng của chính sách, chương trình đó tới thương mại và đầu tư giữa hai Bên.

Bên cung cấp thông tin có quyền yêu cầu Bên kia giữ văn bản cung cấp thông tin của mình ở chế độ mật và chỉ công khai khi có sự đồng ý trước của mình.

Tuy nhiên, các nước TPP đều có thể không phải tuân thủ các nghĩa vụ nói trên trong các trường hợp ngoại lệ liên quan tới việc thực hiện các biện pháp an ninh quốc gia và ứng phó với tình trạng khẩn cấp tạm thời.

### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Danh sách các DNNN ở Việt Nam hiện không phải là thông tin được công bố công khai. Do đó, việc Việt Nam thực hiện nghĩa vụ này hy vọng sẽ tạo ra một bước ngoặt, làm tiền đề cho những cải cách tiếp theo trong minh bạch hóa thông tin về các DNNN, từ đó tăng cường minh bạch hoạt động đầu tư kinh doanh của nhóm doanh nghiệp này.





Sở hữu trí tuệ

## 53

## TPP quy định những gì về sở hữu trí tuệ (SHTT)?

Chương SHTT là một trong những Chương gây nhiều tranh cãi và cũng khó khăn nhất trong đàm phán TPP. Các cam kết trong Chương này có thể được xếp vào 04 nhóm chủ yếu, bao gồm:

- **Nhóm cam kết chung:** Nhóm này bao gồm các cam kết về việc gia nhập các Công ước về SHTT được liệt kê (Việt Nam được hưởng lộ trình 2-3 năm tùy Công ước); về các nguyên tắc chung như đối xử quốc gia, minh bạch; và về các vấn đề khác như hợp tác giữa các nước TPP trong bảo vệ quyền SHTT.
- **Nhóm các cam kết về các tiêu chuẩn bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ:** TPP bao gồm các cam kết về tiêu chuẩn bảo hộ đối với phần lớn các loại tài sản SHTT như nhãn hiệu thương mại, sáng chế, quyền tác giả, kiểu dáng công nghiệp, bí mật kinh doanh, chỉ dẫn địa lý. Các tiêu chuẩn của TPP dựa trên và trong nhiều trường hợp là cao hơn so với các tiêu chuẩn tương ứng của Hiệp định về các khía cạnh thương mại của quyền SHTT của WTO (TRIPS).
- **Nhóm các cam kết về một số sản phẩm SHTT đặc thù:** Bên cạnh các tiêu chuẩn chung đối với các nhóm tài sản SHTT, TPP còn bao gồm các cam kết riêng về một số loại sản phẩm SHTT đặc thù như dược phẩm, nông hóa phẩm, giống cây trồng, các vấn đề SHTT thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin (tín hiệu vệ tinh, các công cụ bảo mật, trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ mạng...)
- **Nhóm các cam kết liên quan tới việc thực thi các quyền SHTT:** Nhóm này bao gồm các cam kết tăng cường mức độ hiệu quả thực thi và bảo hộ các quyền SHTT và xử lý nghiêm khắc hơn các vi phạm quyền SHTT.



### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

So với Hiệp định về các khía cạnh thương mại liên quan tới quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS) của WTO thì TPP có phạm vi điều chỉnh rộng hơn, chi tiết hơn, với mức bảo hộ cao hơn ở nhiều vấn đề. Do đó, việc thực hiện các cam kết về SHTT trong TPP có thể sẽ làm thay đổi đáng kể hệ thống pháp luật nội địa về SHTT của Việt Nam trong phần lớn các chế định liên quan (cả về các đối tượng quyền SHTT đến thực thi các quyền SHTT).

Cũng vì phạm vi rộng như vậy, các doanh nghiệp chịu ảnh hưởng hoặc tác động từ các cam kết TPP về SHTT sẽ không chỉ bao gồm các doanh nghiệp sở hữu các quyền SHTT mà còn là tất cả các doanh nghiệp đang hoặc sẽ sử dụng các sản phẩm SHTT (công nghệ, máy móc thiết bị, chương trình máy tính ...) trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.



## Các tiêu chuẩn của TPP về bảo hộ nhãn hiệu thương mại (trade mark)?

54

Các cam kết trong TPP về nhãn hiệu thương mại (tương đương với nhãn hiệu, tên thương mại theo pháp luật Việt Nam) tập trung vào các khía cạnh sau đây:

- **Đối tượng được bảo hộ:** Ngoài các đối tượng truyền thống mà pháp luật Việt Nam đang bảo hộ (như chữ, ký hiệu, từ ngữ, hình ảnh), TPP còn mở rộng ra cả **âm thanh**, và khuyến khích các nước bảo hộ cả mùi; đối với tất cả các đối tượng được bảo hộ, không bắt buộc phải “nhìn thấy được”. Về việc phải bảo hộ nhãn hiệu thương mại dưới hình thức âm thanh, Việt Nam chỉ phải thực hiện nghĩa vụ này sau 3 năm kể từ ngày TPP có hiệu lực.

Đối với trường hợp **nhãn hiệu nổi tiếng**, TPP yêu cầu các nước không được lấy tiêu chí số lượng các quốc gia đã bảo hộ nhãn hiệu, đã công nhận nhãn hiệu nổi tiếng hoặc đã nằm trong danh mục nhãn hiệu nổi tiếng để quyết định bảo hộ nhãn hiệu nổi tiếng. Pháp luật Việt Nam hiện vẫn còn một số tiêu chí dạng này, và vì vậy sẽ phải điều chỉnh cho phù hợp.

- **Thời gian bảo hộ:** TPP yêu cầu các nước Thành viên phải bảo hộ nhãn hiệu thương mại tối thiểu là 10 năm, và có thể được gia hạn nhiều lần, tương tự như pháp luật Việt Nam hiện hành;
- **Quyền của chủ sở hữu:** Chủ thể này có đặc quyền ngăn cản các chủ thể khác sử dụng các dấu hiệu (bao gồm cả chỉ dẫn địa lý có sau) giống hệt hoặc tương tự cho các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc gắn với loại hàng hóa, dịch vụ đã đăng ký nhãn hiệu của mình nếu việc sử dụng này có thể gây ra nhầm lẫn (dấu hiệu trùng được suy đoán đương nhiên là “có thể gây nhầm lẫn”). Tuy nhiên, TPP vẫn cho phép việc sử dụng các thuật ngữ mô tả có trong nhãn hiệu nếu việc sử dụng đó là ngay tình, và có tính đến lợi ích của chủ nhãn hiệu và các bên thứ ba;
- **Cải cách thủ tục hành chính:** TPP yêu cầu các nước Thành viên phải áp dụng các biện pháp cụ thể để đảm bảo thủ tục hành chính ngắn gọn, minh bạch trong đăng ký, gia hạn nhãn hiệu thương mại, đảm bảo cơ hội phản hồi của người nộp đơn cũng như cơ hội phản đối của các bên thứ ba, đồng thời khuyến khích các nước sử dụng hệ thống đăng ký nhãn hiệu thương mại điện tử để minh bạch hóa các quy trình này;
- **Đối với Tên miền cao cấp mã quốc gia (ccTLD):** TPP yêu cầu các nước thành viên phải thực hiện các biện pháp nhất định như quy định cơ chế giải quyết tranh chấp (theo nguyên tắc của ICANN hoặc tương tự); phải có biện pháp xử lý các chủ thể đăng ký hoặc nắm giữ tên miền tương tự hoặc gần giống đến mức gây nhầm lẫn với một nhãn hiệu nhằm mục đích thu lợi.



## LƯU Ý DOANH NGHIỆP

---

So với pháp luật hiện hành, TPP bảo hộ nhãn hiệu thương mại rộng hơn (về đối tượng), điều kiện bảo hộ thương hiệu nổi tiếng đơn giản hơn và cũng đưa ra nhiều hơn các cơ chế để bảo hộ thương hiệu.

Điều này sẽ giúp các doanh nghiệp có thể được bảo vệ tốt hơn các nhãn hiệu của mình. Ngược lại, các doanh nghiệp khác cũng cần lưu ý cẩn trọng hơn với các vấn đề về thương hiệu không phải của mình, tránh bị thiệt hại bởi các biện pháp trừng phạt dự kiến sẽ nghiêm khắc hơn sau TPP.

## TPP có yêu cầu gì về bảo hộ chỉ dẫn địa lý?

55

TPP cho các nước được quyền lựa chọn cơ chế bảo hộ đối với chỉ dẫn địa lý, hoặc là theo cơ chế riêng chỉ áp dụng cho chỉ dẫn địa lý, hoặc là theo cơ chế chung với nhãn hiệu thương mại.

Điều này có nghĩa là các nước như Việt Nam sẽ vẫn được tiếp tục sử dụng hệ thống bảo hộ chỉ dẫn địa lý của mình trong khi các nước như Hoa Kỳ sẽ vẫn duy trì bảo hộ chỉ dẫn địa lý như một dạng của nhãn hiệu thương mại. Đây được xem là giải pháp hợp lý với Việt Nam bởi Việt Nam đang và sẽ đồng thời có cam kết về chỉ dẫn địa lý với các đối tác sử dụng các cơ chế khác nhau (ví dụ EU bảo hộ chỉ dẫn địa lý riêng, không theo cơ chế nhãn hiệu thương mại).

Tuy nhiên, dù theo cơ chế bảo hộ chỉ dẫn địa lý nào, các nước TPP vẫn phải tuân thủ các nghĩa vụ nhất định, ví dụ:

- Bảo đảm minh bạch, cải cách trong thủ tục hành chính liên quan tới việc bảo hộ hoặc công nhận các chỉ dẫn địa lý;
- Căn cứ để phản đối hoặc từ chối bảo hộ/công nhận một chỉ dẫn địa lý phải bao gồm các trường hợp gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu thương mại đã hoặc đang xem xét đơn đăng ký trước đó hoặc trùng với tên chung để chỉ một loại hàng hóa trong ngôn ngữ của nước thành viên đó (riêng với rượu vang/rượu mạnh thì tên trùng với một loại nho trong ngôn ngữ của nước đó);
- Thời điểm bắt đầu bảo hộ không được sớm hơn ngày nộp đơn đăng ký hoặc ngày được đăng ký.

## 56

## TPP quy định như thế nào để phân định các quyền bảo hộ theo chỉ dẫn địa lý và quyền theo nhãn hiệu?

Do TPP chấp thuận việc bảo hộ các chỉ dẫn địa lý cả theo hình thức dành riêng cho chỉ dẫn địa lý và theo hình thức chung với nhãn hiệu, TPP có một số quy định để xác định mối quan hệ giữa chỉ dẫn địa lý và nhãn hiệu trong trường hợp có chồng lấn.

Đây thực tế cũng là vấn đề gây tranh cãi trong quá trình đàm phán TPP, bởi **chỉ dẫn địa lý** có thể được xem là thuộc sở hữu đặc biệt (không hạn chế chủ thể sử dụng, miễn là có sản phẩm đáp ứng yêu cầu liên quan của chỉ dẫn địa lý) trong khi nhãn hiệu lại thuộc **sở hữu riêng của một chủ thể** (và chủ thể này có độc quyền ngăn cản bất kỳ chủ thể nào khác sử dụng nhãn hiệu của mình). Đàm phán diễn ra chủ yếu quanh việc bảo vệ chủ nhãn hiệu hay người sử dụng chỉ dẫn địa lý trong trường hợp có chồng lấn (chỉ dẫn địa lý tương tự nhãn hiệu).

Về vấn đề này, TPP đã đi đến cam kết như sau: Trong trường hợp có nhãn hiệu trùng hoặc tương tự với một chỉ dẫn địa lý mà nhãn hiệu lại được bảo hộ trước (đã đăng ký trước hoặc đã trở nên nổi tiếng trước), mặc dù chỉ dẫn địa lý vẫn được bảo hộ nhưng quyền của chủ nhãn hiệu sẽ được ưu tiên hơn, theo hướng:

- Chủ sở hữu nhãn hiệu có quyền ngăn cấm việc sử dụng chỉ dẫn địa lý đó nếu việc sử dụng này có khả năng gây ra nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại của hàng hóa; Tuy nhiên, chỉ dẫn địa lý chỉ có ý nghĩa mô tả xuất xứ của hàng hóa thì được xem là ngoại lệ, vẫn được phép sử dụng song song cùng nhãn hiệu đó;
- Không bảo hộ chỉ dẫn địa lý nếu có khả năng gây nhầm lẫn với nhãn hiệu về nguồn gốc thương mại của hàng hóa (trừ khi việc sử dụng chỉ dẫn địa lý đó thuộc trường hợp ngoại lệ đối với quyền của nhãn hiệu).



### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Do số lượng các chỉ dẫn địa lý Việt Nam đã đăng ký bảo hộ còn quá ít so với các nhãn hiệu đã đăng ký nên khả năng xảy ra tình trạng một chỉ dẫn địa lý dù đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được bảo hộ nhưng lại trùng lặp hoặc tương tự với một nhãn hiệu đã đăng ký trước có thể là rất lớn.

Vì vậy, trong trường hợp có sản phẩm chỉ dẫn địa lý tương tự với một nhãn hiệu đã được đăng ký trước đó hoặc ngược lại, doanh nghiệp vẫn có các quyền được bảo hộ nhất định nhưng bị hạn chế và theo các điều kiện quy định. Do đó, doanh nghiệp cần chú ý các quy định về vấn đề này của TPP để bảo vệ tốt nhất lợi ích liên quan của mình.

## TPP có quy định gì mới về các tiêu chí, đối tượng bảo hộ sáng chế?

57

Các cam kết về tiêu chí và đối tượng bảo hộ sáng chế trong TPP có các điểm mới đáng chú ý sau:

### ■ Tiêu chí bảo hộ:

TPP nhắc lại các tiêu chí của Hiệp định TRIPS trong WTO, theo đó tất cả các sáng tạo, dù là sản phẩm hay quy trình, trong tất cả các lĩnh vực, nếu **mới, có tính sáng tạo và có khả năng áp dụng công nghiệp** thì đều có thể được bảo hộ.

Tuy nhiên, TPP buộc các nước phải bảo hộ cho sáng tạo đã công bố công khai (tức là không còn tính mới) nếu việc công bố đó là do chính chủ thể nộp đơn xin bảo hộ thực hiện hoặc nếu là do người khác thì người đó đã lấy thông tin công bố từ chính chủ thể nộp đơn, và nếu việc công bố đó thực hiện trong vòng 12 tháng liền trước thời điểm nộp đơn đăng ký (gọi là “Giai đoạn ân hận” cho tính “mới” của sáng chế).

### ■ Về phạm vi các đối tượng có thể được bảo hộ:

Trong khi nhắc lại các trường hợp loại trừ không được phép bảo hộ theo Hiệp định TRIPS trong WTO (các phương pháp phòng ngừa, chẩn đoán, chữa bệnh cho người và động vật; động vật không phải vi sinh vật, quy trình sản xuất động thực vật trừ quy trình sinh học hoặc vi sinh), TPP bổ sung thêm yêu cầu bắt buộc phải bảo hộ đối với một trong ba đối tượng: chức năng sử dụng mới, phương pháp sử dụng mới, hoặc quy trình sử dụng mới của một sản phẩm đã được biết đến.

TPP khẳng định lại ngoại lệ của WTO về vấn đề này, theo đó một nước Thành viên có thể loại trừ khỏi phạm vi bảo hộ các đối tượng nhất định nếu việc ngăn chặn khai thác thương mại trên lãnh thổ nước mình các đối tượng này là cần thiết để bảo vệ trật tự công cộng hoặc đạo đức, bao gồm cả việc bảo vệ sức khỏe, tính mạng động thực vật hoặc để tránh những thiệt hại đáng kể đối với thiên nhiên, môi trường. Do đó, trong các trường hợp cần thiết vì lợi ích công cộng, Việt Nam vẫn có thể sử dụng ngoại lệ này để từ chối bảo hộ một hoặc một số đối tượng nhất định (trong đó được hiểu là có thể có các hình thức sử dụng mới của các dược phẩm).



## LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Liên quan tới sáng chế, yêu cầu được cho là khó khăn nhất của TPP là không chỉ bảo hộ độc quyền sáng chế đối với các “sản phẩm mới” mà bảo hộ “chức năng sử dụng mới”, “phương pháp sử dụng mới”, hoặc “quy trình sử dụng mới” của một sản phẩm đã được biết đến.

Đây vốn là vấn đề gây lo ngại trong quá trình đàm phán TPP, chủ yếu xuất phát từ những nguy cơ gắn với bảo hộ sáng chế trong lĩnh vực dược phẩm. Cụ thể, nhiều chuyên gia cho rằng việc bảo hộ các hình thức sử dụng mới đối với các dược phẩm sắp hết thời gian bảo hộ độc quyền sẽ dẫn tới tình trạng cứ sắp hết thời hạn bảo hộ một loại thuốc thì chủ sở hữu sáng chế lại tiếp tục đăng ký bảo hộ cho một hình thức sử dụng mới (ví dụ từ thuốc uống sang thuốc xịt...) hoặc dạng mới (ví dụ từ dạng viên nén sang dạng bột, lỏng...) của chính loại thuốc đó, từ đó kéo dài thêm nhiều lần thời hạn bảo hộ (gọi là hiện tượng “evergreen”). Thuốc càng được bảo hộ bản quyền lâu thì càng giữ giá cao (do trong thời gian bảo hộ, ai muốn sản xuất thuốc đó đều phải trả phí bản quyền, giá thuốc công theo phí này sẽ cao; khi hết thời hạn bảo hộ thì thuốc thành “generic”, có thể được sản xuất mà không phải trả phí bản quyền). Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng hiện tượng evergreen này không dễ xảy ra, do mặc dù mở rộng về đối tượng được bảo hộ nhưng bản thân các đối tượng này vẫn phải đáp ứng các tiêu chí bảo hộ như tính mới, tính sáng tạo, khả năng áp dụng công nghiệp.

Dù vậy, với việc mở rộng đối tượng bảo hộ ra cho cả các sản phẩm đã có, TPP chắc chắn mang lại nhiều lợi ích hơn cho các doanh nghiệp có sáng chế trong khi có thể ảnh hưởng bất lợi với các doanh nghiệp không hoặc có ít hoạt động nghiên cứu, sáng chế mà chỉ chủ yếu sản xuất thuốc hết bảo hộ (thuốc generic).

Cũng với quy định này, giá thuốc (đặc biệt là các biệt dược, vốn là đối tượng của các sáng chế độc quyền) ở Việt Nam và các nước TPP có thể sẽ cần thời gian lâu hơn để có thể giảm xuống (khi được sản xuất đại trà). Vì vậy, các bệnh nhân, bệnh viện và các chương trình hỗ trợ về dược phẩm sẽ phải chú ý điều chỉnh và sẵn sàng cho tình hình này.

## Các ngoại lệ đối với quyền của chủ sáng chế được TPP thừa nhận?

58

Mặc dù TPP mở rộng đối tượng được bảo hộ sáng chế cũng như giảm bớt các điều kiện bảo hộ, qua đó giúp gia tăng mức bảo hộ cho các chủ thể quyền (chủ sở hữu sáng chế), TPP vẫn tiếp tục khẳng định các ngoại lệ (cho phép hạn chế quyền của chủ sở hữu sáng chế) theo Hiệp định TRIPS của WTO, bao gồm:

### ■ Hạn chế vì lợi ích công cộng:

Các nước được hạn chế quyền độc quyền của chủ sở hữu trong một số trường hợp nhất định nếu hạn chế đó không mâu thuẫn một cách bất hợp lý với quá trình khai thác bình thường của sáng chế và không gây thiệt hại bất hợp lý cho lợi ích của chủ sở hữu, có tính đến lợi ích hợp pháp của các bên thứ ba;

### ■ Quyền sử dụng không cần xin phép chủ sở hữu:

Các nước có thể cho phép các chủ thể khác sử dụng sáng chế mà không có sự đồng ý của chủ sở hữu theo các điều kiện nhất định (ví dụ Nhà nước chỉ cho phép việc sử dụng này theo từng trường hợp; và nếu người xin phép trước đó đã cố gắng đàm phán với chủ sở hữu theo giá thị trường nhưng không thành công; nếu phạm vi và thời gian sử dụng không vượt quá mục tiêu được cho phép; nếu không chuyển tiếp quyền cho chủ thể khác; và chủ sở hữu phải được hưởng đền bù tính theo giá trị kinh tế...).

## LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Đối với các chủ sở hữu sáng chế, quy định về các ngoại lệ này chắc chắn sẽ làm giảm các quyền cũng như lợi ích liên quan của chủ sở hữu. Tuy nhiên, đây không phải là quy định mới của TPP, chỉ nhắc lại các quy định đã có của TRIPS. Vì vậy cơ bản không làm thay đổi quyền lợi của chủ sở hữu sáng chế.

Đối với các chủ thể sử dụng sáng chế (ví dụ doanh nghiệp sử dụng sáng chế, người bệnh sử dụng thuốc...), do các tiêu chuẩn bảo hộ quyền cho chủ sở hữu sáng chế đã được tăng lên đáng kể trong TPP, các chủ thể này càng cần đặc biệt chú ý đến việc tìm hiểu, vận dụng các trường hợp ngoại lệ mà WTO và TPP cho phép để sử dụng sáng chế trong trường hợp cần thiết.

Đặc biệt, đối với các doanh nghiệp sử dụng sáng chế cho các mục đích riêng, trong khi ngoại lệ về lợi ích công cộng khó sử dụng, cần chú ý ngoại lệ liên quan tới quyền sử dụng sáng chế mà không cần xin phép chủ sở hữu.

## 59

## Các yêu cầu của TPP về thủ tục đăng ký sáng chế?

Không chỉ mở rộng đối tượng bảo hộ, liên quan tới việc bảo hộ sáng chế, TPP còn đặt ra một số yêu cầu cụ thể đối với quy trình cấp bảo hộ mà các nước buộc phải tuân thủ, ví dụ:

- Trường hợp có nhiều chủ thể độc lập tạo ra cùng một sáng chế thì tiêu chí áp dụng là “ai tới trước được cấp trước”;
- Phải công bố công khai các đơn đăng ký bảo hộ trong vòng 18 tháng kể từ ngày nộp đơn, bao gồm cả việc công bố chi tiết các kết quả nghiên cứu – thử nghiệm; các thông tin khác không mật mà chủ thể đăng ký đã nộp; các trích dẫn chi tiết về tuyên bố của người nộp đơn và các bên thứ ba về các nội dung bảo hộ, không bảo hộ...;
- Trường hợp có chậm trễ bất hợp lý (ví dụ quá 5 năm kể từ ngày nộp đơn, quá 3 năm kể từ ngày yêu cầu xem xét đơn...) trong quá trình xem xét cấp bằng bảo hộ sáng chế thì phải có biện pháp để điều chỉnh thời gian bảo hộ bằng sáng chế nhằm bù đắp cho thời gian chậm trễ, nếu chủ thể nộp đơn có yêu cầu. Riêng với nghĩa vụ này, Việt Nam có bảo lưu, chỉ phải tuân thủ cam kết này sau 3 năm kể từ ngày TPP có hiệu lực; với đăng ký bảo hộ nông hóa phẩm thì lộ trình này là 5 năm;
- Các căn cứ để hủy, rút lại hoặc vô hiệu một bằng sáng chế đã cấp phải đồng thời là các căn cứ để từ chối cấp bằng sáng chế.



### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Phần lớn các yêu cầu về thủ tục đăng ký sáng chế trong TPP được thiết kế theo hướng tạo thuận lợi hơn cũng như đảm bảo tốt hơn quyền lợi cho người đăng ký bằng sáng chế.

Như vậy, các chủ thể sở hữu sáng chế sẽ được lợi hơn từ các yêu cầu này của TPP. Tuy nhiên, nhóm có lợi ích đối lập cũng được lợi hơn từ các yêu cầu mang tính minh bạch trong thủ tục này, bởi điều này tạo cơ hội để biết và thực hiện thủ tục phản đối việc đăng ký, nếu thấy sáng chế đang đề nghị bảo hộ không đáp ứng các điều kiện pháp luật quy định để được bảo hộ.



## TPP có bảo hộ đặc thù gì đối với Nông hóa phẩm?

60

Bên cạnh hệ thống các tiêu chuẩn cho các loại đối tượng tài sản SHTT, TPP có quy định về tiêu chuẩn và cách thức bảo hộ một số khía cạnh của quyền SHTT với một số loại sản phẩm SHTT nhất định mà các nước TPP đều quan tâm. Nông hóa phẩm (tức là sản phẩm hóa chất trong nông nghiệp, ví dụ phân bón, thuốc bảo vệ thực vật...) là một trong số đó.

Cụ thể, TPP có cam kết riêng về thời hạn bảo hộ đối với Kết quả thử nghiệm và các dữ liệu khác về tính an toàn/hiệu quả của nông hóa phẩm chưa công khai – còn gọi là “Độc quyền dữ liệu”.

Cụ thể, trong TPP các nước cam kết đảm bảo:

- Nếu chủ thể nộp đơn xin Giấy phép lưu hành cho một nông hóa phẩm mới phải cung cấp các **kết quả thử nghiệm hoặc dữ liệu khác chưa công bố về mức độ an toàn và hiệu quả của sản phẩm** đó cho Cơ quan cấp phép thì Cơ quan này sẽ không được dựa trên các thông tin hoặc Giấy phép lưu hành này để cho phép chủ thể khác lưu hành cùng sản phẩm hoặc sản phẩm tương tự trong ít nhất là **10 năm** trừ khi được chủ thể này đồng ý (nghĩa vụ non-reliance);
- Quy định tương tự đối với trường hợp cho phép lưu hành dựa trên việc nộp **bằng chứng về việc đã được cấp phép lưu hành trên thị trường nước ngoài**, thời hạn bảo hộ là 10 năm kể từ ngày cấp phép lưu hành mới.

### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Các quy định về độc quyền dữ liệu đối với nông hóa phẩm đăng ký lưu hành về cơ bản sẽ tạo ra lợi thế lớn cho các chủ thể lần đầu đưa ra dữ liệu thử nghiệm khi đăng ký lưu hành nông hóa phẩm. Bởi sau khi người này đã được cấp phép lưu hành thành công nông hóa phẩm đó, trong thời hạn bảo hộ (10 năm), tất cả các chủ thể sau đó muốn đăng ký lưu hành cùng loại nông hóa phẩm đó sẽ không được sử dụng cùng một dữ liệu thử nghiệm đó nữa (dù có thể dữ liệu thử nghiệm đó thực chất là dữ liệu công khai, đáng tin cậy, và việc thử nghiệm lại cũng chỉ cho kết quả tương tự). Nói cách khác, trong thời gian bảo hộ độc quyền dữ liệu thử nghiệm liên quan, các chủ thể khác muốn đăng ký lưu hành sẽ phải tốn chi phí cho việc xây dựng dữ liệu thử nghiệm riêng của mình để đưa vào hồ sơ đăng ký lưu hành sản phẩm.

Như vậy, giá của nông hóa phẩm bán trên thị trường sẽ cao hơn so với khi chưa có quy định về độc quyền dữ liệu thử nghiệm này. Người nông dân và các doanh nghiệp sử dụng nông hóa phẩm sẽ phải chịu các chi phí tăng thêm trên giá nông hóa phẩm vì lý do này.

## 61

## TPP có bảo hộ đặc thù gì đối với Dược phẩm?

Dược phẩm là sản phẩm SHTT được quan tâm nhất và cũng gây tranh cãi nhất trong đàm phán về SHTT trong TPP. Kết quả đàm phán TPP về vấn đề này được cho là sự thỏa hiệp giữa (i) yêu cầu nâng mức bảo hộ và quyền của chủ sở hữu sáng chế dược phẩm của một số nước Thành viên TPP mạnh về chế tạo, sản xuất, xuất khẩu dược phẩm và (ii) mong muốn bảo vệ tốt hơn sức khỏe cộng đồng qua việc duy trì khả năng tiếp cận của công chúng với dược phẩm có giá hợp lý của các nước TPP còn lại, đặc biệt là với những nước có trình độ phát triển hạn chế như Việt Nam.

TPP đã đi đến cam kết cuối cùng về vấn đề này như sau:

- **Về thời hạn bảo hộ:** TPP yêu cầu các nước phải điều chỉnh thời hạn bảo hộ đối với dược phẩm phải xin Giấy phép lưu hành để bù đắp khoảng thời gian bị rút ngắn trong thời hạn bảo hộ thực tế sáng chế do những chậm trễ bất hợp lý trong cấp phép lưu hành (gọi là “bù đắp thời gian chậm trễ”). Việt Nam bảo lưu chỉ thực hiện nghĩa vụ này sau **5 năm** (và có thể yêu cầu gia hạn thêm 01 năm) kể từ khi Hiệp định có hiệu lực;

- **Về độc quyền dữ liệu** (xem thêm ý nghĩa tại Câu 60 về quyền SHTT đối với nông hóa phẩm): TPP yêu cầu các nước phải bảo hộ độc quyền dữ liệu thử nghiệm và dữ liệu khác về tính an toàn và hiệu quả của dược phẩm mà người xin đăng ký lưu hành phải nộp khi làm thủ tục đăng ký lưu hành dược phẩm, (bao gồm cả hóa phẩm và sinh phẩm y tế) trong thời hạn là **3 năm, 5 năm hoặc 8 năm** cho các loại thông tin dữ liệu và dược phẩm khác nhau (trong đó đối với sinh phẩm thời hạn này là 8 năm, hoặc 5 năm nếu kèm theo một số biện pháp cụ thể đảm bảo hiệu quả bảo hộ tương đương).

Chú ý là các **thời hạn bảo hộ độc quyền dữ liệu** (khi xin phép lưu hành dược phẩm) này độc lập với **thời hạn bảo hộ độc quyền sáng chế**. Điều này có nghĩa là ngay cả khi sản phẩm liên quan hết hạn bảo hộ độc quyền sáng chế tại Việt Nam nhưng vẫn còn thời hạn bảo hộ độc quyền dữ liệu thì các chủ thể khác vẫn không được phép sử dụng các thông tin được bảo hộ để đăng ký lưu hành sản phẩm tương tự hoặc giống hệt.

Việt Nam bảo lưu chỉ thực hiện nghĩa vụ bảo hộ độc quyền dữ liệu dược phẩm này (bao gồm cả dược phẩm sinh học) sau 10 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, có thể yêu cầu gia hạn thêm 2 năm, và quyền không bị kiện về vấn đề này trong vòng 3 năm sau đó. Tuy nhiên, riêng với Hoa Kỳ, Việt Nam đã cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ bảo hộ dữ liệu đối với dược phẩm mới có chứa thành tố sinh học ngay khi Hiệp định có hiệu lực với thời hạn bảo hộ ít nhất là 05 năm như đã cam kết trong Hiệp định thương mại song phương Việt Nam – Hoa Kỳ năm 2000.

### ■ Về việc xem xét cấp phép lưu hành các dược phẩm tương tự với dược phẩm đã cho lưu hành:

Bên cạnh việc quy định riêng rẽ về các tiêu chuẩn bảo hộ sáng chế nói chung (trong đó có sáng chế về dược phẩm) và tiêu chuẩn bảo hộ độc quyền dữ liệu đối với dược phẩm đăng ký lưu hành, TPP còn bổ sung thêm yêu cầu bảo hộ gắn 02 quá trình này với nhau.

Cụ thể, TPP yêu cầu Cơ quan cấp phép lưu hành dược phẩm của các nước TPP, trước khi cấp phép lưu hành cho một dược phẩm dựa trên các dữ liệu thử nghiệm đã được xuất trình trước đó cho Cơ quan này, thì phải:

- Hoặc là có cơ chế để thông báo điều này cho chủ sở hữu bằng sáng chế (bao gồm cả chủ thể được chuyển giao hợp pháp bằng sáng chế hoặc chủ thể hợp pháp của giấy phép lưu hành) để họ biết mà tự bảo vệ quyền; dành thời gian và cơ hội hợp lý để chủ sở hữu bằng sáng chế thực hiện các hành động bảo vệ quyền; và nếu sản phẩm đang xin phép lưu hành bị nghi là có vi phạm độc quyền sáng chế thì phải dành cho chủ sở hữu cơ hội và thời gian hợp lý để yêu cầu bồi thường cũng như có cơ chế hành chính hoặc tố tụng để giải quyết các yêu cầu bồi thường này;
- Hoặc là phải thiết lập hoặc duy trì một cơ chế ngoài Tòa án cho phép loại trừ việc lưu hành dược phẩm, nếu không được sự đồng ý của chủ sáng chế (cơ chế này có phối hợp giữa cơ quan bảo hộ sáng chế với cơ quan đăng ký lưu hành và thông tin liên quan từ các cơ quan này).

## LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Các quy định bổ sung của TPP về bảo hộ sáng chế và độc quyền dữ liệu dược phẩm được đánh giá là tăng cường ở mức rất cao quyền của các chủ sở hữu quyền trong lĩnh vực này ở cả khía cạnh phạm vi quyền, thời gian bảo hộ quyền và cách thức thực thi bảo vệ quyền.

Với các doanh nghiệp sở hữu độc quyền sáng chế với dược phẩm hoặc giữ quyền đăng ký lưu hành đầu tiên, cam kết TPP mang lại lợi thế rất lớn, kèm theo đó là các lợi ích vật chất gắn với phí bản quyền và giá sản phẩm.

Người sử dụng các sản phẩm dược, các doanh nghiệp sản xuất thuốc đại trà, hoặc đăng ký lưu hành dược phẩm sau (chiếm đa số ở Việt Nam)... được cho là sẽ gặp khó khăn nhiều hơn khi Việt Nam thực hiện các cam kết trong TPP về vấn đề này do giá thuốc cao và/hoặc lâu giảm do phải gánh thêm các chi phí liên quan tới đăng ký lưu hành.

## 62

## TPP có quy định gì về tiêu chuẩn bảo hộ quyền tác giả và các quyền liên quan?

Liên quan tới việc bảo hộ quyền tác giả và các quyền liên quan, có thể kể ra một số cam kết trong TPP đáng chú ý sau:

### ■ Về phạm vi quyền của chủ sở hữu và các ngoại lệ:

TPP bảo hộ quyền độc quyền của tác giả, người biểu diễn, người sản xuất trong việc cho phép hoặc cấm sao chép, truyền đạt tới công chúng, phân phối và phát sóng các tác phẩm của mình.

Một điểm được nhấn mạnh trong TPP là quyền của các chủ thể này đối với cùng một tác phẩm là ngang nhau, không ai được ưu tiên hơn ai. Như vậy, trường hợp một tác phẩm thuộc quyền của cả tác giả, người biểu diễn và nhà sản xuất bản ghi âm/ghi hình thì việc sử dụng tác phẩm này có thể phải được sự cho phép của tất cả các chủ thể này.

Tuy nhiên, TPP cũng đồng thời yêu cầu các nước Thành viên phải đảm bảo một sự cân đối nhất định giữa quyền của chủ sở hữu với các mục tiêu công cộng khác (các ngoại lệ). Vì vậy, các ngoại lệ đối với các quyền tác giả và quyền liên quan có thể được áp dụng theo cách thức và điều kiện thích hợp (sử dụng một phần hoặc toàn bộ tác phẩm nhằm phục vụ cho các hoạt động như phân tích, bình luận, báo cáo, giảng dạy, nghiên cứu, tạo điều kiện để người khuyết tật tiếp cận tác phẩm...).

### ■ Về thời hạn bảo hộ:

Theo cam kết trong TPP, đối với trường hợp chủ sở hữu quyền là cá nhân, thời hạn bảo hộ là cả cuộc đời cá nhân đó cộng thêm 70 năm kể từ ngày chết (riêng Việt Nam chỉ phải thực hiện cam kết này sau 5 năm kể từ ngày TPP có hiệu lực). Đối với trường hợp không phải cá nhân, thời hạn bảo hộ là 70 năm kể từ thời điểm công bố lần đầu tác phẩm; nếu tác phẩm không được công bố trong vòng 25 năm kể từ ngày được tạo ra thì thời hạn này là 70 năm kể từ ngày tác phẩm được tạo ra.

## LƯU Ý DOANH NGHIỆP

---

Việc TPP gia hạn thời gian bảo hộ quyền tác giả và các quyền liên quan thêm 20 năm so với pháp luật hiện hành đồng nghĩa với việc các chủ thể quyền được kéo dài thêm các lợi ích liên quan tới các tác phẩm của mình 20 năm nữa (đối với trường hợp chủ thể quyền không phải cá nhân, gia hạn thêm 20 năm tức là thời gian được bảo hộ tăng lên tới 40% so với trước đây). Đối với các tác giả và doanh nghiệp chủ sở hữu quyền, đây là cam kết mang đến lợi ích đáng kể.

Đối với các trường hợp sử dụng các tác phẩm, sản phẩm giải trí, kiến thức khoa học, công nghệ, giáo dục... được bảo hộ quyền tác giả và các quyền liên quan, sẽ phải đợi thêm 20 năm để có thể tiếp cận miễn phí các sản phẩm này.

## 63

## TPP có quy định gì đối với các hành vi làm cơ sở để vi phạm quyền tác giả và các quyền liên quan (hành vi xâm phạm TPM và RMI)?

Liên quan tới quyền tác giả và các quyền liên quan, TPP có các cam kết nhằm bảo vệ các quyền này thông qua việc ngăn chặn các hành vi làm tiền đề/công cụ cho việc xâm phạm các quyền này (ví dụ hành vi phá, dỡ, vô hiệu hóa các công nghệ bảo vệ - technological protection measures - TPM; hành vi xâm phạm thông tin quản lý quyền - rights management information - RMI). Nói cách khác, không chỉ các quyền tác giả và quyền liên quan được bảo hộ mà các công nghệ được sử dụng để bảo vệ các sản phẩm này và các thông tin về quyền tác giả/quyền liên quan ghi sẵn trên sản phẩm cũng sẽ được bảo hộ ở mức độ cao trước các hành vi vi phạm.

Cụ thể, TPP yêu cầu các nước Thành viên:

- Phải có các biện pháp xử lý hình sự và yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với các hành vi cố ý phá mã, hoặc tạo ra, nhập khẩu, phân phối, chào bán hoặc cho thuê các phương pháp, công cụ, phần mềm để phá mã các sản phẩm đã được chủ sở hữu quyền khóa mã để hạn chế sử dụng và bảo vệ quyền SHTT (TPM) nhằm mục đích thương mại hoặc thu lợi.

Các quy định về biện pháp hình sự và bồi thường thiệt hại trong TPP (trừ quy định về các chủ thể được hưởng ngoại lệ) cũng áp dụng đối với các hành vi dỡ bỏ hoặc làm thay đổi các thông tin về quyền SHTT - các RMI (ví dụ thông tin về tác giả, về bản quyền, về điều kiện sử dụng...).

- Trường hợp như nêu ở trên nhưng không phải nhằm mục đích thương mại hay thu lợi thì mặc dù không bắt buộc phải áp dụng biện pháp hình sự nhưng vẫn phải bồi thường thiệt hại.
- Ngoại lệ: TPP ghi nhận các trường hợp ngoại lệ không phải chịu các biện pháp xử lý hình sự (ví dụ các thư viện, bảo tàng, viện lưu trữ, cơ sở đào tạo, cơ sở truyền thông công cộng phi lợi nhuận), thậm chí các cơ sở này có thể không phải chịu cả các biện pháp bồi thường thiệt hại nếu họ thực hiện các hành vi này một cách ngay tình và không biết là chúng bị cấm.

## LƯU Ý DOANH NGHIỆP

---

Quy định về biện pháp xử lý bắt buộc với các hành vi cố ý phá mã, hoặc tạo ra, nhập khẩu, phân phối, chào bán hoặc cho thuê các phương pháp, công cụ, phần mềm để phá mã các sản phẩm đã được chủ sở hữu quyền khóa mã để hạn chế sử dụng và bảo vệ quyền SHTT (TPM) hay hành vi dờ bò hoặc làm thay đổi các thông tin về quyền SHTT là quy định đáng chú ý trong TPP so với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

Cụ thể, việc xử lý sẽ không chỉ dừng lại ở việc phạt hành chính như hiện hành mà còn có cả bồi thường thiệt hại, thậm chí xử lý hình sự. Vì vậy, có thể nói với TPP, các hành vi vi phạm này sẽ bị xử lý nghiêm khắc hơn nhiều so với hiện tại.

## 64

### TPP có yêu cầu gì về bảo hộ kiểu dáng công nghiệp?

---

TPP yêu cầu các nước Thành viên phải bảo hộ đầy đủ và hiệu quả kiểu dáng công nghiệp, bao gồm cả các kiểu dáng được thể hiện ở một phần của sản phẩm hoặc một phần của một sản phẩm nằm trong tổng thể toàn bộ sản phẩm, nhưng vẫn đảm bảo tuân thủ quy định của WTO về vấn đề này.

Ngoài ra, TPP cũng khuyến khích các nỗ lực tăng cường bảo hộ kiểu dáng công nghiệp và cải thiện chất lượng và hiệu quả của cơ chế đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp.



#### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

---

Pháp luật Việt Nam hiện mới quy định chung về đối tượng bảo hộ kiểu dáng công nghiệp, theo đó “kiểu dáng công nghiệp là hình dáng bên ngoài của sản phẩm”, mà không quy định rõ về việc bảo hộ riêng kiểu dáng của một bộ phận nhìn thấy được của sản phẩm.

Do đó, để thực hiện TPP, sắp tới các quy định của pháp luật nội địa về kiểu dáng công nghiệp sẽ phải được điều chỉnh để chi tiết hơn về vấn đề này. Điều này sẽ giúp tăng cường việc bảo vệ quyền các doanh nghiệp có sản phẩm đã đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp trước các hiện tượng nhái một phần, một bộ phận kiểu dáng của sản phẩm đã đăng ký, gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng vốn khá phổ biến hiện nay.



## Các yêu cầu của TPP về thực thi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ?

65

Một trong những nội dung đáng lưu ý về SHTT trong TPP là vấn đề thực thi bảo hộ các quyền SHTT. Đây là vấn đề được cho là khá lỏng lẻo trong WTO và nhiều FTA trước đây và bị thắt chặt trong Hiệp định này.

Cụ thể, TPP đặt ra các yêu cầu mới, chi tiết về 05 nhóm vấn đề liên quan tới thực thi bảo hộ quyền SHTT sau:

### (i) Các cam kết về nguyên tắc chung liên quan tới thực thi quyền SHTT

Nhóm này bao gồm các nguyên tắc chung liên quan tới việc thực thi như phải thiết lập hệ thống pháp luật về các biện pháp xử lý các hành vi vi phạm SHTT hay phải đảm bảo triển khai các biện pháp thực thi một cách công bằng, thủ tục đơn giản, nhanh chóng, ít tốn kém, không tạo ra rào cản đối với thương mại và có cách thức để hạn chế lạm dụng.

Tuy nhiên, các nước TPP vẫn có quyền tự chủ trong việc xác định cách thức thực hiện các biện pháp thực thi và bảo hộ quyền SHTT này (theo hệ thống riêng hay dùng hệ thống tổ tụng chung).

### (ii) Các cam kết cụ thể liên quan thủ tục thực thi quyền SHTT

Nhóm này bao gồm các cam kết liên quan tới một số các vấn đề cụ thể trong thực thi bảo hộ quyền SHTT, ví dụ:

#### ■ Yêu cầu chung về công khai, minh bạch

TPP yêu cầu rằng các phán quyết/quyết định thực thi về SHTT có giá trị áp dụng chung phải bằng văn bản, nêu rõ các căn cứ thực tế và lập luận pháp lý, phải được công khai cho công chúng...

## 65

### ■ Các biện pháp thực thi SHTT tại biên giới

Các biện pháp thực thi tại biên giới trong TPP ràng buộc trách nhiệm của Nhà nước và chủ thể quyền trong hành động bảo vệ nhãn hiệu thương mại, quyền tác giả và các quyền liên quan tại biên giới, bao gồm:

- Phải cho phép các chủ thể quyền được yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tại biên giới (ví dụ cơ quan hải quan) dừng thông quan, thu giữ sản phẩm nghi ngờ vi phạm và phải có thủ tục với thời hạn hợp lý để cơ quan có thẩm quyền xem xét xác định hàng hóa bị nghi ngờ có thực sự vi phạm SHTT không;
- Chủ thể yêu cầu đình chỉ thông quan hoặc thu giữ sản phẩm nghi ngờ vi phạm phải cung cấp bằng chứng chứng minh thích hợp và các thông tin mà chủ thể này phải biết để giúp cơ quan có thẩm quyền xác định/nhận diện được sản phẩm vi phạm, phải nộp một khoản tiền bảo đảm/bảo chứng đủ để bảo vệ bên bị ngăn chặn và cơ quan có thẩm quyền...;
- Các cơ quan có thẩm quyền tại biên giới phải có thẩm quyền tự khởi xướng các biện pháp thực thi tại biên giới đối với hàng hóa nhập khẩu (không có lộ trình riêng cho Việt Nam), hàng hóa xuất khẩu (lộ trình thực hiện của Việt Nam là 3 năm), hàng hóa quá cảnh (lộ trình 2 năm) nghi ngờ có vi phạm; quyền ra kết luận vi phạm và xử lý tiêu hủy sản phẩm vi phạm kể cả đối với các lô hàng nhỏ (chỉ không bắt buộc đối với trường hợp hành lý phi thương mại của hành khách).

### ■ Yêu cầu về biện pháp xử lý vi phạm theo thủ tục dân sự/hành chính:

TPP quy định một số các nguyên tắc cụ thể liên quan tới thủ tục tố tụng hành chính hoặc tư pháp để bảo vệ quyền SHTT. Ví dụ:

- Chủ sở hữu quyền phải được phép kiện ra Tòa để yêu cầu thi hành các quyền SHTT;
- Các Tòa án phải có quyền yêu cầu chủ thể bị cáo buộc vi phạm phải cung cấp thông tin/bằng chứng vi phạm mà họ đang kiểm soát cho chủ thể quyền hoặc Tòa án; quyền ban hành các lệnh áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để ngăn chặn hàng hóa vi phạm SHTT đưa vào lưu thông thương mại và quyết định buộc bồi thường thiệt hại cho chủ sở hữu...;
- Phải có những quy định cụ thể liên quan tới việc bồi thường thiệt hại cho chủ sở hữu quyền (cách thức xác định các mức bồi thường, các hình thức bồi thường có thể áp dụng...)

- Phải tuân thủ một số quy tắc tố tụng dân sự/hành chính riêng đối với nhãn hiệu thương mại, quyền tác giả và các quyền liên quan, ví dụ: **quy tắc suy đoán về quyền** (người có tên trên sản phẩm được suy đoán là chủ sở hữu quyền tác giả và quyền liên quan; nhãn hiệu thương mại đã đăng ký được suy đoán là có giá trị pháp lý...); **quy tắc về tính toán mức thiệt hại** phải bồi thường (trong đó đáng chú ý là mức bồi thường phải bao gồm cả lợi nhuận mà bên vi phạm thu được từ việc vi phạm); **quy tắc bắt buộc tiêu hủy sản phẩm vi phạm** mà không có bồi thường nếu chủ sở hữu quyền có yêu cầu...

#### ■ Các biện pháp xử lý vi phạm theo thủ tục hình sự

TPP đưa ra các yêu cầu cụ thể về các trường hợp vi phạm SHTT bắt buộc phải xử lý hình sự cùng với các điều kiện kèm theo. Đây là cam kết được coi là có tính cứng rắn nhất nhằm thực thi bảo hộ các quyền SHTT trong các FTA từ trước tới nay.



## LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Mặc dù các tiêu chuẩn bảo hộ SHTT trong pháp luật Việt Nam thời gian qua cơ bản đã phù hợp với Hiệp định TRIPS của WTO, và do đó khá tương đồng với mặt bằng chung về bảo hộ SHTT trên thế giới, vấn đề thực thi bảo hộ các quyền này trên thực tế còn nhiều bất cập. Nguyên nhân có thể là do các cơ chế thực thi chưa đủ mạnh để ngăn chặn, phát hiện hành vi vi phạm, các biện pháp bồi thường chưa đủ lớn để khuyến khích chủ sở hữu quyền tự bảo vệ quyền, hoặc các biện pháp xử lý vi phạm chưa đủ nghiêm khắc...

Thực tế này cũng khiến cho hiện tượng vi phạm SHTT đôi khi phổ biến, và các chủ thể vi phạm SHTT ít quan tâm tới hệ quả của các hành vi vi phạm.

Khi TPP có hiệu lực, hệ thống pháp luật về thực thi SHTT của Việt Nam sẽ buộc phải thay đổi theo các cam kết trong TPP, với nhiều yêu cầu chi tiết về cơ chế, cách thức, các quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan trong quá trình thực thi... Do đó, doanh nghiệp và người dân sử dụng các sản phẩm SHTT cần thay đổi hành vi tương ứng, để tránh việc vi phạm và phải chịu các biện pháp xử phạt nghiêm khắc về SHTT.

## 66

## Quy định của TPP về việc xử lý hình sự đối với vi phạm quyền SHTT?

TPP có yêu cầu xử lý hình sự các vi phạm quyền SHTT ở mức cao và nghiêm khắc hơn nhiều không chỉ so với pháp luật Việt Nam (hiện đang thực hiện theo mức như cam kết trong WTO và Hiệp định thương mại song phương Việt Nam – Hoa Kỳ) mà còn so với nhiều điều ước quốc tế hiện hành về sở hữu trí tuệ.

TPP đặt ra yêu cầu bắt buộc phải xử lý hình sự đối với một số các dạng vi phạm quyền SHTT, chủ yếu tập trung vào các vi phạm đối với **nhãn hiệu thương mại, bí mật thương mại, quyền tác giả và quyền liên quan**, cụ thể:

### ■ Phạm vi các hành vi bị xử lý hình sự:

Các tội hình sự không chỉ áp dụng trực tiếp cho chủ thể thực hiện hành vi vi phạm (ví dụ làm hàng giả hàng nhái, công bố tác phẩm khi chưa được phép của tác giả...) mà còn áp dụng cả với các hành vi liên quan/thúc đẩy việc vi phạm (ví dụ hành vi nhập khẩu, xuất khẩu, phân phối, quảng cáo, bán... các sản phẩm vi phạm SHTT).

### ■ Điều kiện xử lý hình sự (yếu tố cấu thành tội phạm):

Khác với hiện hành, không chỉ các hành vi vi phạm SHTT nghiêm trọng, cố ý, ở quy mô thương mại hoặc nhằm mục đích lợi nhuận mới bị xử lý hình sự, trong một số trường hợp TPP đòi hỏi các nước phải xử lý hình sự cả các vi phạm **không vì lợi ích thương mại/tài chính** nhưng **gây thiệt hại nghiêm trọng** đến lợi ích của chủ sở hữu quyền.

### ■ Nguyên tắc xử lý:

TPP đặt ra một số yêu cầu riêng theo hướng cho phép xử lý và áp tội hình sự nhanh và triệt để với các hành vi vi phạm, trong đó có các nguyên tắc:

- **Xử lý mặc nhiên:** Truy cứu trách nhiệm hình sự không cần yêu cầu của người bị hại;
- **Xử lý tang vật:** TPP có yêu cầu rất chi tiết về việc xử lý hàng hóa xâm phạm quyền SHTT, nguyên liệu, phương tiện đã dùng chủ yếu để sản xuất hàng hóa xâm phạm quyền SHTT, tài sản có được do xâm phạm quyền SHTT (trong đó đáng kể là các biện pháp tịch thu, tiêu hủy);
- **Cung cấp bằng chứng trong quá trình xử lý:** Cơ quan có thẩm quyền phải được trao quyền cung cấp hoặc được phép tiếp cận hàng hóa xâm phạm, nguyên liệu, phương tiện đã dùng chủ yếu để sản xuất hàng hóa xâm phạm và các chứng cứ khác để chủ sở hữu có thể kiện dân sự.

### ■ Biện pháp xử lý hình sự:

TPP yêu cầu biện pháp xử lý hình sự phải bao gồm cả **phạt tù** và **phạt tiền** ở mức đủ lớn để ngăn chặn hành vi vi phạm trong tương lai và biện pháp tiêu hủy các sản phẩm vi phạm. TPP cũng có các quy định chi tiết về cách thức cân nhắc về mức độ xử lý đối với các hành vi này.

Đối với một vài nghĩa vụ trong số này, Việt Nam chỉ phải thực hiện đầy đủ sau 3 năm kể từ ngày TPP có hiệu lực.

## MỘT SỐ NHÓM HÀNH VI VI PHẠM QUYỀN SHTT CÓ THỂ BỊ XỬ LÝ HÌNH SỰ THEO TPP

### 1. Hành vi xâm phạm bí mật thương mại

TPP buộc các nước phải xử lý hình sự ít nhất một trong ba hành vi:

- Cố ý tiếp cận trái phép bí mật thương mại trên hệ thống máy tính;
- Cố ý chiếm đoạt trái phép bí mật thương mại;
- Cố ý bộc lộ trái phép bí mật thương mại

Điều kiện để xử lý hình sự các hành vi này chỉ cần là một trong các trường hợp sau:

- Hành vi nhằm tạo ra lợi thế thương mại hoặc thu được lợi ích tài chính;
- Hành vi liên quan đến sản phẩm dịch vụ thương mại quốc gia hoặc quốc tế (quy mô);
- Hành vi cố ý nhằm gây thiệt hại cho chủ sở hữu;
- Hành vi liên quan đến chủ thể kinh tế của nước ngoài;
- Hành vi gây tổn hại đến lợi ích kinh tế, quan hệ quốc tế hoặc quốc phòng hoặc an ninh quốc gia của Nhà nước

### 2. Hành vi xâm phạm quyền tác giả và quyền liên quan

TPP buộc các nước phải xử lý hình sự với các hành vi sau đây:

- Hành vi cố ý nhập khẩu hoặc xuất khẩu hàng giả mạo nhãn hiệu và hàng sao lậu quyền tác giả và quyền liên quan ở quy mô thương mại (nhằm mục đích thu lợi nhuận, đạt được lợi thế thương mại hoặc gây thiệt hại đáng kể cho chủ thể quyền trên thị trường);

## 66

- Hành vi cố ý nhập khẩu hoặc xuất khẩu hàng hoá giả mạo nhãn hiệu hoặc hàng sao lậu quyền tác giả ở quy mô thương mại;
- Hành vi cố ý nhập khẩu và sử dụng trong thị trường nội địa trong hoạt động thương mại và ở quy mô thương mại nhãn mác hoặc bao gói sản phẩm gắn nhãn hiệu không được phép, trùng hoặc gây nhầm lẫn để sử dụng (trong thương mại) cho hàng hóa/dịch vụ trùng với hàng hóa/dịch vụ đã đăng ký nhãn hiệu;
- Hành vi sao chép trái phép (quay lại) phim trong rạp nếu gây thiệt hại đáng kể trên thị trường cho chủ thể quyền.
- Hành vi giúp sức hoặc xúi giục các hành vi nói trên.

### 3. Hành vi xâm phạm các công cụ bảo vệ quyền (TPM) hoặc thông tin quản lý quyền (RMI)

TPP buộc các nước phải xử lý hình sự với một số hành vi xâm phạm TPM hoặc RMI theo các điều kiện nhất định (Xem thêm Câu 63).

### 4. Hành vi xâm phạm tín hiệu cáp, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa

- Hành vi sản xuất, lắp ráp, biến đổi, nhập khẩu, xuất khẩu, bán, cho thuê, phân phối các thiết bị/hệ thống hỗ trợ việc giải mã trái phép tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa; Hành vi giúp sức hoặc xúi giục các hành vi nói trên.
- Hành vi cố ý tiếp nhận, tiếp tục phân phối tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa nếu biết các tín hiệu này đã bị giải mã trái phép.

## LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Các cam kết trong TPP về xử lý hình sự đối với các hành vi vi phạm SHTT là rất khắt khe, có thể ảnh hưởng trực tiếp tới nhiều đối tượng. Và mặc dù trong một số các trường hợp Việt Nam chưa phải thực hiện ngay các nghĩa vụ này mà có lộ trình khoảng 3 năm, doanh nghiệp và người dân, các đối tượng tham gia vào quá trình sản xuất, xuất nhập khẩu và sử dụng các sản phẩm SHTT cần được cảnh báo đầy đủ về các nguy cơ xử lý hình sự để tránh việc vi phạm (đặc biệt với các trường hợp vi phạm trước nay vốn chỉ bị xử phạt hành chính, sau TPP có thể bị xử lý hình sự).

Đáng chú ý là nếu như trước đây chỉ cá nhân mới bị xử phạt hình sự thì theo quy định mới của Bộ luật Hình sự 2015 thì pháp nhân thương mại (các doanh nghiệp) cũng có thể bị xử phạt hình sự nếu vi phạm một số tội hình sự nhất định, trong đó có tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia, thuốc phòng/chữa bệnh, thức ăn chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật... Doanh nghiệp rất cần chú ý tới các thay đổi pháp luật nội địa hiện nay và các cam kết TPP về xử lý hình sự đối với vi phạm SHTT trong tương lai để có biện pháp tuân thủ phù hợp.

Đối với các cá nhân, cần chú ý là theo cam kết TPP, biện pháp xử lý hình sự có thể sẽ áp dụng cả với những hành vi vốn trước đây được xem là nhỏ, ở diện hẹp (ví dụ không ở quy mô thương mại, không nhằm mục đích lợi nhuận).

## Các biện pháp thực thi đối với một số quyền SHTT trong lĩnh vực phần mềm, chương trình vệ tinh, môi trường mạng?

67

Liên quan tới việc thực thi bảo hộ quyền SHTT đối với một số loại sản phẩm phần mềm, chương trình vệ tinh hoặc các vi phạm trên môi trường mạng, TPP có một số quy định riêng. Cụ thể:

- **Buộc xử lý hình sự** đối với một số hình thức vi phạm về bí mật thương mại (thông qua hệ thống máy tính), các chương trình vệ tinh đã được mã hóa, tín hiệu cáp quang. Việt Nam sẽ có lộ trình 2-3 năm để thực hiện các nghĩa vụ này.

- **Về trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ Internet:** TPP có một số quy định cụ thể về trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ Internet liên quan tới các tác phẩm vi phạm SHTT trên Internet, trong đó đặc biệt nhấn mạnh nghĩa vụ của các nhà cung cấp dịch vụ Internet phải nhanh chóng dỡ bỏ hoặc dừng cho truy cập vào các dữ liệu được lưu trữ trong hệ thống của mình ngay khi biết là dữ liệu đó vi phạm SHTT rõ ràng (ví dụ khi nhận được thông báo của chủ sở hữu quyền).

Theo yêu cầu trong TPP, nhà cung cấp dịch vụ Internet sẽ bị phạt tiền nếu không thực hiện nghĩa vụ này, chủ sở hữu quyền thông báo sai lệch/gian lận cho nhà cung cấp dịch vụ Internet cũng sẽ bị phạt tiền. Tuy nhiên, Việt Nam sẽ chỉ phải thực hiện các nghĩa vụ này sau 3 năm kể từ ngày TPP có hiệu lực.

- **Về chương trình phần mềm mà Chính phủ sử dụng:**

TPP có một điều khoản riêng về việc sử dụng các chương trình phần mềm máy tính của Chính phủ, theo đó các nước phải ban hành và thực thi các quy định pháp luật bắt buộc các cơ quan Nhà nước ở trung ương chỉ sử dụng phần mềm máy tính không vi phạm bản quyền và phải sử dụng theo cách thức được phép.



## LƯU Ý DOANH NGHIỆP

---

Trong số các quy định mới của TPP về thực thi bảo hộ quyền SHTT trên môi trường mạng, đáng chú ý có quy định về trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ Internet, những người không tạo ra, kiểm soát, phát tán...các sản phẩm vi phạm SHTT nhưng lại cung cấp môi trường để lưu chuyển, lưu trữ, phát tán các sản phẩm vi phạm.

Quy định của TPP gia tăng trách nhiệm, nghĩa vụ của các nhà cung cấp dịch vụ Internet so với hiện tại, thậm chí là nghĩa vụ hành động ngay khi được chủ sở hữu quyền thông báo (chứ không phải đợi tới quá trình xác minh tính xác thực hay thông báo cho người liên quan và chờ họ tự rút...).

Do đó, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet của Việt Nam cần đặc biệt chú ý tới quy định này.





## Lao động và Môi trường

138 I. Lao động

144 II. Môi trường

## 68

## TPP đặt ra các tiêu chuẩn lao động bắt buộc nào?

Chương Lao động trong TPP không đặt ra tiêu chuẩn lao động mới mà chủ yếu viện dẫn chủ yếu tới các tiêu chuẩn lao động trong **Tuyên bố 1998 của ILO về Những nguyên tắc và quyền cơ bản trong lao động**.

Cụ thể, TPP yêu cầu các nước thành viên phải đảm bảo trong pháp luật và thực tiễn của mình các nguyên tắc về quyền lao động thuộc 02 nhóm sau đây:

### (i) Nhóm các nguyên tắc trong Tuyên bố của ILO năm 1998, bao gồm:

- Quyền tự do liên kết và thương lượng tập thể của người lao động và người sử dụng lao động;
- Xóa bỏ lao động cưỡng bức và lao động bắt buộc;
- Cấm sử dụng lao động trẻ em, xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất;
- Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử về việc làm và nghề nghiệp.

Mặc dù vậy, liên quan tới các cam kết nhóm này, bên cạnh cam kết chung như tất cả các nước, Việt Nam lại có cam kết riêng với Hoa Kỳ về một **Kế hoạch Tăng cường Thương mại và Quan hệ lao động** cụ thể trong Khung khổ Thư song phương giữa hai Bên.

### (ii) Nhóm các nguyên tắc về điều kiện lao động “chấp nhận được”

Nhóm này bao gồm các quy định về lương tối thiểu, giờ làm việc, các vấn đề về an toàn lao động và sức khỏe của người lao động.

Mặc dù TPP yêu cầu các nước Thành viên phải có quy định về các vấn đề này nhưng TPP lại không ràng buộc các nước ở cách thức cũng như mức độ (ví dụ không quy định cụ thể “điều kiện lao động chấp nhận được” là điều kiện nào), vì vậy việc thực hiện là linh hoạt, tùy thuộc vào giải thích của từng nước. Pháp luật Việt Nam hiện đã có các quy định về những vấn đề này.

Kế hoạch hành động về lao động giữa Việt Nam và Hoa Kỳ hầu như không đề cập gì tới nhóm nghĩa vụ này.

## LƯU Ý DOANH NGHIỆP

---

Trong tổng thể, có thể nói các cam kết về lao động trong TPP không đặt ra yêu cầu nào mới hay quá cao. Cụ thể, trừ vấn đề về quyền tự do liên kết của người lao động, các vấn đề khác về cơ bản đã được quy định trong pháp luật Việt Nam, vì vậy việc thực thi sẽ không tạo ra thay đổi quá lớn trên thực tế.

Mặc dù vậy, với các cam kết theo hướng này, các tiêu chuẩn lao động ở Việt Nam trong tương lai, đặc biệt liên quan tới các quyền tự do của người lao động và điều kiện lao động sẽ chỉ gia tăng thêm chứ không giảm bớt so với hiện tại.

Do đó, các doanh nghiệp cần lưu ý tới định hướng này để có sự chuẩn bị thích hợp.

## I. Lao động

### 69

## Việt Nam và Hoa Kỳ có cam kết riêng gì về lao động?

Bên cạnh các quy định chung, áp dụng cho tất cả các nước thành viên TPP nêu trong Chương lao động của TPP, Việt Nam có thêm cam kết riêng với Hoa Kỳ về một **Kế hoạch Tăng cường Thương mại và Quan hệ lao động** cụ thể trong Khung khổ Thư song phương giữa hai Bên đi kèm Văn kiện TPP.

**Kế hoạch** này không đặt ra các nghĩa vụ mới cho Việt Nam nhưng nêu rõ các yêu cầu, mục tiêu cụ thể mà Việt Nam phải thực hiện để tuân thủ từng cam kết bắt buộc trong TPP, đặc biệt tập trung vào cam kết về quyền tự do liên kết của người lao động và các thiết chế, cơ chế, nguồn lực để thực thi một cách có hiệu quả quyền này.

Ví dụ, liên quan tới quyền tự do liên kết của người lao động, Kế hoạch này yêu cầu Việt Nam phải quy định cụ thể trong pháp luật của mình về:

- Quyền thành lập công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp của người lao động mà không phải xin phép trước;
- Quyền của công đoàn cơ sở được lựa chọn đăng ký hoạt động với Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam hoặc đăng ký với cơ quan có thẩm quyền để hoạt động độc lập;
- Quyền tự quyết của công đoàn cơ sở đăng ký hoạt động độc lập trong bầu đại diện, xây dựng quy chế hoạt động, tổ chức quản lý, thực hiện các hoạt động đại diện...;
- Quyền của công đoàn cơ sở đăng ký hoạt động độc lập được liên kết với nhau ở cấp cao hơn (cấp ngành/vùng);
- Một Tổ chức công đoàn cấp trên không có quyền đại diện đương nhiên đối với những người lao động không tham gia công đoàn nào, và chỉ có quyền đại diện cho những người có đề nghị đại diện...

Với cam kết trong Kế hoạch này, nghĩa vụ của Việt Nam về lao động trong TPP là khá cụ thể và chi tiết, không chỉ về nội dung các nghĩa vụ mà còn cả về cách thức thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

Hơn nữa, Việt Nam cam kết thực hiện tất cả các nội dung trong Kế hoạch về cải cách pháp luật và thể chế lao động (tức là gần như tất cả các cam kết trong Chương lao động của TPP nhưng ở mức chi tiết hơn) trước khi Hiệp định có hiệu lực giữa Việt Nam và Hoa Kỳ.

## Các cam kết khác về lao động trong TPP?

70

Bên cạnh các quy định về các tiêu chuẩn lao động, TPP có một số cam kết khác liên quan tới lao động, trong đó phần lớn là các cam kết mang tính khuyến nghị (không bắt buộc) về việc cải thiện điều kiện lao động, hợp tác giữa các nước TPP trong lĩnh vực lao động...

Tuy nhiên cũng có một số cam kết bắt buộc, ví dụ cam kết về việc thiết lập cơ chế để các tổ chức, cá nhân có thể đệ trình các yêu cầu về các vấn đề liên quan tới việc thực thi Chương lao động của TPP và các cơ quan Nhà nước phải cân nhắc, xem xét trả lời các đệ trình này phù hợp với pháp luật của các nước thành viên.

Đặc biệt TPP quy định 01 quy trình riêng để các nước TPP tham vấn với nhau và giải quyết các vướng mắc liên quan tới việc thực thi Chương Lao động của TPP trong khuôn khổ Hội đồng Lao động của TPP; chỉ khi tranh chấp không thể giải quyết theo quy trình này thì các nước TPP mới có thể sử dụng tới quy trình Giải quyết tranh chấp Nhà nước – Nhà nước trong TPP.

## Nếu không tuân thủ các cam kết về lao động trong TPP thì Việt Nam sẽ phải chịu hệ quả gì?

Liên quan tới cơ chế giải quyết tranh chấp trong thực hiện các cam kết về lao động, Chương Lao động của TPP và Thư song phương về lao động giữa Việt Nam và Hoa Kỳ dự liệu 02 cơ chế xử lý:

### (i) Cơ chế xử lý trong trường hợp tranh chấp liên quan tới cam kết trong Chương lao động chung của TPP

Theo quy định tại Chương lao động, cũng giống như các nước TPP khác, trường hợp Việt Nam không thực hiện các cam kết của mình trong Chương Lao động, các nước TPP có quyền kiện Việt Nam theo thủ tục giải quyết tranh chấp tại Chương lao động (Hội đồng Lao động của TPP) và sau đó là theo thủ tục giải quyết tranh chấp cấp Nhà nước trong TPP.

### (ii) Cơ chế xử lý trong trường hợp không thực thi đầy đủ cam kết trong Thư song phương về lao động Việt Nam – Hoa Kỳ

Ngoài cam kết về lao động chung trong TPP như các nước khác, Việt Nam có cam kết riêng với Hoa Kỳ về một Kế hoạch Tăng cường Thương mại và Quan hệ lao động. Và Kế hoạch này bao gồm một cơ chế xử phạt riêng giữa hai Bên nếu Việt Nam không tuân thủ nghĩa vụ về quyền tự do liên kết của người lao động.

Cụ thể, đối với nghĩa vụ của Việt Nam liên quan tới quyền tự do liên kết của người lao động, sau 05 năm kể từ ngày TPP có hiệu lực, Hoa Kỳ được quyền đơn phương rà soát lại xem Việt Nam đã thực hiện đúng cam kết trong Kế hoạch hay chưa.

- Nếu Hoa Kỳ xác định là Việt Nam chưa thực hiện đúng cam kết thì trong vòng 2 năm sau đó, Hoa Kỳ có quyền dừng thực hiện các cam kết của nước này về thuế quan sau thời điểm đó đối với Việt Nam chỉ với điều kiện thông báo cho Việt Nam về ý định này và đã thảo luận với Việt Nam về điều này.

Đây là biện pháp đơn phương mà Hoa Kỳ có thể sử dụng mà không cần tuân thủ quy trình giải quyết tranh chấp chung của TPP.

- Việt Nam có quyền được kiện Hoa Kỳ theo Cơ chế giải quyết tranh chấp cấp Nhà nước trong TPP về việc áp dụng biện pháp trừng phạt đơn phương nói trên, và nếu kết quả khẳng định Việt Nam đã thực thi đúng và đủ nghĩa vụ về tự do công đoàn của mình thì Hoa Kỳ sẽ phải tiếp tục thực hiện cam kết về thuế quan.



## LƯU Ý DOANH NGHIỆP

---

Với các cam kết riêng giữa Việt Nam với Hoa Kỳ, việc thực thi các cam kết về lao động của Việt Nam trong TPP, đặc biệt liên quan tới quyền tự do liên kết của người lao động, được cho là sẽ khó khăn hơn (bởi cách thức và kết quả thực thi đã được chi tiết hóa và buộc phải tuân thủ, chứ không chung chung như lời văn trong Chương Lao động của TPP).

Đáng kể là nếu Hoa Kỳ đánh giá Việt Nam chưa thực hiện các cam kết này theo cách phù hợp trong vòng 5-7 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, biện pháp trừng phạt có thể áp dụng là ngừng các nhượng bộ thuế quan đến thời hạn cắt giảm/loại bỏ theo cam kết đối với Việt Nam. Điều này, nếu xảy ra, sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới quyền lợi xuất khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam liên quan.

Do đó các doanh nghiệp cần theo dõi sát quá trình thực thi nghĩa vụ này của Việt Nam để có biện pháp vận động, thúc đẩy phù hợp, tránh phải chịu biện pháp “trừng phạt” từ Hoa Kỳ.

## 72

## Các cam kết chung về môi trường trong TPP?

Môi trường vốn không phải là một nội dung được đề cập sâu trong các FTA truyền thống, khi được đưa vào đàm phán TPP, vấn đề này cũng gây tranh cãi khá gay gắt giữa các nước, chủ yếu trong việc xác định đâu là chuẩn cam kết về môi trường thích hợp cho tất cả các thành viên TPP.

Văn kiện kết thúc đàm phán TPP cho thấy mặc dù đã đi đến thống nhất về một loạt vấn đề, TPP không áp đặt về tiêu chuẩn môi trường tối thiểu phải tuân thủ nào cho các nước (trừ một số cam kết trong một số vấn đề môi trường cụ thể).

Các cam kết về môi trường trong TPP tập trung ở 02 nhóm sau đây:

### (i) Các cam kết về chính sách và pháp luật trong nước về môi trường

TPP không đặt ra tiêu chuẩn nào về chính sách, pháp luật môi trường mà các nước phải tuân thủ mà chỉ nhấn mạnh nghĩa vụ của các nước phải đảm bảo có hệ thống pháp luật đầy đủ về môi trường, theo hướng nâng cao dần mức độ bảo vệ môi trường và phải thực thi hiệu quả và nghiêm túc pháp luật đó; cam kết không vì mục tiêu khuyến khích thương mại, đầu tư mà giảm nhẹ hiệu lực pháp lý của các quy định về môi trường.

### (ii) Cam kết liên quan tới các Hiệp định đa phương về môi trường:

TPP không buộc các nước phải gia nhập hay tham gia bắt buộc các Công ước mới về môi trường mà chỉ yêu cầu các nước thực thi hiệu quả cam kết trong các Công ước về môi trường mà mình là thành viên, trong đó đặc biệt nhấn mạnh nghĩa vụ 03 điều ước quốc tế về môi trường mà các nước TPP đã là thành viên, bao gồm Nghị định thư MONTREAL về các chất làm suy giảm tầng ô-zôn; Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm từ tàu biển (Công ước MARPOL) và Công ước quốc tế về buôn bán các loài động thực vật hoang dã đang bị đe dọa (Công ước CITES).





## LƯU Ý DOANH NGHIỆP

---

Nhìn chung, các nguyên tắc cơ bản về môi trường trong TPP không vượt quá các tiêu chuẩn môi trường mà Việt Nam đã và đang áp dụng. Vì vậy việc thực hiện các cam kết này của TPP dự kiến sẽ không tạo ra tác động quá lớn với các doanh nghiệp có hoạt động sản xuất liên quan hoặc phải đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường.

Tuy nhiên, với cam kết khá rõ ràng về việc nâng dần mức độ bảo vệ môi trường trong TPP, các tiêu chuẩn môi trường sẽ áp dụng ở Việt Nam trong tương lai chắc chắn sẽ ngày càng cao hơn chứ không chỉ dừng ở mức hiện tại.

Do đó, các doanh nghiệp cần lưu ý tới định hướng này để có sự chuẩn bị và đầu tư thích hợp cho các tiêu chuẩn môi trường trong sản xuất kinh doanh.

## II. Môi trường

### 73

## Các cam kết cụ thể về môi trường trong TPP?

TPP không đưa ra các tiêu chuẩn môi trường cụ thể trong bất kỳ lĩnh vực nào. Tuy nhiên, TPP có đưa ra một số yêu cầu cụ thể về một số biện pháp, khía cạnh nhằm bảo vệ môi trường mà các nước phải tuân thủ.

Cụ thể, TPP có 02 nhóm cam kết tương đối chi tiết về môi trường như sau:

### (i) Các cam kết về minh bạch và tăng cường vai trò của các bên liên quan trong bảo vệ môi trường:

Nhóm này bao gồm các cam kết cụ thể, đặt ra các nghĩa vụ chi tiết và bắt buộc với các nước TPP, đáng chú ý có:

- Nghĩa vụ phải đảm bảo quyền của tổ chức, cá nhân (công chúng) kiện đòi bồi thường hoặc khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm pháp luật môi trường hoặc quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền có hành động thích hợp bảo vệ lợi ích của mình;
- Nghĩa vụ phải thiết lập cơ chế cụ thể để các tổ chức, cá nhân trong nước nộp Bản Đề trình (Đơn khiếu nại/kiến nghị) về môi trường, và nếu Bản Đề trình đó có cáo buộc nước Thành viên không đảm bảo các cam kết của mình về môi trường theo TPP thì sẽ có một cơ chế cho phép Ủy ban Môi trường của TPP xem xét Bản Đề trình này nhằm xem xét/đánh giá các giải pháp hợp tác để giải quyết.

### (ii) Các cam kết trong một số vấn đề môi trường cụ thể

TPP có các cam kết trong một số vấn đề môi trường cụ thể, ví dụ về:

- Đa dạng sinh học;
- Tự vệ trước các sinh vật ngoại lai;
- Giảm phát thải;
- Trợ cấp đối với việc khai thác/đánh bắt hải sản;
- Biện pháp bảo tồn;
- Chính sách với các loại hàng hóa, dịch vụ thân thiện/có lợi cho môi trường.

Tuy nhiên, đáng chú ý là mức độ cam kết trong các lĩnh vực này khá lỏng (trừ hai vấn đề trợ cấp đánh bắt trên biển và ngăn chặn hành vi khai thác và buôn bán động, thực vật hoang dã xuyên biên giới).

---

Riêng với Việt Nam, liên quan tới các nghĩa vụ về loại bỏ các loại trợ cấp đối với việc đánh bắt gây ảnh hưởng tới nguồn lợi thủy sản vốn đang trong tình trạng bị đánh bắt quá mức và trợ cấp đối với tàu cá hoạt động bất hợp pháp, trong khi các nước TPP phải thực hiện nghĩa vụ này trong vòng 03 năm kể từ ngày TPP có hiệu lực thì Việt Nam có thể yêu cầu gia hạn lộ trình này thêm 2 năm.


### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

---

Mặc dù phần lớn các cam kết trong Chương Môi trường của TPP là các nghĩa vụ chính sách, mang tính khuyến nghị, TPP vẫn có một số các yêu cầu bắt buộc cụ thể có thể tác động trực tiếp tới các doanh nghiệp. Đáng kể nhất là quy định buộc các nước thành viên phải thiết lập các cơ chế cho phép việc kiện đòi bồi thường và khắc phục đối với các hành vi vi phạm pháp luật môi trường thuận lợi, nhanh chóng và hiệu quả hơn.

Do đó, doanh nghiệp đang có hoạt động sản xuất kinh doanh có ảnh hưởng tới môi trường cần chú ý đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan của pháp luật môi trường, nhanh chóng xử lý các vi phạm hoặc hệ quả vi phạm phát sinh nếu không muốn đối mặt với các vụ kiện về môi trường phức tạp.





Chính sách cạnh tranh  
Thương mại điện tử  
Doanh nghiệp nhỏ và vừa

## 74

### Cam kết trong TPP về chính sách cạnh tranh có gì đáng chú ý?

TPP có một Chương về Chính sách cạnh tranh. Tuy nhiên, Chương này của TPP không bao gồm các cam kết về các chính sách cạnh tranh cụ thể mà chỉ chủ yếu đưa ra các nguyên tắc chung nhằm đảm bảo khuôn khổ cạnh tranh bình đẳng trong khu vực qua đó thúc đẩy mục tiêu về thương mại và đầu tư của Hiệp định.

Cụ thể, về chính sách cạnh tranh, các nước thành viên TPP cam kết phải đảm bảo một số yêu cầu chung, ví dụ:

- Ban hành và thực thi pháp luật cạnh tranh quốc gia để xử lý các hoạt động phản cạnh tranh, đảm bảo hiệu quả kinh tế và lợi ích của người tiêu dùng;
- Duy trì cơ quan cạnh tranh thực thi pháp luật cạnh tranh, hành động bảo vệ cạnh tranh trên nguyên tắc không phân biệt đối xử (về quốc tịch);
- Thực thi chính sách bảo vệ người tiêu dùng;
- Đảm bảo thủ tục công bằng trong tố tụng cạnh tranh (bên vi phạm phải được phép tiếp cận thông tin, cơ hội hợp lý được đưa ra chứng cứ bảo vệ mình, các thông tin cơ quan cạnh tranh thu thập phải bảo vệ bí mật kinh doanh của bên vi phạm....);
- Đảm bảo minh bạch trong thực thi pháp luật cạnh tranh;
- Hợp tác và phối hợp giữa các nước thành viên thông qua thông báo, tham vấn và trao đổi thông tin.

Đặc biệt, các cam kết trong TPP về tố tụng cạnh tranh có các quy định khá chi tiết về quyền của doanh nghiệp được khởi kiện hoặc yêu cầu cơ quan cạnh tranh tiến hành điều tra nhằm ngăn chặn hoặc khắc phục hành vi vi phạm luật cạnh tranh quốc gia cũng như các quyền cụ thể trong quá trình tố tụng.

## LƯU Ý DOANH NGHIỆP

---

Trong tổng thể, so với hệ thống pháp luật và thực thi cạnh tranh ở Việt Nam, các cam kết trong TPP không đặt ra các yêu cầu hoàn toàn mới về chính sách cạnh tranh.

Tuy nhiên, TPP có các quy định chi tiết rất đáng chú ý về các cơ chế tố tụng hoặc khiếu nại cạnh tranh mà doanh nghiệp có thể tận dụng để bảo vệ hiệu quả hơn lợi ích của mình trước các hành vi phản cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh (so với cơ chế chỉ cho phép khiếu nại hành chính, biện pháp xử lý chỉ là xử phạt hành chính, không có bồi thường thiệt hại trong tố tụng cạnh tranh Việt Nam hiện nay).

## 75

## TPP quy định về những vấn đề gì trong thương mại điện tử?

Thương mại điện tử là phương thức thương mại hiện đại, đang và sẽ rất phổ biến trong tương lai, tác động trực tiếp tới hiệu quả hoạt động thương hàng hóa, dịch vụ. Là một FTA thế hệ mới, TPP cũng đề cập tới phương thức thương mại “của thế kỷ mới” này.

Chương Thương mại điện tử trong TPP không đề cập tới tất cả các vấn đề của thương mại điện tử mà chỉ tập trung vào 03 nhóm chính sau đây:

### (i) Nhóm các cam kết liên quan tới chính sách đối với thương mại điện tử

Nhóm này bao gồm một số các cam kết cụ thể về chính sách của Nhà nước đối với các hoạt động thương mại điện tử, trong đó đáng chú ý có cam kết **không đánh thuế xuất nhập khẩu** đối với việc truyền dẫn điện tử; cam kết **không phân biệt đối xử** giữa các sản phẩm kỹ thuật số tương tự nhau và cam kết thừa nhận giá trị pháp lý của chữ ký số và tôn trọng quyền tự do thỏa thuận phương thức ký số.

### (ii) Nhóm các cam kết liên quan tới bảo vệ người tiêu dùng

Nhóm này bao gồm cam kết ban hành pháp luật về 02 mảng vấn đề:

- Pháp luật để **bảo vệ người tiêu dùng** trên môi trường mạng trước các hành vi gian lận, lừa đảo trong thương mại điện tử;
- Pháp luật để **bảo vệ thông tin cá nhân** của người dùng trong thương mại điện tử.

Đặc biệt, TPP yêu cầu các nước phải có quy định pháp luật để xử lý tin quảng cáo rác như buộc chủ thể phát tin nhắn phải cho phép người nhận hủy việc nhận, yêu cầu chỉ được phát tin nhắn nếu đã được người nhận đồng ý....

### (iii) Nhóm các cam kết về tôn trọng tự do của các chủ thể tham gia thương mại điện tử

Đây là nhóm cam kết không trực tiếp gắn với hoạt động thương mại điện tử nhưng tạo tiền đề cho hoạt động thương mại điện tử. Nhóm này bao gồm nhiều cam kết đối với Việt Nam là rất mới.

Chú ý là các nghĩa vụ trong Chương về thương mại điện tử này của TPP không áp dụng cho trường hợp mua sắm công, các biện pháp liên quan tới các thông tin do Chính phủ kiểm soát hoặc chiếm hữu, các ngoại lệ trong các Chương Dịch vụ xuyên biên giới và Đầu tư.

Với riêng Việt Nam, Việt Nam có bảo lưu về cơ chế giải quyết tranh chấp, theo đó đối với một số cam kết nhất định (ví dụ cam kết về không phân biệt đối xử, cam kết không bắt buộc phải đặt máy chủ tại Việt Nam, cam kết cho phép truyền thông tin qua biên giới bằng phương tiện điện tử), Việt Nam sẽ không thể bị kiện theo Cơ chế giải quyết tranh chấp cấp Nhà nước trong TPP.



---

Mặc dù có các cam kết trên, TPP vẫn thừa nhận các quyền liên quan của các nước trong vấn đề này, bao gồm:

- Quyền áp các loại thuế, phí, lệ phí nội địa đối với các “nội dung được truyền bằng phương thức điện tử”, miễn là các loại thuế, lệ phí hoặc khoản thu đó phù hợp với các quy định của Hiệp định;
- Không áp dụng nghĩa vụ “không phân biệt đối xử” đối với các hoạt động sử dụng các khoản trợ cấp hay tài trợ bởi Chính phủ của một thành viên TPP, bao gồm những khoản vay, bảo lãnh, đảm bảo từ chính phủ đối với sản phẩm số; không áp dụng đối với phát thanh truyền hình;
- Có quyền bảo lưu các biện pháp: Bảo đảm an ninh, quốc phòng, trật tự công cộng, quyền riêng tư : mỗi nước TPP có thể có những yêu cầu quản lý riêng đối với việc lưu chuyển thông tin bằng các phương thức điện tử; đối với việc sử dụng và đặt máy chủ (bao gồm cả các yêu cầu để đảm bảo an ninh, bảo mật thông tin liên lạc); có quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để thực hiện các chính sách công cộng chính đáng .

## 76

## TPP có quy định gì về quyền tự do của các chủ thể trong thương mại điện tử?

Trong Chương về Thương mại điện tử, TPP có một nhóm các quy định riêng nhằm hạn chế sự can thiệp của Nhà nước vào các hoạt động thương mại điện tử thông qua các biện pháp hạn chế quyền tự do tiếp cận thương mại điện tử của người dân.

**Liên quan tới quyền tự do của người kinh doanh** trên môi trường điện tử, đáng chú ý là các yêu cầu của TPP buộc các quốc gia thành viên phải:

- Cho phép chuyển thông tin qua biên giới bằng phương tiện điện tử phục vụ cho hoạt động kinh doanh;
- Cam kết không bắt buộc một chủ thể của nước Thành viên TPP khác phải đặt máy chủ tại nước mình hoặc sử dụng máy chủ đặt tại nước mình mới cho kinh doanh thương mại điện tử;
- Không đặt điều kiện buộc phải chuyển giao, cho phép tiếp cận mã nguồn của phần mềm để đổi lấy quyền nhập khẩu, phân phối, bán hoặc sử dụng phần mềm hoặc sản phẩm chứa phần mềm đó trên lãnh thổ nước mình.

**Liên quan tới quyền tự do của người tiêu dùng** trong thương mại điện tử, các nước TPP cam kết ghi nhận lợi ích của người tiêu dùng trong việc:

- Có thể tiếp cận và sử dụng dịch vụ và chương trình ứng dụng mà mình lựa chọn trên Internet;
- Có thể kết nối với các thiết bị đầu - cuối, tiếp cận thông tin trên mạng lưới quản lý của nhà cung cấp dịch vụ Internet.

Nói cách khác, các nước TPP thừa nhận việc cần phải cho người dùng quyền tiếp cận các trang thương mại điện tử và không ngăn chặn việc này trừ trường hợp pháp luật nội địa có quy định.

**Liên quan tới quyền tự do của nhà cung cấp hạ tầng** cho thương mại điện tử, các nước TPP cũng cam kết tôn trọng quyền tự do thỏa thuận theo các tính toán thương mại thông thường của các nhà cung cấp dịch vụ kết nối Internet. Ngoài ra, các nước TPP cũng cam kết khuyến khích các nhà cung cấp dịch vụ của các nước để thực thi nghĩa vụ chia sẻ chi phí thiết lập, vận hành, bảo trì cổng IP và backhaul, cũng như sử dụng các trang thiết bị kết nối Internet.

## LƯU Ý DOANH NGHIỆP

---

So với pháp luật Việt Nam hiện hành, các cam kết về thương mại điện tử trong TPP đi xa hơn trong nhiều vấn đề, đặc biệt trong việc giảm bớt hoặc bỏ các biện pháp kiểm soát khắt khe đối với các nhà cung cấp dịch vụ kết nối, với các doanh nghiệp sử dụng phương thức thương mại điện tử (trong đó có cả các hình thức quảng cáo, giới thiệu sản phẩm... trên các trang mạng, kể cả mạng xã hội).

Đối với người tiêu dùng, mặc dù mức độ cam kết chỉ là “ghi nhận” các quyền tự do tiếp cận và kết nối của người tiêu dùng với các trang web có thương mại điện tử, TPP cũng sẽ hạn chế đáng kể quyền can thiệp của Nhà nước trong việc cho phép hay hay ngăn chặn người tiêu dùng tiếp cận, kết nối với các trang web thương mại điện tử.

Hoạt động thương mại điện tử, vì vậy, được đánh giá là sẽ nhận được những lợi ích tích cực khi TPP có hiệu lực với Việt Nam.

## 77

### TPP có cam kết gì về SME?

---

TPP có cam kết về SME trong Chương về SME và rải rác trong nhiều Chương khác của Hiệp định.

**Chương SME** trong TPP bao gồm các cam kết dành riêng cho SME. Tuy nhiên, Chương này không đặt ra các ưu đãi hay cơ chế riêng cho SME mà tập trung vào các biện pháp nhằm tăng cường việc cung cấp thông tin (minh bạch hóa) mà các nước TPP phải thực hiện cho các SME nhằm tạo điều kiện để nhóm này tận dụng được tốt nhất các lợi ích từ TPP.

Cụ thể, Chương này tập trung vào 02 nhóm vấn đề:

#### (i) Thiết lập website về TPP cho SME

TPP yêu cầu các nước Thành viên phải thiết lập và duy trì một website thông tin về TPP cho SMEs, trong đó đáng chú ý là website này phải:

- Cung cấp thông tin văn kiện TPP;
- Cung cấp các thông tin về cam kết trong TPP về SME (miêu tả các quy định trong TPP có liên quan tới SME);
- Bất kỳ thông tin nào khác cần thiết để SME tận dụng được các cơ hội từ TPP)
- Kết nối với các website liên quan của các cơ quan có thẩm quyền khác cả trong nước và quốc tế.

#### (ii) Ủy ban về SME trong TPP

TPP quy định về việc thành lập và vận hành một Ủy ban về SME trong TPP làm đầu mối cho những nỗ lực hợp tác giữa các nước và cho các hoạt động hỗ trợ SME (ví dụ đào tạo nâng cao năng lực, cung cấp thông tin, trao đổi thực tiễn tốt, xây dựng các chương trình hỗ trợ SME...).

Chương SME cũng không chịu sự điều chỉnh của Cơ chế giải quyết tranh chấp cấp Nhà nước trong TPP (điều này có nghĩa là các nước TPP nếu vi phạm các cam kết trong Chương này cũng sẽ không thể bị kiện theo Cơ chế này).

### Cam kết về SME trong các Chương khác của TPP

TPP có một số cam kết về SME hoặc dành riêng cho SME trong các Chương khác của TPP như một nhóm đặc thù cần được lưu ý và/hoặc được hưởng một số các ngoại lệ nhất định, ví dụ:

- Chương về Mua sắm công: SME được dành những ngoại lệ, ưu tiên nhất định trong tiếp cận các gói thầu mua sắm công (nằm ngoài các nguyên tắc chung về mua sắm công);
- Thương mại điện tử: TPP yêu cầu các nước hợp tác để hỗ trợ SME sử dụng hiệu quả thương mại điện tử;
- Thuận lợi hóa thương mại: SME là một yếu tố được cân nhắc đến trong quá trình tính mức thuế khoán cho các gói hàng chuyển phát nhanh;
- Lao động: TPP khuyến nghị các nước có hình thức hợp tác để tạo điều kiện tăng năng suất lao động của các SME...

Điều này cho thấy TPP quan tâm tới nhóm doanh nghiệp này và nhấn mạnh các lợi ích của nhóm này trong TPP.



### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Việc TPP phải dành một Chương riêng chỉ nói về vấn đề thông tin và hỗ trợ SME tận dụng cơ hội TPP cho thấy vấn đề tiếp cận thông tin có lẽ không phải vấn đề riêng của các doanh nghiệp Việt Nam. Tuy nhiên, so với doanh nghiệp ở các nước TPP khác, SME ở Việt Nam gặp khó khăn hơn rất nhiều. Vì vậy, để tận dụng cơ hội từ TPP cũng như vượt qua thách thức từ Hiệp định này, các SME cần chủ động tìm hiểu thông tin về các cam kết TPP liên quan tới mình, đặc biệt là tận dụng kênh website riêng về TPP cho SME mà các nước Thành viên sẽ phải lập ra theo cam kết TPP.

Đáng chú ý, TPP là FTA có các cam kết đáng chú ý nhất dành riêng cho các SME mà Việt Nam đã từng tham gia từ trước đến nay. Trong khi phần lớn các cam kết này hướng tới việc tạo điều kiện để SME cạnh tranh tốt hơn trong bối cảnh TPP nói chung, cũng có nhiều cam kết cụ thể (đặc biệt trong Chương Mua sắm công) có thể mang đến các lợi ích rất thực tế cho SMEs. Vì vậy các SME cần đặc biệt nghiên cứu các ngoại lệ dành cho SME trong TPP để tận dụng khi cần thiết.





**Minh bạch, chống tham nhũng  
và Giải quyết tranh chấp**

## 78

## Tham gia TPP, Việt Nam phải thực hiện nghĩa vụ nào về minh bạch hóa?

Minh bạch là vấn đề được nhấn mạnh trong nhiều cam kết ở hầu hết các Chương của TPP, với các quy định về các nghĩa vụ công khai thông tin, thông báo dự thảo... trong những vấn đề cụ thể.

Chương Minh bạch hóa và Chống Tham nhũng trong TPP quy định về các nghĩa vụ minh bạch chung mà các Chương về các vấn đề riêng không đề cập.

Cụ thể, TPP yêu cầu các nước Thành viên phải thực hiện các nghĩa vụ về minh bạch liên quan tới 03 nhóm vấn đề chung và một khía cạnh riêng (về được phẩm) như sau:

### (i) Minh bạch về các văn bản pháp luật áp dụng chung

Trong nhóm cam kết này đáng chú ý có yêu cầu các nước Thành viên phải ít nhất là đăng tải dự thảo văn bản quy phạm pháp luật cấp trung ương trên ấn phẩm hoặc trên một website chính thức **duy nhất**.

Cũng như vậy khi các văn bản này đã được ban hành, cần được đăng trên Công báo hoặc một website chính thức duy nhất, khuyến nghị có thêm **bản giải trình thuyết minh** cho văn bản đó.

### (ii) Minh bạch liên quan đến các thủ tục tố tụng hành chính áp dụng pháp luật và quy định mang tính áp dụng chung

Nhóm cam kết này đòi hỏi các nước TPP đảm bảo rằng trong các thủ tục ban hành quyết định hành chính chủ thể bị ảnh hưởng trực tiếp phải được thông báo đầy đủ, phải có cơ hội để trình bày thực tế và lập luận để bảo vệ mình trước các quyết định hành chính cuối cùng.

### (iii) Minh bạch trong các thủ tục khiếu nại, khiếu kiện

TPP không chỉ yêu cầu các nước phải có cơ chế cho phép khiếu nại, khởi kiện một quyết định hành chính cuối cùng, bảo đảm quyền tố tụng của các bên mà còn đòi hỏi các nước phải đảm bảo rằng các quyết định giải quyết được thực thi nghiêm túc.

### (iv) Minh bạch trong một số thủ tục liên quan tới được phẩm và thiết bị y tế

Chương Minh bạch hóa và Chống Tham nhũng trong TPP có một Phụ lục riêng quy định về các nguyên tắc nhằm minh bạch hóa danh mục được phẩm và thiết bị y tế được hoàn trả theo các chương trình bảo hiểm hoặc chăm sóc sức khỏe quốc gia do Cơ quan có thẩm quyền về y tế bảo hiểm thanh toán. Tuy nhiên, các quy định trong Phụ lục này sẽ không áp dụng đối với các gói mua sắm công và không thể bị kiện theo Cơ chế giải quyết tranh chấp cấp Nhà nước trong TPP.



## LƯU Ý DOANH NGHIỆP

---

Pháp luật Việt Nam hiện đã đáp ứng về cơ bản các nghĩa vụ trong Chương về minh bạch của TPP. Tuy nhiên ở một số điểm cụ thể vẫn cần điều chỉnh thêm (ví dụ hiện tất cả các văn bản quy phạm pháp luật ở trung ương chưa được đăng tải trên một website chính thức duy nhất, vẫn có một số văn bản cấp trung ương không được đăng trên Công báo...).

Một số nghĩa vụ minh bạch trong TPP có ý nghĩa quan trọng với doanh nghiệp (ví dụ quyền được thông báo, trình bày, lập luận trước khi cơ quan hành chính ra quyết định hành chính, quyền được đảm bảo quyết định giải quyết khiếu nại được thực thi nghiêm túc...). Vì vậy các doanh nghiệp cần chú ý tới các quyền này để bảo vệ tốt hơn lợi ích của mình trong quan hệ với các cơ quan Nhà nước liên quan.

## 79

## Tham gia TPP, Việt Nam phải thực hiện nghĩa vụ nào về chống tham nhũng?

TPP không đề cập tới tất cả các khía cạnh, hành vi tham nhũng mà chỉ bao gồm các cam kết của các nước liên quan tới các biện pháp nhằm loại trừ hối lộ và tham nhũng trong các lĩnh vực thuộc phạm vi của Hiệp định TPP.

Các cam kết trong TPP về chống tham nhũng bao gồm các nhóm sau:

### (i) Các cam kết liên quan tới các Công ước quốc tế về chống tham nhũng

Các nước TPP cam kết gia nhập Công ước của Liên Hợp quốc về chống tham nhũng năm 2003 và khẳng định tuân thủ Bộ Quy tắc ứng xử của APEC dành cho Công chức năm 2007

### (ii) Cam kết liên quan tới hành vi phải xử lý hình sự

TPP yêu cầu các nước Thành viên phải **xử lý hình sự** đối với các hành vi hối lộ công chức, hành vi đòi hoặc nhận hối lộ của công chức, kể cả công chức nước ngoài hay công chức của tổ chức quốc tế. TPP cũng yêu cầu xử lý hình sự đối với các hành vi xúi giục, hỗ trợ, cấu kết để thực hiện các hành vi hối lộ/nhận hối lộ này.

Chú ý là theo TPP thì việc nhận hối lộ không nhất thiết phải là để mang lại lợi ích cho bản thân công chức mà cho cả các trường hợp lợi ích cho một chủ thể khác miễn là để đánh đổi lại việc công chức sẽ làm hoặc không làm một việc nào đó thuộc chức trách của mình. Và việc làm này của công chức không nhất thiết phải mang lại ưu thế nào cho người hối lộ (trừ trường hợp hối lộ công chức nước ngoài hoặc của tổ chức quốc tế).

Bên cạnh đó, TPP có quy định về các nghĩa vụ cụ thể liên quan tới việc xử lý hình sự và mức xử phạt các hành vi nói trên cùng các quy định chi tiết liên quan tới sổ sách, kế toán để ngăn chặn các hành vi hối lộ nói trên.

### (iii) Các cam kết khác

Bên cạnh các cam kết về các nghĩa vụ cụ thể liên quan tới hành vi hối lộ, tham nhũng, TPP còn bao gồm các cam kết mang tính khuyến nghị về việc hạn chế cơ hội tham nhũng (ví dụ cam kết nỗ lực nâng cao minh bạch trong tuyển dụng, đào tạo công chức, các quy tắc giúp loại trừ các trường hợp có mâu thuẫn về lợi ích, các yêu cầu báo cáo hoặc công khai tài sản... ) và tăng cường sự tham gia của khu vực tư nhân và xã hội vào các hoạt động/cơ chế phòng chống tham nhũng.

## LƯU Ý DOANH NGHIỆP

---

Liên quan tới cam kết trong TPP về vấn đề tham nhũng, doanh nghiệp cần chú ý là TPP yêu cầu xử lý hình sự nghiêm khắc hơn so với hiện hành. Doanh nghiệp hối lộ có thể bị xử lý hình sự dù người nhận hối lộ là công chức trong nước hay nước ngoài, hoặc của tổ chức quốc tế; dù việc hối lộ có nhằm tạo ra lợi ích, ưu thế cho chính người hối lộ hay cho người khác.

Vì vậy, doanh nghiệp cần chú ý tới vấn đề này trong quá trình hoạt động kinh doanh của mình.

## 80

## Nếu một nước TPP không tuân thủ cam kết trong TPP thì các nước khác có thể khởi kiện không? Theo thủ tục nào?

TPP có một Chương về Giải quyết tranh chấp, được sử dụng để giải quyết các tranh chấp liên quan tới các cam kết trong khuôn khổ TPP giữa các nước thành viên TPP (gọi là Cơ chế giải quyết tranh chấp cấp Nhà nước của TPP).

**VỀ CHỦ THỂ ÁP DỤNG**, Cơ chế này chỉ sử dụng cho các Nhà nước (Chính phủ) các nước thành viên TPP.

**VỀ PHẠM VI ÁP DỤNG**, trừ các trường hợp đã loại trừ khỏi diện áp dụng của Cơ chế này một minh thị (trong các cam kết cụ thể ở các Chương), tất cả các cam kết trong các Chương khác của TPP nếu có tranh chấp giữa các nước thành viên TPP trong quá trình thực thi đều có thể được giải quyết bằng Cơ chế này.

Cụ thể, Cơ chế này sẽ được áp dụng để giải quyết các tranh chấp sau (i) Tranh chấp liên quan tới việc giải thích hoặc áp dụng các cam kết trong TPP; (ii) Khi một biện pháp (được áp dụng hoặc dự kiến áp dụng) của một nước thành viên được cho là không phù hợp với TPP; (iii) Khi một thành viên không thực hiện một nghĩa vụ cam kết trong TPP; hoặc (iv) Khi một thành viên cho rằng lợi ích kỳ vọng của họ đã bị làm vô hiệu hóa hoặc suy giảm bởi một biện pháp của một thành viên khác của TPP.

**Quy trình giải quyết tranh chấp** theo Cơ chế này gần giống với quy trình của Cơ chế giải quyết tranh chấp cấp Nhà nước trong WTO. Có thể tóm tắt quy trình này như trong Biểu đồ dưới đây:

Quy trình giải quyết tranh chấp:



## 80

### Sự tham gia của công chúng và Bên thứ ba

Hiệp định cho phép sự tham gia của công chúng vào quá trình giải quyết tranh chấp. Cụ thể công chúng được tiếp cận các văn bản mà các bên đệ trình lên Ban hội thẩm cũng như Báo cáo cuối cùng của cơ quan này; được tham dự các phiên điều trần; các tổ chức phi chính phủ có thêm quyền được yêu cầu gửi các bình luận bằng văn bản cho Ban Hội thẩm trong suốt quá trình giải quyết tranh chấp.

Đáng chú ý, các Bên thứ ba là thành viên của Hiệp định nhưng không phải là một trong hai bên tranh chấp được phép tham dự các phiên điều trần, gửi các bình luận bằng văn bản và thậm chí được trình bày quan điểm trực tiếp với Ban Hội thẩm, được nhận các bản đệ trình của các bên tranh chấp.

### Kết quả xử lý tranh chấp

Nếu Báo cáo cuối cùng của Ban Hội thẩm xác định rằng: (i) Biện pháp của một nước Thành viên không phù hợp với các nghĩa vụ của nước đó theo Hiệp định; hoặc (ii) Một nước Thành viên không tuân thủ một nghĩa vụ theo Hiệp định, hoặc (iii) Biện pháp mà nước Thành viên thực hiện làm vô hiệu hóa hoặc suy giảm lợi ích của thành viên khác theo TPP, thì nước Thành viên vi phạm sẽ có một khoảng thời gian hợp lý để sửa chữa hoặc rút lại các vi phạm đó.

Nhưng nếu nước Thành viên vi phạm không thực hiện trách nhiệm được yêu cầu trong khoảng thời gian đó, nước Thành viên thắng kiện có thể yêu cầu đền bù hoặc đình chỉ một lợi ích theo Hiệp định dành cho Thành viên vi phạm đó.



### LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Cơ chế giải quyết tranh chấp cấp Nhà nước trong TPP chỉ dành cho các Chính phủ các nước TPP (tham gia với tư cách nguyên đơn, bị đơn, bên thứ ba liên quan). Doanh nghiệp không thể tham gia vào quá trình này.

Tuy nhiên, cũng giống như Cơ chế giải quyết tranh chấp trong WTO, Cơ chế này là để bảo vệ lợi ích của các nước trong TPP, mà lợi ích kinh tế lớn nhất từ TPP là các lợi ích thương mại – đầu tư dành cho các doanh nghiệp TPP. Trên thực tế, phần lớn các tranh chấp trong WTO là xuất phát từ các kiến nghị, đề xuất từ các nhóm doanh nghiệp cụ thể.

Do đó, một khi TPP có hiệu lực, doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp hay các hiệp hội doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh với các đối tác TPP, nếu nhận thấy các Chính phủ TPP có biện pháp hay chính sách không phù hợp với cam kết và nghĩa vụ bắt buộc trong TPP gây thiệt hại cho doanh nghiệp mình, ngành mình, có thể đề xuất để Chính phủ nước mình xem xét, thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo vệ quyền lợi theo TPP, trong đó có cả việc sử dụng Cơ chế giải quyết tranh chấp cấp Nhà nước của TPP.

CẨM NANG DOANH NGHIỆP  
**TÓM LƯỢC**  
HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG (TPP)

**Chịu trách nhiệm xuất bản**  
Phó Giám đốc Phụ trách - Tổng Biên tập  
NGUYỄN MINH HUỆ

**Biên tập**  
Phùng Thị Lan Phương  
Tôn Nữ Thanh Bình  
Nguyễn Thị Thanh Hải

**Chế bản**  
Công ty TNHH Giải pháp DEMAC

**Trình bày**  
Anchorgraphics.vn@gmail.com

**NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG**  
Trụ sở: Số 655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội  
Điện thoại: (04) 3 934 1562 Fax: (04) 3 938 7164  
Websites: <http://nhaxuatbancongtuong.com>  
Email: [nxbct@moit.gov.vn](mailto:nxbct@moit.gov.vn)

In 3000 cuốn, khổ 19x26 cm tại Công ty TNHH Giải pháp DEMAC  
Số xác nhận đăng ký xuất bản: 3830-2016/CXBIPH/02-93/CT  
Số Quyết định xuất bản: 55A/QĐ-NXBCT cấp ngày 04/11/2016  
Mã số ISBN: 978-604-931-235-9  
In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2016



TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP  
PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM  
Địa chỉ: Số 9 Đào Duy Anh – Hà Nội  
Điện thoại: +84-4-35771458, Fax: +84-4-35771459  
Email: banthuky@trungtamwto.vn, Website: www.trungtamwto.vn

